

Số: **571** /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **02** tháng **4** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành kế hoạch phòng, chống thiên tai
tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều ngày
17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng,
chống thiên tai;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số
360/TTr-SNN ngày 30 tháng 12 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *me*

- Như Điều 3;
- Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT;
- Ủy ban Quốc gia UPSC, TT và TKCN;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP Thường trực BCH PCTT-TKCN tỉnh (Chi cục Thủy lợi);
- Lưu: VT, NLN. *me*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



me
Nguyễn Thế Phước

KẾ HOẠCH

Phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **571** /QĐ-UBND ngày **02** / **4** /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

Giai đoạn 2016 - 2019, công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai tỉnh Yên Bái đã đạt được những kết quả đáng kể, chuyển từ bị động ứng phó sang chủ động phòng ngừa. Các địa phương trong tỉnh đã chủ động hơn trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội; trong đó, công tác lập kế hoạch phòng, chống thiên tai 5 năm và cập nhật hàng năm giữ vai trò quan trọng và luôn được chính quyền các cấp và các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện.

Trước diễn biến thiên tai ngày càng phức tạp, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 về công tác phòng, chống thiên tai nhằm nâng cao năng lực, chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm tổn thất về người và tài sản; tạo điều kiện phát triển bền vững và từng bước xây dựng cộng đồng, xã hội an toàn trước thiên tai. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết tại Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 03/10/2019, yêu cầu các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh triển khai thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái đã ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh và điều chỉnh tại Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 14/8/2018; điều chỉnh, bổ sung tại Kế hoạch tại Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 27/11/2019, trong đó yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong tỉnh triển khai thực hiện.

Để tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai. Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Kế hoạch Phòng, chống thiên tai tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025 nhằm xác định mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của công tác phòng, chống thiên tai trong 5 năm để các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức triển khai thực hiện.

CHƯƠNG I

CĂN CỨ PHÁP LÝ LẬP KẾ HOẠCH

Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020.

Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/03/2017 của Chính phủ Quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai.

Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai.

Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 30/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia đến năm 2020;

Quyết định số 1061/QĐ-TTg ngày 01/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống thiên tai;

Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;

Quyết định số 334/QĐ-PCTT-UPKP ngày 31/12/2017 của Tổng cục Phòng, chống thiên tai ban hành hướng dẫn xây dựng kế hoạch Phòng, chống thiên tai các cấp.

Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

Kế hoạch số 193-KH/TU ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Tỉnh ủy Yên Bái về Kế hoạch hành động thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

Nhằm chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2025 với các nội dung sau:

CHƯƠNG II

MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. Mục đích

1. Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra. Đồng thời khắc phục khẩn trương, có hiệu quả sau thiên tai.

2. Nâng cao nhận thức cộng đồng trong quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng chống thiên tai của toàn dân trên địa bàn tỉnh.

3. Dựa trên cơ sở Kế hoạch Phòng, chống thiên tai này, các địa phương, cơ quan, đơn vị trong tỉnh chủ động xây dựng, rà soát kế hoạch, tổ chức thực hiện sát với tình hình thực tế nhằm xây dựng xã hội an toàn trước thiên tai.

II. Yêu cầu

1. Thống nhất vai trò chỉ huy điều hành của Ban Chỉ huy các cấp và cơ chế phối hợp giữa các lực lượng tham gia phòng chống thiên tai trên địa bàn.

2. Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh trong hoạt động phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

3. Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai có hiệu quả.

4. Quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “4 tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ).

5. Tuyên truyền, giáo dục, cung cấp kiến thức về phòng, chống thiên tai và tác động của thiên tai đến an toàn tính mạng và tài sản của người dân trong tỉnh.

6. Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ đặc biệt là công nghệ 4.0 phù hợp với công tác phòng, chống thiên tai trong tình hình mới.

7. Cung cấp thông tin cho việc lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình nông thôn mới, tăng trưởng xanh... của địa phương.

8. Sử dụng nguồn kinh phí có hiệu quả trong việc phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả, tái thiết sau thiên tai; ưu tiên các giải pháp phi công trình, đặc biệt trong việc nâng cao năng lực và nhận thức cho cộng đồng chủ động phòng, chống thiên tai.

9. Có xét đến bối cảnh biến đổi khí hậu và khả năng xảy ra thiên tai cực đoan.

CHƯƠNG III

ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI, CƠ SỞ HẠ TẦNG CHỦ YẾU

I. Vị trí địa lý:

Yên Bái là tỉnh miền núi phía Bắc, giới hạn bởi: Phía Bắc giáp tỉnh Lào Cai và Lai Châu; phía Nam giáp tỉnh Phú Thọ; phía Đông giáp 2 tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang; phía Tây giáp tỉnh Sơn La.

Yên Bái có 9 đơn vị hành chính (1 thành phố, 1 thị xã và 7 huyện) với tổng số 173 xã, phường, thị trấn (150 xã và 23 phường, thị trấn). Yên Bái là đầu mối và trung độ của các tuyến giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy từ Hải Phòng, Hà Nội lên cửa khẩu Lào Cai, là một lợi thế trong việc giao lưu với các tỉnh bạn, với các thị trường lớn trong và ngoài nước.

- Diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 688.745ha, trong đó:

+ Đất nông nghiệp: 587.879 ha (Đất trồng cây hàng năm 71.965 ha; đất trồng cây lâu năm 48.212 ha; đất lâm nghiệp 464.892 ha; đất nuôi trồng thủy sản 2.714 ha; đất nông nghiệp khác 96 ha);

+ Đất phi nông nghiệp: 53.724 ha;

+ Đất chưa sử dụng: 47.142 ha.

II. Đặc điểm địa hình, địa chất

1. Đặc điểm địa hình

Yên Bái nằm ở vùng núi phía Bắc, có đặc điểm địa hình cao dần từ Đông Nam lên Tây Bắc và được kiến tạo bởi 3 dãy núi lớn đều có hướng chạy Tây Bắc-Đông Nam: phía Tây có dãy Hoàng Liên Sơn - Pú Luông nằm kẹp giữa sông Hồng và sông Đà, tiếp đến là dãy núi cổ Con Voi nằm kẹp giữa sông Hồng và sông Chảy, phía Đông có dãy núi đá vôi nằm kẹp giữa sông Chảy và sông Lô. Địa hình khá phức tạp nhưng có thể chia thành 2 vùng lớn: vùng cao và vùng thấp. Vùng cao có độ cao trung bình 600 m trở lên, chiếm 67,56% diện tích toàn tỉnh; dân cư thưa thớt, có tiềm năng về đất đai, lâm sản, khoáng sản, có khả năng huy động vào phát triển kinh tế - xã hội. Vùng thấp có độ cao dưới 600 m, chủ yếu là địa hình đồi núi thấp, thung lũng bồn địa, chiếm 32,44% diện tích tự nhiên toàn tỉnh.

2. Đặc điểm địa chất, thổ nhưỡng

2.1. Cấu tạo địa tầng: Theo kết quả thăm dò của Đoàn địa chất 29 trước đây về cấu tạo địa tầng ở Yên Bái có thể đánh giá như sau: Tuyệt đại bộ phận đất đai được hình thành bởi các đá mẹ cổ, đã bị biến chất mạnh. Riêng lòng sông Đà, sông Thao, sông Lô hình thành do bồi đắp phù sa đệ Tứ Kỷ. Cấu tạo địa tầng phổ biến là:

- Phúc hệ đá biến chất gồm đá Gờ Nai và phiến thạch Mi Ca thường gặp ở các đồi núi tả ngạn sông Hồng

- Phúc hệ đá Trầm Tích gồm các phiến Thạch sét, đá sét, phiến thạch sét vôi, đá vôi tuổi đệ vôn, phân bố ở Thanh Sơn, Yên lập.

- Trầm tích đệ Tứ Kỷ gồm sa cổ, phù sa mới, phân bố dọc theo 2 bên bờ sông Đà, sông Thao, sông Lô, sông Bứa, sông Chảy. Nguồn gốc của các loại phù sa do các sông chảy tạo nên. Đặc điểm của phù sa cổ là tầng cuội sỏi rất dày tới 5,6 - 10m, với đặc điểm địa chất như trên việc xây dựng các công trình đầu mối thủy lợi và hệ thống kênh mương nhìn chung rất thuận lợi.

2.2. Địa chất thủy văn: Theo khảo sát sơ bộ thấy rằng trữ nước dưới đất ở địa bàn Yên Bái khá phong phú, kết quả điều tra khảo sát ban đầu toàn tỉnh có trữ lượng khai thác cấp công nghiệp từ 71.000 đến 87.600 m³/ngày đêm. Độ khoáng hoá của nước ở cả 3 mức độ siêu nhạt (0,1 g/lít), nhạt (0,1 - 1g/lít) và lợ (1 - 3 g/l). Đây là nguồn nước có thể dùng bổ sung cho nơi thiếu các nguồn nước mặt, tuy nhiên hiện còn gặp khó khăn về giải pháp và kinh phí đầu tư khi khai thác nguồn nước này.

2.3. Điều kiện thổ nhưỡng

Nhóm đất phù sa: Chiếm 1,33% diện tích toàn tỉnh, phân bố chủ yếu ở khu vực sông, ngòi, suối lớn. Loại đất này thích hợp cho sự phát triển của các cây lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp hàng năm.

Nhóm đất Glây: Chiếm 0,61% diện tích toàn tỉnh, phân bố trên các địa hình trũng thấp, thung lũng thích hợp với việc trồng lúa nước.

Nhóm đất đen: Chiếm 0,13% diện tích toàn tỉnh, phân bố trên các thung lũng và ven chân núi đá vôi, thích hợp với trồng các loại cây màu và cây công nghiệp hàng năm.

Nhóm đất xám: Chiếm 82,37% diện tích toàn tỉnh, phân bố ở độ cao dưới 1.800 m, tập trung nhiều nhất ở Văn Chấn, Trạm Tấu, Mù Cang Chải. Ở độ dốc dưới 25° rất thích hợp với trồng cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả, nơi có độ dốc trên 25° thích hợp với việc trồng rừng nguyên liệu.

Nhóm đất mùn Alít: Chiếm 8% diện tích toàn tỉnh, phân bố ở vùng cao trên 1.800 m thuộc các huyện Trạm Tấu, Mù Cang Chải, Văn Chấn, thích hợp cho việc trồng rừng.

Nhóm đất tầng mỏng: Chiếm 0,2% diện tích toàn tỉnh, phân bố ở vùng đá lộ đầu thuộc các huyện Lục Yên, Văn Yên, Văn Chấn, chỉ thích hợp với một số cây chống xói mòn như muồng, keo.

Các loại đất khác như sông, suối, núi đá chiếm 5,54% diện tích toàn tỉnh. Loại đất này ít khai thác vào phát triển kinh tế, chủ yếu là phải bảo vệ để đảm bảo môi trường sinh thái.

III. Đặc điểm khí tượng, thủy văn

1. Đặc điểm khí hậu:

Yên Bái nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, hàng năm hình thành 2 mùa rõ rệt:

- Mùa mưa (nóng ẩm) từ tháng 4 tới tháng 10: Nhiệt độ trung bình: 25°C, tháng nóng nhất là tháng 7, có ngày nhiệt độ lên tới 37°C - 38°C. Lượng mưa mùa này chiếm 80 - 85% lượng mưa cả năm, số ngày mưa nhiều, cường độ lớn, đặc biệt trong các tháng 6, 7, 8 thường có mưa lớn kèm theo gió xoáy, mưa đá, gây lũ quét, ngập lụt ở các triền sông, suối, làm hư hỏng các công trình thủy lợi, gây thiệt hại lớn cho sản xuất và đời sống.

- Mùa khô (lạnh) từ tháng 11 tới tháng 3 năm sau: Nhiệt độ trung bình 18°C, tháng lạnh nhất là tháng 1, nhiệt độ thấp nhất 1°C. Lượng mưa mùa này quá ít không đủ cung cấp nước cho sản xuất, đời sống nên hay xảy ra hạn hán, có năm vụ Đông - Xuân có tới hàng nghìn ha bị thiếu nước. Bên cạnh đó tình trạng sương muối, sương mù, ít ánh sáng mặt trời cũng gây ảnh hưởng lớn đến thâm canh tăng năng suất của cây trồng, đặc biệt tại 2 huyện vùng cao: Trạm Tấu, Mù Cang Chải.

2. Các vùng khí hậu:

Yên Bái có thể chia thành 5 tiểu vùng khí hậu:

2.1. Vùng núi cao Mù Cang Chải: Ở độ cao 800 - 1.200 m, nhiệt độ trung bình 18 - 20°C, thấp nhất -2°C, có nhiều sương muối, băng giá, mùa hè có gió Lào, lượng mưa trung bình 1.900 mm.

2.2. Vùng đồi cao, núi thấp thuộc thung lũng sông Thao, sông Chảy ở độ cao 300 - 800 m, nhiệt độ trung bình 21°C - 23°C, thấp nhất 2°C, lượng mưa trung bình 1.600-1.800 mm.

Vùng Nam Trấn Yên - Thành phố Yên Bái: Ở độ cao trung bình 100 - 300 m, nhiệt độ trung bình 23°C - 24°C, nhiệt độ thấp nhất 3°C, lượng mưa phía bắc 1.500 mm, phía nam 2.200 mm, mùa đông chịu ảnh hưởng nhiều của gió mùa Đông Bắc, thiếu ánh sáng nên vụ Đông - Xuân thường cấy muộn hơn.

2.3. Vùng trong và vùng thượng huyện Văn Chấn: Ở độ cao 200 - 400 m, nhiệt độ trung bình 22°C - 23°C, nhiệt độ thấp nhất 1°C, lượng mưa 1.400 - 1.600 mm. Khí hậu vùng này thích hợp với cây lương thực, cây ăn quả và cây chè.

2.4. Vùng núi cao Tây Nam Văn Chấn: Ở độ cao 800 - 1.000 m, nhiệt độ trung bình 18°C, lượng mưa phía Bắc 1.800 - 2.000 mm, phía nam 1.400 mm.

2.5. Vùng Lục Yên - Yên Bình: Ở độ cao 100 - 300m, khí hậu mùa đông ít lạnh, mùa hè mát mẻ chịu ảnh hưởng nhiều của vùng hồ Thác Bà, thích hợp cho cây lương thực và cây công nghiệp lâu năm.

3. Đặc điểm mưa:

Nhìn chung lượng mưa ở Yên Bái tương đối lớn, lượng mưa bình quân nhiều năm biến đổi từ 1.500 mm đến 2.200 mm, tùy theo từng vùng khác nhau. Những năm mưa có lượng mưa lớn hơn 2.000 mm nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh, vùng thượng lưu sông Chảy và khu vực phía Đông Nam lưu vực sông Thao. Khu vực có lượng mưa nhỏ là vùng nằm khuất gió như vùng trung lưu ngòi Thia thuộc huyện Văn Chấn với lượng mưa hàng năm trung bình dưới 1.600 mm; khu vực dọc theo thung lũng dòng chính sông Thao từ ngòi Hút trở lên cũng có lượng mưa hàng năm dưới 1.600 mm. Mưa cũng phân bố theo mùa, mùa mưa trên các lưu vực sông của Yên Bái thường kéo dài từ tháng 5 đến

tháng 10, lượng mưa trong mùa mưa chiếm tới 80 - 85% lượng mưa của cả năm. Đặc biệt 3 tháng có cường độ mưa cũng như lượng mưa lớn nhất là các tháng 6,7,8 chiếm từ 45 - 55% lượng mưa cả năm.

Những tháng mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, lượng mưa chỉ chiếm 15 - 20% lượng mưa cả năm. Các tháng 12,1,2 là những tháng khô hạn nhất, các loại cây trồng thường thiếu nước trong thời gian này.

Trong mùa mưa lũ, với những trận mưa kéo dài và cường độ mưa lớn kèm theo gió xoáy và đôi khi có cả mưa đá, gây lũ lụt, úng ngập, nhiều khi gây lũ cuốn, lũ ống phá hại mùa màng, tính mạng, tài sản của nhân dân ở các vùng ven sông suối.

4. Độ ẩm, bốc hơi:

4.1. Độ ẩm:

Yên Bái nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa nên độ ẩm bình quân toàn tỉnh tương đối cao, do điều kiện địa hình phức tạp, đặc trưng khí hậu được chia làm nhiều vùng khác nhau vì vậy độ ẩm cũng có sự khác nhau giữa các vùng.

Qua số liệu thực đo ở một số trạm điển hình cho thấy độ ẩm lớn nhất là 94% vào tháng 3 ở vùng Yên Bái, độ ẩm nhỏ nhất là 79% vào tháng 7 ở vùng Thác Bà, độ ẩm bình quân toàn tỉnh 86 - 88%.

Với độ ẩm bình quân toàn tỉnh 86 - 88% rất thích hợp để phát triển các loại cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp và cây ăn quả.

4.2. Tình hình bốc hơi:

Yên Bái có độ ẩm bình quân tương đối cao 86 - 88%, vì vậy lượng bốc hơi hàng năm tương đối nhỏ khoảng từ 600 - 700 mm; trừ vùng phía Tây dãy Hoàng Liên Sơn do chịu ảnh hưởng của gió Tây Nam khô nóng (gió Lào) nên lượng bốc hơi rất lớn, vùng này có lượng bốc hơi bình quân năm lên tới trên 1.000 mm.

5. Chế độ gió bão:

Vị trí địa lý và cấu trúc địa hình của tỉnh có nhiều ảnh hưởng đến chế độ gió trong tỉnh Yên Bái. Về mùa Đông gió mùa Đông Bắc thổi theo hướng Đông Bắc xuống Tây Nam gặp các núi thuộc vòng cung Lô - Gâm bị chuyển hướng về đồng bằng rồi thổi ngược trở lại Yên Bái theo các thung lũng sông Thao và sông Chảy nên tốc độ gió bị giảm và bớt lạnh. Về mùa hè gió Đông Nam nóng ẩm thổi theo hướng Đông Nam - Tây Bắc dọc theo các thung lũng sông Thao và sông Chảy lên phía bắc tỉnh gặp những dãy núi cao chắn lại gây mưa lớn ở những vùng trước núi. Đối với vùng phía tây dãy Hoàng Liên Sơn có gió Tây Nam (gió Lào) khô và nóng thổi tới làm cho khí hậu vùng này có sự khác biệt với vùng phía Đông. Điều đáng lưu ý là gió trong địa bàn tỉnh Yên Bái thịnh hành hướng gió Đông nam - Tây Bắc với tốc độ trung bình là 3,6 m/s và lớn nhất là 6 m/s. Những thung lũng thường hay xuất hiện gió xoáy là Văn Chấn và Lục Yên. Các cơn bão từ Biển Đông rất ít ảnh hưởng tới Yên Bái.

6. Sương muối và sương mù:

Ngoài những đặc trưng khí hậu chính đã nêu, tỉnh Yên Bái còn có 1 số hiện tượng khí hậu như:

- Hiện tượng sương muối thường xuất hiện vào các tháng 10 đến tháng 2 ở mọi nơi, nhưng chủ yếu ở vùng cao, đặc biệt ở các huyện vùng cao phía Tây dãy núi Hoàng Liên Sơn như: Trạm Tấu, Mù Cang Chải thì hiện tượng sương muối khá phổ biến. Hiện tượng sương mù thường xuất hiện ở các tháng 1 đến tháng 3 ở mọi nơi nhiều nhất là những huyện vùng cao như: Trạm Tấu, Mù Cang Chải. Do hiện tượng sương muối và sương mù nên ở những khu vực vùng cao như: Trạm Tấu, Mù Cang Chải về mùa Đông các loại cây trồng như: lúa và một số hoa màu khác sinh trưởng phát triển chậm do không đủ tích ôn và chịu ảnh hưởng của những đợt sương muối.

- Bên cạnh hiện tượng sương muối, sương mù thì mưa phùn cũng là một đặc điểm lớn của Yên Bái bắt đầu từ cuối tháng 2 đến hết tháng 3 hàng năm mưa phùn kéo dài hàng tháng, đây cũng là trung tâm mưa phùn của cả nước.

Nhìn chung, khí hậu của tỉnh Yên Bái rất đa dạng, có nhiều tiểu vùng khí hậu khác nhau thích hợp với việc phát triển đa dạng các loại cây trồng, vật nuôi ở vùng nhiệt đới, á nhiệt đới và ôn đới. Cần phải chú ý đến những đặc thù của từng vùng để bố trí sản xuất nông lâm nghiệp với cơ cấu cây con, thời vụ thích hợp.

IV. Đặc điểm dân sinh

Yên Bái là một tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc. Theo kết quả Tổng điều tra dân số thời điểm 01/4/2019, trên địa bàn tỉnh có 821.030 người thuộc hơn 30 dân tộc đang cùng sinh sống. Diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 6.887,45 km². Mật độ dân số trung bình của tỉnh tại thời điểm năm 2019 là 119,2 người/1 km². Trong đó dân tộc Kinh chiếm tỷ lệ 42,71%; các dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 57,29%.

Là một tỉnh miền núi, kinh tế xã hội của tỉnh Yên Bái còn nhiều khó khăn. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 2 huyện là Trạm Tấu và Mù Cang Chải nằm trong số 62 huyện 30^a (huyện nghèo của cả nước). Trong tổng số 173 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh hiện có 81 xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh cuối năm 2019 là 11,56% cao hơn so với tỷ lệ hộ nghèo bình quân chung của cả nước. Tổng số hộ nghèo trên địa bàn tỉnh tại thời điểm tháng 4/2020 là 25.086 hộ, 105.803 khẩu; Tổng số hộ cận nghèo là: 20.514 hộ, 91.504 khẩu.

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hiện nay trong tỉnh là 1,176%. Hiện nay, tổng số lao động trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2020 khoảng 532.000 người, trong đó số lao động đã qua đào tạo chiếm tỷ lệ 63% tổng số lao động toàn tỉnh. Cơ cấu sử dụng lao động có chiều hướng tăng tỷ trọng lao động trong các ngành công nghiệp xây dựng và giảm tương đối trong khu vực nông nghiệp.

V. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Hiện trạng kinh tế của tỉnh ổn định, phát triển và duy trì tốc độ tăng trưởng khá cao đạt 6,31%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục có sự chuyển dịch đúng hướng. Thu nhập bình quân đầu người đạt 33,66 triệu đồng.

Cơ cấu kinh tế có bước dịch chuyển đáng kể từ nông nghiệp sang công nghiệp. Tính đến năm 2018, cơ cấu công nghiệp- xây dựng 26,34%, nông lâm nghiệp, thủy sản 26,24%, dịch vụ 51,86%.

Cơ cấu phát triển kinh tế: Năm 2018: Về chỉ tiêu công nghiệp – xây dựng là 26,24 %; Nông lâm thủy sản là 21,9 %; Dịch vụ là 51,86 %.

VI. Đặc điểm cơ sở hạ tầng

1. Nhà ở, khu kinh tế, công nghiệp

Toàn tỉnh có 209.617 nhà kiên cố và bán kiên cố trên tổng số 213.141 nhà, chiếm 98%; còn gần 2% là nhà tạm và đơn sơ tập trung vùng nông thôn. Nhà bán kiên cố chỉ chịu được gió bão cấp 8, nhà đơn sơ chỉ chịu được gió bão cấp 6. Vì vậy vùng nông thôn khi xảy ra gió bão cấp 6 trở lên, các hộ gia đình nhà đơn sơ phải thực hiện sơ tán trước về nơi trú tránh an toàn.

Toàn tỉnh còn gần 8.893 nhà/213.141 nhà có nguy cơ mất an toàn chiếm 4,2%. Trong đó có 3.524 nhà tạm dễ sập chiếm 39,6%, 1.830 nhà ở ven suối chiếm 20,6%, 3.539 nhà ở ven sườn đồi, mái dốc chiếm 39,8% tổng số nhà có nguy cơ mất an toàn.

Các khu kinh tế, khu công nghiệp đã và đang được triển khai xây dựng như: Khu công nghiệp phía nam, Khu công nghiệp Minh Quân và Khu công nghiệp Âu Lâu với tổng diện tích 632 ha. Trong đó Khu công nghiệp Phía Nam: 400 ha, Khu công nghiệp Minh Quân 112 ha, Khu công nghiệp Âu Lâu 120 ha.

Có 7 hệ thống nhà máy cấp nước đô thị do Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Yên Bái, Công ty cổ phần cấp nước Nghĩa Lộ quản lý, vận hành; 5 hệ thống cấp nước cho các thị trấn do các đơn vị khác vận hành. Tỷ lệ số dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 88,04% tính đến năm 2019.

Hệ thống thoát nước đô thị địa bàn tỉnh chủ yếu dùng hệ thống thoát nước tự nhiên theo các rãnh dọc của đường giao thông đô thị sau đó thoát ra ao hồ, sông suối.

Sự phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, các khu công nghiệp và các công trình xây dựng mới thiếu sự quy hoạch đồng bộ với tiêu thoát lũ, gây nên sự úng ngập trong thành phố và vùng ngoại ô. Thiệt hại về tính mạng, nhà cửa, tài sản của Nhân dân, đặc biệt thiệt hại của các khu kinh tế, công nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân là có nguy cơ ảnh hưởng lớn trước mưa bão, lũ lụt hiện nay.

2. Cơ sở giáo dục, đào tạo

Toàn tỉnh có 462 cơ sở giáo dục và dạy nghề; trong đó riêng giáo dục mầm non, phổ thông có 443 cơ sở giáo dục với quy mô 6.662 lớp, 216.291 học sinh.

2.1. Giáo dục mầm non: Toàn tỉnh có 178 trường (trong đó 14 trường ngoài công lập), 1.902 nhóm, lớp; 57.131 trẻ; 1.719 phòng (trong đó: Kiên cố 1.078 phòng, bán kiên cố 534 phòng, tạm 123 phòng tại huyện Mù Cang Chải 49 phòng và huyện Trạm Tấu 11 phòng).

2.2. Giáo dục phổ thông: Toàn tỉnh có 265 trường phổ thông, 4.760 lớp, 159.159 học sinh (Cấp tiểu học có 56 trường, 2.737 lớp, 84.313 học sinh; cấp trung học cơ sở có 183 trường, 1.546 lớp, 54.976 học sinh; cấp Trung học phổ thông có 26 trường, 477 lớp, 19.871 học sinh).

Số phòng học:

- Cấp Tiểu học có 2.468 phòng; trong đó: Kiên cố: 2.062 phòng; bán kiên cố: 359 phòng; tạm: 89 phòng. Số phòng học tạm chủ yếu ở các huyện Mù Cang Chải, Trạm Tấu, Văn Chấn, trong đó: Huyện Mù Cang Chải 33 phòng, tập trung vào các trường: Tiểu học Tà Ghênh (07 phòng), Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Mồ Dề (07 phòng), Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Chế Tạo (05 phòng)...; Huyện Trạm Tấu 19 phòng, tập trung vào các trường: Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Làng Nhì (13 phòng), Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Tà Xi Láng (04 phòng)...; Huyện Văn Chấn 16 phòng, tập trung vào một số trường như: Tiểu học Nghĩa Tâm (04 phòng), TH&THCS Suối Quyền (04 phòng)...

- Cấp Trung học Cơ sở: 1.312 phòng; trong đó: Kiên cố: 1.241 phòng; Bán kiên cố: 50 phòng; tạm: 43 phòng. Số phòng học tạm chủ yếu ở các huyện Mù Cang Chải, Văn Chấn, trong đó: Huyện Mù Cang Chải 19 phòng, tập trung vào các trường: Phổ thông dân tộc bán trú THCS Khao Mang (07 phòng), Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Mồ Dề (03 phòng); Huyện Văn Chấn 12 phòng.

- Cấp Trung học Phổ thông 448 phòng, trong đó: Kiên cố 438 phòng; tạm 10 phòng. Số phòng tạm chủ yếu ở một số trường như: Trung học Phổ thông Mai Sơn (03 phòng), Trung học Phổ thông Văn Chấn (02 phòng).

2.3. Giáo dục chuyên nghiệp

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý: 01 trường (trường Cao đẳng Sư phạm Yên Bái), 300 sinh viên hệ chính quy, trong đó: Sư phạm tiểu học 248 sinh viên; Sư phạm mầm non 52 sinh viên.

3. Hệ thống bệnh viện, trung tâm y tế

- Tuyến tỉnh: 02 Chi cục (Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm); 03 Trung tâm hệ dự phòng và sự nghiệp (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm, Trung tâm Pháp y); 07 Bệnh viện với 1.520 giường bệnh: 02 Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh (Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện đa khoa khu vực Nghĩa Lộ); 05 bệnh viện chuyên khoa (Bệnh viện Nội tiết, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Sản-Nhi).

- Tuyến huyện: 09 Trung tâm Y tế huyện/thị xã/thành phố, trong đó: 08 Trung tâm Y tế huyện, thành phố với 1.090 giường bệnh; 01 Trung tâm Y tế thị xã Nghĩa Lộ chỉ thực hiện chức năng Y tế dự phòng, dân số; 18 Phòng khám đa khoa khu vực với 113 giường bệnh.

- Tuyến xã: 155 trạm y tế xã: 903 giường bệnh.

- Hệ thống y tế các ngành: 01 Bệnh viện tư nhân, 02 Bệnh xá, 01 Trạm y tế ngành đóng trên địa bàn tỉnh tổng số 118 giường bệnh.

- Có 216 cơ sở y tế ngoài công lập, 01 bệnh viện Hữu nghị 103 (150 giường bệnh), 06 phòng khám đa khoa và 209 cơ sở hành nghề khác (phòng khám chuyên khoa, phòng chẩn trị Y học cổ truyền, cơ sở chẩn đoán hình ảnh, cơ sở dịch vụ y tế, phòng xét nghiệm,...).

- Hệ thống Dược tư nhân: 09 công ty, 123 nhà thuốc, 343 quầy thuốc bán lẻ, 05 quầy thuốc cấp phát thuốc bảo hiểm y tế, 02 tủ thuốc Trạm y tế xã và 01 hộ kinh doanh cá thể.

- Về nhân lực: Năm 2020 đạt tỷ lệ 9,8 bác sỹ/vạn dân (tăng 1,75 bác sỹ/vạn dân so với năm 2015) và 1,25 dược sỹ/vạn dân (tăng 0,33 dược sỹ/vạn dân so với năm 2015).

4. Hệ thống đường giao thông

Yên Bái là Tỉnh miền núi nằm sâu trong nội địa có vị trí địa lý và điều kiện địa hình tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển nhiều loại hình giao thông vận tải. Trên địa bàn tỉnh Yên Bái hiện tại có 4 loại hình giao thông vận tải: Đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không. Trong đó giao thông đường bộ giữ vai trò chủ đạo. Cụ thể:

4.1. Đường bộ. Tổng cộng có 8.632,23 km đường các loại, trong đó:

- Trên địa bàn tỉnh Yên Bái có 01 tuyến cao tốc và 05 tuyến Quốc lộ chạy qua với tổng chiều dài 478,7 km, trong đó: 01 tuyến cao tốc với chiều dài 80,5 km; 04 tuyến Quốc lộ gồm Quốc lộ 37, Quốc lộ 32, Quốc lộ 32C và Quốc lộ 2D do Sở Giao thông vận tải tỉnh Yên Bái được giao ủy thác Quản lý với tổng chiều dài 314,2 km; 01 tuyến Quốc lộ 70 do Cục quản lý đường bộ I quản lý với chiều dài 84 km.

- Đường tỉnh lộ Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Yên Bái có 13 tuyến Đường tỉnh, đi qua 7 huyện, 01 thị xã, 01 thành phố với tổng chiều dài 494,15 km.

- Hệ thống đường đô thị bao gồm hệ thống đường nội thành, nội thị của thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn. Mạng lưới đường đô thị phần lớn do các huyện, thị xã, thành phố quản lý có tổng chiều dài 257,4 km; còn lại một số đoạn đường đô thị nằm trong hệ thống đường Quốc lộ và đường tỉnh lộ do Sở Giao thông vận tải quản lý. Hiện tại các tuyến đường đô thị do huyện, thị xã, thành phố quản lý.

- Đường huyện: Gồm 160 tuyến có tổng chiều dài 1.428,51 km

- Đường giao thông nông thôn Mạng lưới đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh có tổng chiều dài 6.051,57 km.

Các tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh Yên Bái thường đi qua khu vực có địa hình núi cao phức tạp độ dốc ngang mặt đường lớn, địa hình chia cắt.

4.2. Hiện trạng giao thông đường sắt

Tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai nằm trên hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Tuyến đường sắt này đóng vai trò quan trọng trong việc vận tải hàng hóa và hành khách giữa tỉnh Vân Nam, Trung Quốc với Việt Nam. Toàn tuyến có chiều dài 296 km, trong đó đoạn qua địa

phận tỉnh Yên Bái có chiều dài 88,2 km, gồm 10 ga (01 ga hạng 2; 09 ga hạng 4). Đây là tuyến đường sắt khổ đơn 1m, được xây dựng từ cuối thế kỷ 19 và đưa vào vận hành đầu thế kỷ 20.

4.3. Hiện trạng giao thông đường thủy nội địa

Tuyến đường thủy trên địa bàn tỉnh Yên Bái được hình thành trên hai khu vực chính gồm: Tuyến đường thủy sông Hồng và tuyến đường thủy Hồ Thác Bà. Hiện tại trên địa bàn có 38 bến thủy nội địa, bến khách ngang sông đủ điều kiện hoạt động. Theo quy hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 06/6/2017, hệ thống bến thủy nội địa, bến khách ngang sông được quy hoạch là 357 bến, gồm 243 bến thủy nội địa và 114 bến khách ngang sông.

4.4. Hiện trạng hàng không

Hiện tại Yên Bái có 01 sân bay nằm sát thành phố, đây là sân bay quân sự cấp II đủ điều kiện để máy bay hạng trung, hạng nhẹ lên xuống như A320, AL26. Hệ thống đường băng dài 02 km, bãi đỗ phù hợp máy bay quân sự hạng trung. Hệ thống đài chỉ huy viễn thông điều khiển bay do Bộ quốc phòng quản lý.

5. Hệ thống thủy lợi, nước sạch nông thôn

5.1. Thủy lợi: Có 2.326 công trình và cụm công trình thủy lợi đảm bảo tưới cho 19.376,95 ha diện tích mặt đất cấy lúa (đảm bảo tưới tiêu cho 89% diện tích lúa vụ Đông xuân và 92,4% diện tích lúa mùa của tỉnh); hệ thống kênh dẫn có 4.427,8 km (trong đó kênh kiên cố 2.215,7 km). Trên địa bàn tỉnh có 133 công trình hồ chứa nước thủy lợi (các hồ chứa có dung tích từ 50.000 m³ hoặc có chiều cao đập từ 5 m trở lên). Số lượng hồ chứa lớn: 11 hồ; Số lượng đập; hồ chứa vừa: 28 hồ; Số lượng đập; hồ chứa nhỏ: 94 hồ. Nhưng các hồ chứa cũng là mối hiểm họa cho dân cư vùng hạ lưu nếu xảy ra sự cố về công trình. Qua rà soát, hiện trạng vẫn còn 27 hồ chứa bị hư hỏng, xuống cấp chưa được sửa chữa với tình trạng hư hỏng chủ yếu là thấm qua thân đập, cống lấy nước dạng bậc thang nứt chại; mặt đập bị biến dạng, mái đập sạt lở, thiếu vật thoát nước; khẩu độ thoát lũ không đáp ứng yêu cầu, tràn đất bị xói lở.

5.2. Nước sạch nông thôn: Theo số liệu tổng hợp trên địa bàn tỉnh Yên Bái có 352 công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trong đó có 347 công trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân các xã quản lý vận hành và 5 công trình giao cho đơn vị sự nghiệp và tư nhân quản lý với loại hình công trình chủ yếu là cấp nước tự chảy từ suối tự nhiên.

Công trình cấp nước miền núi chủ yếu là hình thức lấy nước tự chảy bằng đập dâng, hệ thống đường ống dẫn đến bể chứa nước hoặc cụm vòi công cộng, không thu tiền sử dụng nước, thường thiếu bền vững. Các hệ thống cấp nước vùng đồng bằng cấp đến hộ gia đình có đồng hồ đo nước và thu phí sử dụng nước, có tổ chức quản lý vận hành công trình.

Tỷ lệ người dân nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh có nước sinh hoạt hợp vệ sinh đến hết năm 2019 bằng 90%.

6. Hệ thống điện lưới

Hệ thống điện trong tỉnh được cấp từ 02 nguồn chính: Trạm TBA 220kV Yên Bái với công suất 250 MVA và nguồn từ các nhà máy thủy điện trong khu vực phát lên lưới điện 110 KV và 35 KV. Cụ thể:

Nguồn từ trạm biến áp 220 KV Yên Bái, công suất 250 MVA cấp điện cho trạm biến áp 110 KV Nghĩa Lộ, TBA 110 KV Yên Bái, TBA 110 KV Yên Bái 2, TBA 110 KV Lục Yên, TBA 110 KV Ba Khe.

Nguồn từ các nhà máy thủy điện đang vận hành trên địa bàn tỉnh tổng số 21 công trình với tổng công suất 429,4 MW.

+ Các hồ chứa thủy điện: Hiện tại, ngoài công trình thủy điện Thác Bà, trên địa bàn tỉnh quản lý có 21 công trình thủy điện vừa và nhỏ đã phát điện, gồm các thủy điện: Ngòi Hút 2 (48MW), Hát Lìu (5MW), Mường Kim (13,5MW), Hồ Bón (18MW), Ngòi Hút 1 (8,4MW), Ngòi Hút 2A (8,4 MW), Nậm Đông III (15,6MW), Nậm Đông IV (6,8MW), Nậm Tục 2 (3,0MW), Văn Chấn (57MW), Khao Mang Thượng (24,5MW), Hưng Khánh (0,5MW), Vực Tuấn (5MW), Xuân Thiện Khao Mang (30MW), Noong Phai (21,2MW), Trạm Tàu (30MW), Làng Bằng (3,6MW). Ma Lù Thàng 3MW, Vực Tuấn 5MW, Phình Hồ 2,5 MW, Nà hẩu 4,5 MW

Lưới điện phân phối: Gồm 05 TBA 110 KV, tổng chiều dài đường dây 110 KV là 423 km, 1.706 TBA phân phối (35,22,10)/0,4 KV, tổng chiều dài đường dây trung áp là 2.252 km và 2.336 km đường dây 0,4 KV.

Hệ thống điện đang vận hành an toàn, đảm bảo cung cấp điện ổn định. Tuy nhiên cần quan tâm sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện xuống cấp để đảm bảo vận hành an toàn trong mùa mưa bão.

7. Hệ thống thông tin liên lạc

- Hiện Trạng mạng truyền dẫn: Trên địa bàn tỉnh hiện có trên 1.300 tuyến cáp với trên 7.000 km cáp (cáp quang đã đến 100% trung tâm các xã, cung cấp dịch vụ Internet cố định băng rộng đạt 80% số thôn bản). Các tuyến tập trung ở 2 doanh nghiệp là Viễn thông Yên Bái và Viettel Yên Bái trong đó có 10 tuyến cáp chính còn lại là các tuyến cáp nhỏ kết nối giữa các trạm BTS, cụ thể:

+ Viễn thông Yên Bái: Các tuyến Km5 - Trấn Yên - Văn Yên - Trại Hút; tuyến Km5 - Yên Bình - Thác Bà - Cẩm Nhân - Lục Yên; tuyến Km5 - Cẩm Ân - Trung Tâm - Lục Yên; tuyến Km5 - Ba Khe; tuyến Nghĩa Lộ - Tú Lệ - Mù Cang Chải; tuyến Nghĩa Lộ - Trạm Tàu.

+ Viettel Yên Bái các tuyến gồm:

- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái - Văn Chấn - Nghĩa Lộ - Mù Cang Chải - Lai Châu;

- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái - Văn Chấn - Nghĩa Lộ - Trạm Tàu;

- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái - Trấn Yên - Văn Yên - Văn Chấn;

- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái - Yên Bình - Lục Yên”.

- Hiện Trạng mạng di động.

Trên địa bàn tỉnh Yên Bái có 908 vị trí trạm BTS (100% các xã đã có trạm BTS cung cấp dịch vụ 2G, 3G, 4G) của 03 doanh nghiệp gồm: Viettel Yên Bái 359 vị trí, Viễn thông Yên Bái 357 vị trí, Mobifone 192 vị trí.

8. Hiện trạng các cơ sở tôn giáo, di tích lịch sử, khu du lịch trọng điểm

- Các cơ sở tôn giáo, di tích lịch sử

Trên địa bàn tỉnh Yên Bái có 111 di tích trong đó di tích cấp quốc gia đặc biệt 01 di tích; di tích cấp quốc gia 12 di tích; di tích cấp tỉnh 98 di tích. Số lượng các di tích phân bố theo địa bàn các huyện thị như sau:

- + Thành phố Yên Bái: 22 (3 cấp quốc gia; 19 cấp tỉnh);
- + Huyện Văn Yên: 24 (2 quốc gia; 22 cấp tỉnh);
- + Huyện Trấn Yên: 18 (01 quốc gia; 17 cấp tỉnh);
- + Huyện Yên Bình: 17 (01 quốc gia; 16 cấp tỉnh);
- + Huyện Văn Chấn: 12 (02 quốc gia; 10 cấp tỉnh);
- + Huyện Lục Yên: 13 (01 quốc gia; 12 cấp tỉnh);
- + Thị xã Nghĩa Lộ 02 (01 quốc gia; 01 cấp tỉnh);
- + Huyện Mù Cang Chải 02 (01 quốc gia đặc biệt, 01 quốc gia);
- + Huyện Trạm Tấu 01 cấp tỉnh.

- Các khu điểm du lịch

- + Khu du lịch Tân Hương huyện Yên Bình.
- + Hồ Thác Bà huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.
- + Bình nguyên Khai Trung huyện Lục Yên.
- + Danh thắng Quốc gia Ruộng bậc thang Mù Cang Chải
- + Khu du lịch Suối Giàng huyện Văn Chấn

Hiện nay các di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh Yên Bái được quản lý và bảo vệ theo các quy định của Luật Di sản văn hóa năm 2013; Luật Du lịch năm 2017 và Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành quy định quản lý phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

CHƯƠNG IV

HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

I. Hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách liên quan đến phòng chống thiên tai

- Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Yên Bái được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái thành lập tại Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 27/3/2015 và được bổ sung thành viên tại Quyết định kiện toàn số 367/QĐ-UBND ngày 08/3/2019.

- Ban hành một số chính sách hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai, bão lũ gây ra trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2016 - 2020 tại Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 06/10/2016; Ban hành quy định chế độ trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Yên Bái tại Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 07/11/2016; sửa đổi một số nội dung tại Quy định chế độ trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái tại Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 18/12/2018; Quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Yên Bái tại Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 19/3/2019.

- Ngoài ra, căn cứ vào tình hình thiên tai ảnh hưởng thực tế đến địa bàn tỉnh, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Chỉ thị chỉ đạo về công tác phòng, chống và khắc phục thiệt hại do mưa, lũ trên địa bàn tỉnh, công tác phòng chống thiên tai và di dân ra khỏi vùng lũ quét, sạt lở, ngập lụt nguy hiểm.

II. Hệ thống chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp và quy chế phối hợp

Hệ thống Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp được thành lập và hoạt động theo Luật Phòng, chống thiên tai, các quy định của Chính phủ và các bộ, ngành liên quan (các sở, ngành và đoàn thể đã tiến hành thành lập Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của đơn vị). Trưởng Ban là Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị. Các thành viên Ban Chỉ huy thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công, chỉ đạo của Trưởng ban và các quy định, quy chế hiện hành.

Các Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tổ chức thường trực, chỉ huy việc phòng tránh, ứng phó khắc phục hậu quả thiên tai; tổng hợp, thống kê đánh giá thiệt hại do thiên tai báo cáo cho Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp trên. Khi có tình huống thiên tai xảy ra trên địa bàn, ngoài thực hiện các chỉ đạo của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh sẽ có các chỉ đạo cụ thể, linh hoạt theo từng tình huống.

Hàng năm, các Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn họp tổng kết công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm trước, triển khai nhiệm vụ của năm tiếp theo.

III. Công tác dự báo, cảnh báo sớm

Việc cảnh báo sớm mưa lũ trên địa bàn chủ yếu dựa vào thông tin dự báo của Đài khí tượng thủy văn; thông tin bổ sung từ hệ thống các trạm đo mưa, mực nước, thông tin từ các hồ chứa:

- Trạm đo mưa: Có 38 trạm (Đài Khí tượng thủy văn Yên Bái quản lý 18 trạm, trong đó có 10 trạm đo tự động; Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và tìm kiếm cứu nạn tỉnh quản lý 20 trạm đo mưa tự động).

- Trạm đo mực nước: Có 05 Trạm đo Thủy văn (tại thành phố Yên Bái; xã Đông An, huyện Văn Yên; xã Đại Phác, huyện Văn Yên; thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình; thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải). Cuối năm 2019, tỉnh đã lắp đặt thêm 01 trạm đo cảnh báo lũ sông Hồng đặt tại thành phố Yên Bái.

- Hệ thống cảnh báo sớm lũ quét: Có 02 hệ thống đang thử nghiệm đặt tại thị xã Nghĩa Lộ và huyện Văn Chấn.

IV. Vật tư, phương tiện, trang thiết bị và hàng hóa thiết yếu phục vụ phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai

Phương tiện, vật tư và trang thiết bị để phòng, tránh, ứng phó với thiên tai lũ quét, sạt lở đất gồm có phương tiện, vật tư và trang thiết bị của Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh và các sở, ban, ngành; phương tiện, trang thiết bị tại chỗ của các huyện, thị xã, thành phố, cụ thể:

Phương tiện, trang thiết bị: 196 ô tô các loại, máy xúc, máy ủi; 31 chiếc tàu xuồng các loại (ST-750; ST-660; ST-450 và loại khác); 293 chiếc thuyền máy, thuyền tôn; 296 nhà bạt các loại; 4.315 áo phao tròn; 145 máy phát điện; Máy bơm các loại 81 cái,...

Sở Công thương chỉ đạo các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh hàng năm lập kế hoạch dự trữ hàng hóa thiết yếu để ứng phó thiên tai. Một số lượng lớn gạo, mì tôm, nước uống và các hàng hóa, nhiên liệu được dự trữ trước mùa mưa bão với giá trị hàng trăm tỷ đồng.

Sở Y tế tổ chức dự trữ hàng trăm cơ sở thuốc phòng chống thiên tai, Cloramin B bột, viên Cloramin B, trước mùa mưa bão.

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đã yêu cầu các doanh nghiệp trên địa bàn chuẩn bị sẵn một lượng hàng tiêu dùng thiết yếu để cung cấp khi cần thiết; vận động các hộ dân nơi thường bị cô lập do mưa lũ dự trữ lương thực, thực phẩm đủ dùng trong 7 ngày.

V. Công tác cứu hộ, cứu nạn

Công tác cứu hộ, cứu nạn luôn được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, trực tiếp của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; để đối phó với các đợt mưa, lũ. Ủy ban nhân dân tỉnh đều tổ chức thành lập các đoàn công tác đi kiểm tra công tác phòng chống thiên tai tại các địa phương. Khi có thiên tai xảy ra, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và các đoàn thể đã kịp thời đến chỉ đạo, xử lý, khắc phục hậu quả thiên tai, chia sẻ các thiệt hại với nhân dân trong vùng bị nạn, giúp đỡ có hiệu quả, đảm bảo ổn định đời sống, an ninh trật tự xã hội và môi trường.

- Các đơn vị lực lượng vũ trang của tỉnh: Quân đội, công an và các lực lượng của Quân khu 2, Bộ Quốc phòng đứng chân trên địa bàn tỉnh là lực lượng chủ lực, nòng cốt trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tham gia, hỗ trợ trong công tác phòng chống, ứng phó, sơ tán, giúp dân chằng chống nhà cửa, cứu hộ, cứu nạn, thông tin, và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, tập trung lực lượng, phương tiện sẵn sàng, chủ động ứng cứu trên từng địa bàn, nhất là các khu vực xung yếu, địa bàn trọng điểm.

- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh chỉ huy, điều hành, xử lý các tình huống khẩn cấp về tìm kiếm cứu nạn. Trực tiếp chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án huấn luyện, diễn tập; tổ chức lực lượng, phương tiện xung kích của tỉnh sẵn sàng hiệp đồng chặt chẽ với lực lượng các địa phương, các ngành tham gia cứu hộ và xử lý các tình huống khẩn cấp về thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp, ngành, đơn vị sẵn sàng thực hiện phương án tìm kiếm cứu nạn theo địa bàn, lĩnh vực được phân công; tổ chức phối hợp, hỗ trợ, tiếp ứng cho các địa bàn, lĩnh vực khác khi có yêu cầu.

- Sở Giao thông vận tải tổ chức trực ban, chỉ huy, điều hành xử lý, ứng phó với các tình huống làm ách tắc, chia cắt giao thông trên các tuyến đường huyết mạch của tỉnh.

VI. Hệ thống thông tin liên lạc

- Truyền tin về công tác chỉ đạo, chỉ huy: Ủy ban nhân dân các cấp và Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp có trách nhiệm phổ biến nội dung văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai đến cộng đồng và người dân.

- Thông tin liên lạc phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai sử dụng các mạng điện thoại thông thường, di động, fax, internet và điện thoại liên lạc vệ tinh IMASAT (04 máy Inmarsat). Cùng với việc sử dụng phần mềm nhắn tin SMS chuyên dụng cho các thành viên Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp, để nhận tin dự báo thời tiết hàng ngày, đăng ký dịch vụ nhắn tin SMS qua tổng đài tin nhắn để nắm bắt tình hình thời tiết. Việc sử dụng các mạng xã hội như Facebook, Zalo ... để nhắn tin thông báo, cảnh báo tình hình thiên tai cũng được thực hiện rộng rãi.

- Ngoài ra, các xe thông tin lưu động của các doanh nghiệp Viễn thông sẽ được huy động để đảm bảo thông tin liên lạc tại các khu vực xảy ra thiên tai.

VII. Nâng cao nhận thức cộng đồng

Tỉnh đã lập Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” trên địa bàn tỉnh. Tổ chức tập huấn và đánh giá về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho 28 xã thuộc các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh. Đào tạo được gần 20 Giảng viên cấp tỉnh về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng cho

gần 2.507 người, bao gồm các thành viên Hội Chữ thập đỏ, cán bộ chiến sỹ các lực lượng vũ trang, cán bộ Đoàn, người dân, đồng bào dân tộc ít người...

Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng về phòng, chống thiên tai, nhất là đối với các đối tượng dễ bị tổn thương như người già, trẻ em,...

Tăng cường hệ thống thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai. Tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai.

Tổ chức tốt các cuộc diễn tập cho các địa bàn có nguy cơ cao về thiên tai. Từ năm 2010 - 2020 đã tổ chức diễn tập Ứng phó lụt bão - Tìm kiếm cứu nạn tại 05 địa phương cấp huyện, 45 địa phương cấp xã với tổng quân số 4.653 người tham gia (*Bộ đội 782 người; Dân quân 1.982 người; Ban ngành và nhân dân 5.843 người*). Thông qua diễn tập đã nâng cao năng lực lãnh đạo, trình độ tổ chức chỉ huy, chỉ đạo của cấp uỷ chính quyền các cấp, sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân địa phương trong xử lý tình huống thiên tai bão, lụt xảy ra trên địa bàn; kiểm tra khả năng huy động cơ sở vật chất hậu cần, kỹ thuật tại chỗ của các cơ quan, đơn vị và địa phương khi tình huống thiên tai xảy ra.

Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể xây dựng tổ, đội xung kích, sẵn sàng tham gia công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc đơn vị mình và chi viện cho các địa phương.

Ủy ban nhân dân các địa phương huy động lực lượng trên địa bàn. Ở huyện, huy động lực lượng công an, bộ đội, cán bộ các cơ quan và đoàn viên thanh niên. Ở xã, huy động lực lượng dân quân, thanh niên, tổ đội của các hội nông dân, cựu chiến binh, phụ nữ. Các đội xung kích ở cấp xã, phường có 20 - 30 người là lực lượng thường trực trong công tác PCTT - TKCN. Ngoài ra, các địa phương còn huy động nhân lực, phương tiện của các doanh nghiệp trên địa bàn.

VIII. Đánh giá năng lực các cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai

1. Hệ thống công trình phòng, chống thiên tai

Trên toàn tỉnh Yên Bái có 186 công trình hồ chứa nước thủy lợi (133 hồ chứa lớn có dung tích từ $50.000m^3$ hoặc có chiều cao đập từ 5 m trở lên; 53 hồ chứa có dung tích dưới $50.000m^3$ hoặc có chiều cao đập dưới 5m). Các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh được giao cho 3 Công ty TNHH MTV quản lý vận hành. Các công ty đã tổ chức vận hành điều tiết các hồ chứa nhỏ theo phương án hàng năm, góp phần giảm lũ trong khu vực.

Trong giai đoạn 2012 - 2015, bằng các nguồn vốn đã nâng cấp sửa chữa 27 hồ chứa vừa và nhỏ/tổng số hồ chứa của toàn tỉnh 186 hồ chứa nước, chiếm 15%. Năm 2019, tỉnh đã được trung ương hỗ trợ sửa chữa nâng cấp 5 hồ chứa bằng nguồn vốn sửa chữa khẩn cấp bão lũ; Chương trình nguồn vốn WB8 từ năm 2019 - 2020 và các năm tiếp theo đầu tư nâng cấp sửa chữa 16 hồ chứa, tỷ lệ hồ chứa nâng cấp sửa chữa đạt 48/133 hồ chứa, đạt 37%. Sau khi các dự án hoàn thành thì về cơ bản sẽ khắc phục được tình trạng xuống cấp của các hồ chứa này. Đối với các hồ chứa nước (*có dung tích từ $50.000m^3$ hoặc có chiều cao đập từ 5 m trở lên*) còn lại do được thiết kế thi công từ lâu theo tiêu chuẩn

thiết kế cũ nên trong thời gian tới cần có kế hoạch nâng cấp sửa chữa theo tiêu chuẩn thiết kế mới để đảm bảo an toàn công trình.

Đối với các hồ chứa nhỏ có dung tích từ 50.000m³ và có chiều cao đập từ 5m trở xuống, Qua kiểm tra, đánh giá tính đến thời điểm hiện tại các hồ đều đảm bảo an toàn.

2. Hệ thống quan trắc khí tượng, thủy văn

Trên địa bàn tỉnh có 38 trạm đo mưa, trong đó 30 trạm đo tự động; 05 Trạm đo Thủy văn và 01 trạm đo cảnh báo lũ sông Hồng đặt tại thành phố Yên Bái. Có 02 hệ thống cảnh báo sớm lũ quét đang thử nghiệm đặt tại thị xã Nghĩa Lộ và huyện Văn Chấn.

3. Hệ thống điện, thông tin liên lạc

Mạng lưới bưu chính viễn thông với đủ các loại hình dịch vụ, điện thoại cố định, điện thoại di động mạng vinaphone, mobiphone, viettel, thông tin di động sóng ngắn Codan, thông tin chuyên dùng Inmarsat có thể đáp ứng nhanh chóng thông tin, liên lạc. Năng lực mạng lưới tại VNPT Yên Bái như sau:

Mạng lưới bưu chính được tập trung đầu tư phát triển, hệ thống bưu điện, bưu cục đã phủ kín toàn tỉnh, các dịch vụ bưu chính cơ bản đáp ứng được yêu cầu. Lĩnh vực viễn thông và internet băng thông rộng phát triển mạnh, mạng truyền dẫn cáp quang đã đến hầu hết các xã phường, thị trấn trong tỉnh, đáp ứng được nhu cầu về thông tin liên lạc. Hoạt động phát thanh truyền hình và báo chí trên địa bàn tỉnh đã đáp ứng được công tác tuyên truyền phục vụ các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của địa phương.

Hiện trạng mạng truyền dẫn: Hiện có trên 1.300 tuyến cáp với trên 7.000 km cáp (*cáp quang đã đến 100% trung tâm các xã, cung cấp dịch vụ internet cố định băng rộng đạt 80% số thôn, bản trên toàn tỉnh*).

Hiện trạng mạng thông tin di động: Trên địa bàn tỉnh có tổng số 908 vị trí trạm BTS (100% các xã có trạm BTS cung cấp dịch vụ 2G, 3G và 4G) của ba doanh nghiệp gồm: Viettel Yên Bái 359 vị trí, Viễn Thông Yên Bái 357 vị trí và Mobifone là 192 vị trí.

Hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo thông tin liên lạc chỉ huy, điều hành phòng chống thiên tai trên toàn tỉnh và phục vụ các nhu cầu của khách hàng.

4. Hệ thống giao thông

Trên địa bàn tỉnh Yên Bái hiện tại có 4 loại hình giao thông vận tải: Đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không. Trong đó giao thông đường bộ giữ vai trò chủ đạo. Đến nay mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh có 01 tuyến đường cao tốc với chiều dài 80,5 km; 05 tuyến Quốc lộ (QL70, QL32, QL32C, QL37 và Quốc lộ 2D) với tổng chiều dài là 374 km; 13 tuyến đường tỉnh với tổng chiều dài 442 km; 244,5 km đường đô thị; 62 km đường chuyên dùng; 1.428 km đường huyện; 2.160 km đường xã và 2.148 km đường thôn bản. Các tuyến đường bộ từng bước được cải tạo, nâng cấp cùng với vận tải đường sắt, đường thủy bước đầu hình thành mạng lưới giao thông vận tải tương đối đồng bộ.

Để chủ động trong công tác phòng chống thiên tai, ngành Giao thông vận tải đã lập phương án phòng chống thiên tai và đảm bảo giao thông cụ thể trên từng tuyến Quốc lộ và đường tỉnh. Dự kiến các tuyến đường có khả năng bị sạt lở, ách tắc giao thông. Chuẩn bị sẵn sàng, đầy đủ vật tư, máy móc, nhân công tại các vị trí xung yếu trên các tuyến Quốc lộ, đường tỉnh để sẵn sàng xử lý khi có sự cố bão, lũ xảy ra đảm bảo giao thông kịp thời, nhanh nhất.

Hiện tại, trong kho các đơn vị quản lý đường của Sở Giao thông vận tải đang dự phòng 2.227 rọ thép; 84 m dầm các loại.

5. Các công trình có thể sử dụng làm nơi tập kết, sơ tán dân đến

Nhà ở kiên cố của nhân dân, công trình công cộng bao gồm: Công trình giáo dục (nhà trẻ, mẫu giáo, phổ thông các cấp, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, trường nghiệp vụ...); công trình y tế (bệnh viện, trạm y tế...); nhà ga, nhà đa năng, khách sạn, ký túc xá, trụ sở cơ quan...

Sở Xây dựng hướng dẫn các địa phương phân loại nhà ở và các công trình có thể sử dụng làm nơi tập kết sơ tán; kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn nơi sơ tán của tất cả các công trình, trụ sở Nhà nước, doanh nghiệp, nhà tư nhân... Đồng thời, xây dựng phương án phòng chống và khắc phục hậu quả ứng phó với thiên tai.

IX. Đánh giá năng lực phòng chống thiên tai

1. Nguồn nhân lực:

Tùy theo tình hình diễn biến của thiên tai để có sự điều động hợp lý các lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn từ các cơ quan ban ngành, lực lượng vũ trang như: Quân sự, Công an và cán bộ, công chức, viên chức của các sở, ban, ngành, đoàn thể, trong đó lực lượng quân sự là lực lượng thường trực, lực lượng dân quân tự vệ, thanh niên xung kích...ở các địa phương là lực lượng nòng cốt.

Lực lượng tham gia công tác PCTT-TKCN trên địa bàn tỉnh Yên Bái gồm 60.780 người, tại các khu vực cụ thể:

- Thành phố Yên Bái: Gồm 3.863 người (*Quân đội: 500; Công an: 273; Cơ động 150; Dân quân tự vệ 1.200; Đội xung kích PCTT: 819; Phụ nữ: 25; Đoàn thanh niên: 186; Y tế 57; Hội chữ thập đỏ: 20; Mặt trận tổ quốc: 32; Các doanh nghiệp trên địa bàn 325; Các trường học: 276 người*).

- Huyện Trấn Yên: Gồm 3.870 người (*Quân đội: 51; Công an: 348; Cơ động 30; Dân quân tự vệ: 1.200; Đội xung kích PCTT: 1.806; Phụ nữ: 44; Đoàn thanh niên: 212; Y tế: 47; Hội chữ thập đỏ: 21; Mặt trận tổ quốc: 44; Các doanh nghiệp trên địa bàn: 05; Các trường học: 50 người*).

- Huyện Trạm Tấu: Gồm 6.021 người (*Quân đội: 32; Công an: 152; Cơ động: 377; Dân quân tự vệ: 800; Đội xung kích PCTT: 884; Phụ nữ: 202; Đoàn thanh niên: 1.504; Y tế: 41; Hội chữ thập đỏ: 13; Mặt trận tổ quốc: 796; Các doanh nghiệp trên địa bàn: 150; Các trường học: 400 người*).

- Huyện Mù Cang Chải: Gồm 5.360 người (*Quân đội: 20; Công an: 210; Dân quân tự vệ 1.126; Đội xung kích PCTT: 786; Phụ nữ 224; Đoàn thanh*

niên: 956; Y tế: 62; Hội chữ thập đỏ: 15; Mặt trận tổ quốc: 31; Các doanh nghiệp trên địa bàn 30; Lực lượng khác: 1.900 người).

- Thị xã Nghĩa Lộ: Gồm 16.049 người (Quân đội: 1.706; Công an: 213; Dân quân tự vệ: 1.753; Đội xung kích PCTT: 1.322; Phụ nữ: 6.640; Đoàn thanh niên: 1.499; Y tế: 285; Hội chữ thập đỏ: 2.041; Các doanh nghiệp trên địa bàn: 80; lực lượng khác: 510 người).

- Huyện Yên Bình: Gồm 6.126 người (Quân đội: 300; Công an: 351; Cơ động: 62; Dự bị động viên: 110; Dân quân tự vệ: 1.200; Đội xung kích PCTT: 2.019; Phụ nữ: 50; Đoàn thanh niên: 50; Y tế: 58; Hội chữ thập đỏ: 25; Mặt trận tổ quốc: 51; Các trường học: 1.500; Lực lượng khác 350 người).

- Huyện Lục Yên: Gồm 8.168 người (Quân đội: 1.043; Công an: 364; Dân quân tự vệ: 1.859; Đội xung kích PCTT: 2.710; Phụ nữ: 281; Đoàn thanh niên: 288; Y tế: 95; Hội chữ thập đỏ: 25; Mặt trận tổ quốc: 53; Các doanh nghiệp trên địa bàn: 850; Các trường học: 600 người).

- Huyện Văn Yên: Gồm 6.285 người (Quân đội: 810; Công an: 350; Dân quân tự vệ: 1.695; Đội xung kích PCTT: 2.150; Phụ nữ: 252; Đoàn thanh niên: 252; Y tế: 115; Hội chữ thập đỏ: 26; Mặt trận tổ quốc: 53; Các doanh nghiệp trên địa bàn: 518; Các trường học: 64 người).

- Huyện Văn Chấn: Gồm 5.038 người (Quân đội: 110; Công an: 381; Dân quân tự vệ: 1.200; Đội xung kích PCTT: 1.729; Đoàn thanh niên: 300; Y tế: 85; Hội chữ thập đỏ: 33; Các doanh nghiệp trên địa bàn: 150; Lực lượng khác: 1.050 người).

2. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị:

- Xe các loại: 1.500 chiếc (ô tô các loại, máy xúc, ủi....).

- Tàu xuồng các loại: 31 chiếc;

- Thuyền máy, thuyền tôn: 293 chiếc;

- Trang thiết bị khác: Nhà bạt các loại: 296 cái; bè phao cứu sinh 15 cái; phao tròn cứu sinh 4.315 cái; máy phát điện 145 cái; máy bơm các loại 81 cái...

Tùy vào tình hình cụ thể, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh có thể điều động lực lượng, phương tiện ở khu vực này để chi viện cho khu vực khác hoặc huy động thêm nguồn nhân lực, vật lực trong nhân dân nhằm đảm bảo cho công tác PCTT- TKCN.

X. Đánh giá thực hiện lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế - xã hội

1. Về lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra trong kế hoạch: Giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Yên Bái đã lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cụ thể:

- Lồng ghép PCTT với công tác phòng ngừa, ứng phó hạn: Triển khai tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm; tích nước hồ chứa hợp lý, kiểm soát chặt chẽ nguồn nước, kiên cố hóa kênh mương; chuyển đổi mùa vụ, cơ cấu cây trồng hợp lý với nguồn nước; Giai đoạn 2016 - 2019 đã đầu tư xây mới và nâng cấp, sửa chữa 440 danh mục công trình thủy lợi với tổng mức đầu tư là 431,45 tỷ đồng. Hiện có 2.319 đầu mối công trình và cụm công trình thủy lợi; diện tích lúa được tưới, tiêu bằng công trình thủy lợi là 17.596,49 ha vụ đông xuân, vụ mùa là 18.887,99 ha. Trên địa bàn tỉnh có 144 xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi (91,7% số xã). Năm 2020 đạt 145/150 xã chiếm 96%.

- Lồng ghép PCTT với công tác phòng ngừa ứng phó bão, ngập lụt: Trong giai đoạn 2012 - 2015 bằng các nguồn vốn đã nâng cấp sửa chữa 27 hồ chứa vừa và nhỏ/ tổng số hồ chứa của toàn tỉnh 186 hồ chứa nước, chiếm 15%. Năm 2019 tỉnh Yên Bái đã được trung ương hỗ trợ sửa chữa nâng cấp 5 hồ chứa bằng nguồn vốn sửa chữa khẩn cấp bão lũ; Chương trình nguồn vốn WB8 từ năm 2019 - 2020 và các năm tiếp theo đầu tư nâng cấp sửa chữa 16 hồ chứa, tỷ lệ hồ chứa nâng cấp sửa chữa đạt 48/133 hồ chứa (37%). Đối với các hồ chứa nước có dung tích từ 50.000 m³ hoặc có chiều cao đập từ 5m trở lên, trong giai đoạn 2012 - 2019 đã nâng cấp được 32 hồ chứa bị hư hỏng xuống cấp theo tiêu chuẩn thiết kế mới.

Nâng cấp, sửa chữa đê điều: Từ năm 2016 - 2020 đã tu bổ, nâng cấp 725 m đê bị thiệt hại do mưa lũ với kinh phí 3.000 triệu đồng, trong đó: sửa chữa, nâng cấp đê Cầu Đất, thị trấn Cỏ Phúc 160 m, kinh phí 500 triệu đồng; sửa chữa nâng cấp đê Phú Thọ xã Việt Thành 565 m, kinh phí 2.000 triệu đồng; sửa chữa các cống dưới đê xã Việt Thành, kinh phí 500 triệu đồng.

Di dời, bố trí lại dân cư vùng thường xuyên bị thiên tai: Từ năm 2016 - 2020: Đã sắp xếp ổn định cuộc sống cho trên 2.246 hộ dân, hỗ trợ khắc phục, di dời an toàn trên 2.285 nhà bị ảnh hưởng (243 nhà sập đổ hoàn toàn; 2.042 nhà bị hư hỏng); khắc phục trên 110 công trình cơ sở hạ tầng bị hư hỏng. Tổng kinh phí đã huy động trên 945,767 tỷ đồng. Việc rà soát, kiểm tra các hộ dân tại các vùng có nguy cơ ảnh hưởng của thiên tai cũng được tiến hành thường xuyên và có phương án đảm bảo an toàn khi thiên tai xảy ra.

Bảo vệ và phát triển rừng: Bình quân giai đoạn 2016 - 2020 trồng được 15.617 ha/năm. Tỷ lệ che phủ rừng từ năm 2018 đã đạt 63% và giữ ổn định tỷ lệ che phủ rừng 63% đến nay.

2. Lồng ghép phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh: Đã xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Yên Bái đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 322/QĐ-TTg ngày 21/3/2018; đã thực hiện lồng ghép phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai như các quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu: Quy hoạch sử dụng đất các cấp; điều chỉnh quy hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn; điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản; điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp; điều chỉnh

quy hoạch phát triển ngành thương mại; điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải...

3. Lồng ghép nội dung phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hằng năm và kế hoạch phát triển ngành: Năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Yên Bái 5 năm 2016 - 2020, trong đó các nội dung phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai đã được lồng ghép vào nhóm giải pháp thực hiện kế hoạch 5 năm và trong kế hoạch hàng năm; đã cụ thể hóa và triển khai đồng bộ các giải pháp, góp phần nâng cao hiệu quả công tác điều hành, tăng cường sự gắn kết và phối hợp thực hiện các kế hoạch hành động của ngành, địa phương trong việc thực hiện phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Đã huy động được nguồn lực và tài chính từ các tổ chức trong và ngoài nước thực hiện phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho người dân và giảm thiểu các thiệt hại đối với hệ thống cơ sở hạ tầng, giảm nhẹ rủi ro thiên tai một cách toàn diện và hiệu quả.

Việc lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm đã cụ thể hóa Kế hoạch hành động của Chiến lược quốc gia qua Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai của tỉnh và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, góp phần hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế giai đoạn 2016 - 2020.

Nguyên tắc, quy trình lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hiện theo Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

XI. Đánh giá về công tác phục hồi, tái thiết

- Ngay khi kết thúc đợt thiên tai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan kiểm tra, đánh giá thiệt hại, xác định ưu tiên và xây dựng kế hoạch khôi phục và tái thiết, huy động nguồn lực tại địa phương, bao gồm ngân sách dự phòng, đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức và nhân dân tổ chức khôi phục và tái thiết. Trường hợp nhu cầu vượt quá khả năng nguồn lực của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin hỗ trợ.

- Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo quyết liệt, kịp thời công tác phục hồi, tái thiết sau thiên tai nhằm sớm ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các cấp triển khai ngay công tác khắc phục hậu quả thiên tai, đặc biệt là sự tham gia của lực lượng vũ trang, Đoàn Thanh niên; công tác khắc phục sạt lở về đê, kè, giao thông, công trình thủy lợi; dựng lại nhà cho dân, cấp phát hàng cứu trợ được kịp thời, sớm ổn định cuộc sống người dân.

- Các đơn vị được phân công cụ thể để thực hiện những nhiệm vụ theo chức năng, trong đó tham gia chính là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các ngành, các cấp...

- Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban tiếp nhận và phân phối hàng cứu trợ nên vận động được nhiều tổ chức, cá nhân tham gia. Tiền, hàng cứu trợ cấp phát đến người dân kịp thời, đúng đối tượng và công bằng. Mặc dù trong những năm gần đây bị nhiều đợt mưa lũ, lũ quét, sạt lở đất lớn nhưng với sự tham gia của hệ thống chính trị, các tổ chức và cá nhân tình nguyện; sau thiên tai không xảy ra nạn đói, dịch bệnh, sớm ổn định đời sống và sản xuất người dân.

XII. Nguồn lực tài chính

Nguồn tài chính đầu tư cho công tác Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn bao gồm:

- Ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã đều có dự phòng cho công tác Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn. Hằng năm, Ủy ban nhân dân các cấp có nguồn dự phòng để mua sắm vật tư, phương tiện, bảo đảm hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Ngân sách các sở, ngành, đơn vị trang bị những điều kiện thiết yếu phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, khắc phục sự cố theo phương châm “bốn tại chỗ”.

- Các nguồn hỗ trợ từ tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho công tác phòng, chống giảm nhẹ thiên tai trong tỉnh.

- Nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương.

- Nguồn viện trợ ODA, viện trợ phi chính phủ của nước ngoài.

CHƯƠNG V ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

I. Độ lớn của thiên tai

1. Về bão, áp thấp nhiệt đới:

Đánh giá cấp độ bão: Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) thường xuất hiện vào mùa mưa từ tháng 7 - 9. Trung bình mỗi năm chịu tác động của 2 - 3 cơn bão và ATNĐ với ảnh hưởng là hoàn lưu đã suy yếu của bão thành vùng thấp gây mưa lớn diện rộng dài ngày. Những cơn bão khi vào đất liền khu vực các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, thường gây mưa lớn cho khu vực phía Tây của tỉnh nên gây ra lũ ống lũ quét và sạt lở đất đá khu vực phía Tây. Những cơn bão đổ bộ từ tỉnh Thái Bình - Quảng Ninh thường gây mưa lớn cho khu vực phía Đông.

2. Về lũ lụt:

Trung bình hàng năm, trên các sông suối trong tỉnh xuất hiện 3 - 4 đợt lũ lớn trên cấp báo động I, tập trung chủ yếu từ tháng 6 - 10. Thời gian xuất hiện lũ lớn nhất năm từ tháng 7 - 9.

Đánh giá cấp độ lũ lụt: Lũ, lũ quét, sạt lở đất xảy ra thường xuyên, liên tục trong tỉnh. Năm 2017, 2018 mưa, lũ, lũ quét, sạt lở đất đã làm thiệt hại lớn về người và tài sản, mức độ tổn thương từ trung bình đến lớn. Thiệt hại của mưa, lũ, lũ quét năm trước chưa khắc phục kịp, năm sau tiếp tục bị bão, lũ lụt cấp độ mạnh hơn tác động nên mức độ tổn thương do vậy càng lớn hơn. Ba đối tượng chính là con người, nền sản xuất và cơ sở hạ tầng bị thiệt hại nghiêm trọng, cụ thể:

- Trận lũ quét ngày 28/9/2005 tại huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái đã làm 50 người chết và mất tích; 248 ngôi nhà bị sập đổ, trôi hoàn toàn; 1.018 ngôi nhà bị thiệt hại khác (*hư hỏng, ngập lụt, tốc mái, sạt lở ảnh hưởng...*); 2.622 ha sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại; trên 155 công trình hạ tầng bị hư hỏng. Tổng giá trị thiệt hại ước tính 300 tỷ đồng.

- Năm 2008: Trận lũ, lũ quét, sạt lở đất do hoàn lưu cơn bão số 4 từ ngày 8/8 đến ngày 10/8/2008 trên địa bàn toàn tỉnh đã làm 42 người chết và mất tích, 32 người bị thương; 364 ngôi nhà bị sập đổ, trôi hoàn toàn; 14.715 ngôi nhà bị thiệt hại khác (*hư hỏng, ngập lụt, tốc mái, sạt lở ảnh hưởng...*); 5.312 ha sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại; 48.240 con gia súc, gia cầm bị chết; trên 320 công trình hạ tầng bị hư hỏng. Tổng giá trị thiệt hại ước tính 438 tỷ đồng.

- Năm 2017: Xảy ra 02 trận lũ, lũ quét (*trận lũ quét xảy ra ngày 03/8/2017 tại huyện Mù Cang Chải và Trận lũ, lũ quét và sạt lở đất xảy ra từ ngày 09-11/10/2017 tại các huyện Văn Chấn, Trạm Tấu, Văn Yên và Thị xã Nghĩa Lộ*) gây thiệt hại về người và tài sản, cụ thể: 42 người chết và mất tích, 18 người bị thương; 134 ngôi nhà bị sập đổ, trôi hoàn toàn; 1.998 ngôi nhà bị thiệt hại khác (*hư hỏng, ngập lụt, tốc mái, sạt lở ảnh hưởng...*); 2.906 ha sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại; 18.790 con gia súc, gia cầm bị chết; trên 411 công trình hạ tầng kỹ thuật bị hư hỏng. Tổng giá trị thiệt hại ước tính trên 1.698 tỷ đồng.

- Năm 2018: Trận lũ, lũ quét xảy ra từ 19-21/7/2018 (hoàn lưu bão số 3) ảnh hưởng 9/9 huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Yên Bái đã làm 17 người chết và mất tích, 20 người bị thương; 150 ngôi nhà bị sập đổ, trôi hoàn toàn; 3.681 ngôi

nhà bị thiệt hại khác (*hư hỏng, ngập lụt, tốc mái, sạt lở ảnh hưởng...*); 3.607 ha sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại; 13.638 con gia súc, gia cầm bị chết; trên 530 công trình hạ tầng bị hư hỏng. Tổng giá trị thiệt hại ước tính 912 tỷ đồng.

Thực tế cho thấy lũ quét, sạt lở đất có mức độ tàn phá hết sức tàn khốc gây hậu quả nghiêm trọng về tính mạng con người và thiệt hại công trình hạ tầng cơ sở, phá hủy ruộng đất canh tác, rừng và môi trường sinh thái. Đặc biệt, khi lũ quét xảy ra tại vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, kinh tế kém phát triển, đời sống khó khăn thì tính chất khốc liệt được nhân lên gấp bội.

3. Về rét đậm, rét hại:

Tình hình rét đậm, rét hại 5 năm: thống kê các đợt xuất hiện rét đậm, rét hại:

Năm	Khu vực	Tháng XI	Tháng XII	Tháng I	Tháng II	Tháng III
2015	Yên Bái		16-18	23-29 (23-27)	1-5, 7-9, 16-17, 24-27	
	Lục Yên		16-19	23-30 (23-27)	1-5, 8-9, 16-18, 24-27	
	Nghĩa Lộ		16-19(16-18)	23-29 (23-27)	1-10, 16-19, 24-27	
	Mù Cang Chải		5-10(7-8), 16-22 (16-20), 24/12-14/1 (26-29, 31/12-02/1, 11-13)	17-19, 23-30 (23-28)	1-10 (1-9), 15-21 (16-21), 24/1-3/3	26-29 (27-28)
2016	Yên Bái				24-25	
	Lục Yên		29-30		11-12, 24-26,	
	Nghĩa Lộ				10-12, 25-26	
	Mù Cang Chải	10-11, 29-30	2-4, 7-12 (10), 16-17 (16), 28-1/2017(28-31)	8-9, 13-17, 20-27 (24, 27)	1-6, 9-18 (10-14), 25/2-3/3 (25/2-1/3)	
2017	Yên Bái	24-25	18-23	9-13, 29/2-9/2 (29/1-7/2)	12-13	
	Lục Yên	24-25	18-22, 25-26	9-15, 29/1-9/2 (29/1-7/2)	12-13	
	Nghĩa Lộ	23-25	17-23, 25-26	9-15, 29/1-9/2 (29/1-8/2)	11-13	
	Mù Cang Chải	23-30 (23-26)	1-14 (3-7), 16-28 (16-27)	9-15, 29/1-9/2 (30/1-8/2)	11-13, 29/2-1/3	9-12
2018	Yên Bái		12-13, 29/12-13 (29/12-)	16-17		
	Lục Yên		12-13, 29/12 – 2/1 (30/12-1/1)	16-17		
	Nghĩa Lộ		12-13, 29/12 – 2/1 (30/12-2/1)	16-17		
	Mù Cang Chải	1-2, 27-29	12-14 (11-12), 25/12-4/1 (30/12-3/1)	16-20		
2019	Yên Bái		7-12	28-29	4-5	
	Lục Yên		7-12	28/1-1/2		
	Nghĩa Lộ		7-12 (7-8)	28/1-1/2		
	Mù Cang Chải		2-17 (5-12)	16-20, 26/1-2/2 (26/1-2/2)	4-5, 9-12, 16-21 (16-20), 23-24, 26-27,	

4. Về mưa lớn

Thông kê các ngày xuất hiện mưa lớn 5 năm gần đây

Năm	Khu vực	Tháng VII	Tháng VIII	Tháng IX	Tháng X
2015	Yên Bái			8	
	Lục Yên				
	Nghĩa Lộ	5	2, 8		
	Mù Cang Chải				
2016	Yên Bái				
	Lục Yên	9			
	Nghĩa Lộ				
	Mù Cang Chải				
2017	Yên Bái	12	5		
	Lục Yên	12	5		
	Nghĩa Lộ				10-11
	Mù Cang Chải				
2018	Yên Bái	20			
	Lục Yên			28	
	Nghĩa Lộ	19	17		
	Mù Cang Chải				
2019	Yên Bái	25	31		
	Lục Yên				13
	Nghĩa Lộ				
	Mù Cang Chải				

Đánh giá cấp mưa lớn: Theo quy định chi tiết về cấp độ rủi ro do mưa lớn của Chính phủ, thì các năm gần đây, mưa lớn trong tỉnh được xếp hạng như sau:

Năm	Cấp độ rủi ro mưa lớn	Tổng lượng mưa ngày		Mức độ dễ bị tổn thương		
		Số ngày >100mm	Thời gian kéo dài (ngày)	Thấp	Trung bình	Cao
2015	Cấp độ 1	4	1			
2016	Cấp độ 1	1	1			
2017	Cấp độ 1	6	1-2			
2018	Cấp độ 1	4	1			
2019	Cấp độ 1	3	1			

Yên Bái thường xảy ra mưa lớn từ tháng 7 - 10, là tháng cao mùa mưa bão lũ, lượng mưa chiếm 81 - 84% so với lượng mưa TBNN cả năm. Mưa lớn

chủ yếu do một số hình thể đặc trưng cơ bản như: Hoàn lưu bão - ATNĐ, rãnh thấp hoặc rãnh thấp bị nén kết hợp hội tụ gió trên cao, rãnh gió tây trên cao, không khí lạnh nén rãnh thấp kết hợp hội tụ gió trên cao.

Năm 2017, có lượng mưa rất cao, với tổng lượng mưa lớn hơn TBNN từ 347,6 - 640,9mm, đã gây ra lũ và ngập úng nhiều ngày.

II. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

Trong 05 năm gần đây từ năm 2016 - 2020, bão, lũ đã làm 92 người chết và mất tích, 105 người bị thương; 451 ngôi nhà bị sập; 27.805 ngôi nhà bị hư hỏng; 19.577 ha sản xuất nông nghiệp, thủy sản bị thiệt hại; trên 1.461 công trình thủy lợi bị hư hỏng, sạt lở và cơ sở hạ tầng về giao thông, cấp nước sạch, trạm xá, trường học bị phá hủy nặng nề. Thiệt hại vật chất khoảng 3.314 tỷ đồng.

Các nhóm đối tượng hộ nghèo, cận nghèo và hộ gia đình có đối tượng bảo trợ xã hội có xu hướng tập trung nhiều ở các địa bàn khu vực nông thôn, nhất là các địa bàn vùng cao, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Đây cũng chính là các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai trên địa bàn tỉnh. Tính đến tháng 6/2020 trong tỉnh Yên Bái đang có 24.260 đối tượng đang bảo trợ xã hội, không thể tự đảm bảo được cuộc sống và được nhà nước trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng, trong đó có 189 trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng, 26 người từ 16 - 22 tuổi, mất nguồn nuôi dưỡng đang đi học văn hóa, học nghề và học đại học; 118 người nhiễm HIV thuộc hộ nghèo; 1.271 người đơn thân thuộc hộ nghèo; 293 người cao tuổi cô đơn thuộc hộ nghèo; 9.987 người trên 80 tuổi không có lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội; 9.819 người khuyết tật; 108 hộ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng; 2.451 hộ gia đình/cá nhân hưởng kinh phí chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng. Do các đặc điểm tự nhiên và xã hội, hiện nay ở tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đều có hộ nghèo, cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội. Tuy nhiên các đối tượng trên phân bố không đồng đều giữa các địa bàn. Các nhóm đối tượng hộ nghèo, cận nghèo và hộ gia đình có đối tượng bảo trợ xã hội có xu hướng tập trung nhiều ở các địa bàn khu vực nông thôn, nhất là các địa bàn vùng cao, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Đây cũng chính là các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai trên địa bàn tỉnh.

Hàng năm, tỉnh đều triển khai rà soát, bổ sung các đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội để hỗ trợ theo quy định, đồng thời đưa vào phương án phòng chống thiên tai để kịp thời ưu tiên cứu trợ đối với trường hợp nêu trên khi có tình huống xảy ra.

III. Nhận định về nguy cơ thiên tai và tình hình thời tiết hiện nay

Theo Viện khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, hiện nay biến đổi khí hậu dẫn tới những thay đổi về tần suất, cường độ, phạm vi không gian, và thời gian của các hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan, có thể dẫn đến các hiện tượng thời tiết và khí hậu khắc nghiệt chưa từng thấy.

Dự tính số lượng bão hoạt động ở Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam vào giữa cuối thế kỷ 21 có thể giảm về tần suất nhưng tăng về cường độ, gần

như chắc chắn số lượng bão mạnh có xu thế tăng. Mùa bão kết thúc muộn hơn và đường đi của bão có xu thế dịch chuyển về phía Nam.

Tần suất mưa lớn sẽ tăng trong thế kỷ 21 ở nhiều vùng của Việt Nam, mưa lớn sẽ tăng rủi ro sạt lở đất ở các khu vực miền núi. Sự thay đổi lượng mưa và nhiệt độ có thể dẫn đến lũ lụt xuất hiện ngày một thường xuyên hơn, ác liệt hơn, bất thường hơn, gây tác động ngày càng rộng lớn hơn.

Số ngày và đợt nắng nóng có xu thế tăng dần trên hầu hết các khu vực, nhất là khu vực miền Trung. Các đợt hạn hán gây gắt đã và đang xuất hiện nhiều hơn ở nhiều nơi; đặc biệt là cực hạn trong đó tần suất hạn cao tập trung vào các tháng vụ Đông Xuân từ tháng 1 - 4 và vụ Hè Thu từ tháng 5 - 8.

Hiện tượng El Nino/La Nina tác động mạnh mẽ đến thời tiết, khí hậu Việt Nam. Theo diễn biến lịch ENSO trong 100 năm qua, tần suất và cường độ của El Nino và La Nina thể hiện xu thế tăng. Dự tính trong thế kỷ 21, tần suất hoạt động của dạng El Nino với dị thường nhiệt độ mặt nước biển dương trên khu vực trung tâm xích đạo Thái Bình Dương được nhận định có xu thế tăng.

Lượng mưa từ tháng 1 đến tháng 7 thiếu hụt từ 8% đến 43% so với TBNN cùng kỳ. Nắng nóng diện rộng với nhiệt độ cao nhất 38,6 - 39,9°C.

CHƯƠNG VI

CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

I. Tổ chức phòng ngừa, giảm thiểu

1. Giải pháp phi công trình

1.1. củng cố bộ máy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp

- Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp; thực hiện từ tháng 01 đến tháng 03 hàng năm bảo đảm năng lực chỉ huy, điều hành.

- Rà soát, xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai các cấp; rà soát, xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện trong năm 2021.

- Rà soát, xây dựng lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã với lực lượng dân quân tự vệ làm nòng cốt.

1.2. Xây dựng kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai các cấp; mua sắm trang thiết bị, vật tư, phương tiện chuyên dùng phục vụ công tác phòng chống thiên tai

Đến nay, có 173/173 xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai. Cấp huyện đang thực hiện Kế hoạch phòng chống thiên tai năm 2021.

Tiếp tục tổ chức xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2021 - 2025; kinh phí xây dựng kế hoạch 300 triệu đồng/cấp tỉnh, 250 triệu đồng/cấp huyện và 30 triệu đồng/cấp xã.

173 xã, phường, thị trấn; 9 huyện, thị xã, thành phố đều xây dựng và cập nhật phương án phòng chống thiên tai trên địa bàn.

Rà soát, cập nhật phương án ứng phó thiên tai cấp tỉnh theo cấp độ rủi ro thiên tai từ năm 2021 đến năm 2025.

Bổ sung trang thiết bị, vật tư, phương tiện chuyên dùng phục vụ công tác phòng chống thiên tai; thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng; máy định vị cầm tay, máy bơm nước đeo vai, ống nhìn ban đêm và một số thiết bị làm việc cho Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy tỉnh.

1.3. Tổ chức đào tạo, tập huấn, tuyên truyền công tác phòng chống thiên tai

Tiếp tục nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ công tác phòng chống thiên tai cấp huyện, cấp xã bằng các lớp đào tạo, tập huấn; 10 lớp đào tạo/năm, kinh phí 500 triệu đồng.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng chống thiên tai với mọi hình thức 200 triệu/năm, kinh phí 1.000 triệu đồng.

1.4. Lắp đặt thiết bị cảnh báo, biển cảnh báo

Các khu vực thường xuyên bị ngập sâu ngấm tràn đường giao thông, vùng trũng thấp ven sông, suối được lắp đặt thiết bị cảnh báo, bảng cảnh báo, 100 triệu đồng/năm; kinh phí thực hiện 500 triệu đồng.

Khu vực có nguy cơ sạt lở được cắm biển cảnh báo, 100 triệu đồng/năm; kinh phí thực hiện 500 triệu đồng.

1.5. Tổ chức diễn tập ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

Tổ chức diễn tập phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh, cấp huyện 2 năm/1 lần. Kinh phí diễn tập 1.000 triệu đồng.

Diễn tập phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã 1 năm/10 lần, kinh phí 2000 triệu đồng/10 lần.

1.6. Bảo đảm hoạt động triển khai kế hoạch thu, chi Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh 7.000 triệu đồng/năm, kinh phí thực hiện 35.000 triệu đồng.

1.7. Phối hợp với Trung ương xây dựng cơ sở dữ liệu, công cụ hỗ trợ; kết nối trực tuyến với Trung ương theo thời gian thực.

1.8. Tái cơ cấu lĩnh vực nông, lâm nghiệp

Kế hoạch 2021 - 2025: Đến năm 2025, tỷ trọng nông nghiệp (*trồng trọt; chăn nuôi; dịch vụ*) chiếm khoảng 61,85% trong cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản. Phân đầu giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất trồng trọt đến năm 2025 đạt 85 triệu đồng/ha/năm. Giá trị sản xuất trồng trọt (*theo giá so sánh năm 2010*) đến năm 2025 đạt 3.530 tỷ đồng. Đến năm 2025, tỷ trọng trồng trọt và dịch vụ chiếm 31,85% trong cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản.

1.9. Về lĩnh vực vật nuôi

Kế hoạch 2021 - 2025: Giá trị sản xuất chăn nuôi (*theo giá so sánh năm 2010*) đến năm 2025 đạt 2.740 tỷ đồng. Năm 2025, tỷ trọng chăn nuôi chiếm khoảng 30% trong cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản. Tổng đàn gia súc chính đạt 950.000 con (*trâu: 118.000 con, bò: 42.000 con, lợn 790.000 con*); đàn gia cầm đạt 6,0 triệu con; đàn dê đạt 45.600 con. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại đạt 61.000 tấn.

1.10. Lập Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp hạ lưu lưu vực sông Hồng

Giai đoạn 2021 - 2025: Xây dựng được bản đồ số Kế hoạch phòng chống thiên tai (bản đồ lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt, lốc xoáy), cấp tỉnh và cấp huyện với kinh phí 1.870 triệu đồng. Mục tiêu để phân vùng thiên tai (lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt, lốc xoáy) tại địa phương, phân vùng sơ tán cho nhân dân địa phương, hướng dẫn nhân dân cách phòng tránh thiên tai. Nội dung của bản đồ thể hiện toàn bộ danh giới các xã trong huyện, các khu vực công cộng, các khu vực có nguy cơ xảy ra thiên tai (như lốc xoáy, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất), đường ứng cứu và các điểm ứng cứu và điểm sơ tán dân.

Ngoài ra còn xây dựng các phương án an toàn hạ du các nhà máy thủy điện trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

1.11. Bảo vệ và phát triển rừng

Kế hoạch 2021 - 2025: Giá trị sản xuất lâm nghiệp (*theo giá so sánh năm 2010*) đến năm 2025 đạt 2.840 tỷ đồng. Đến năm 2025, tỷ trọng lâm nghiệp chiếm khoảng 33 - 37% trong tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản. Tỷ lệ che phủ của rừng từ năm 2021 - 2025: Ổn định 65%. Tiếp tục phát triển sản xuất kinh doanh lâm nghiệp theo vùng, gồm: Vùng rừng cây gỗ lớn: Tổng diện tích đến năm 2025 khoảng 40.000 ha. Diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC đến năm 2025 khoảng 90.000 ha. Vùng Quế: Tổng diện tích năm 2025 định hình là 78.000 ha, sản lượng khai thác quế vỏ 25.000 tấn/năm; 700 tấn tinh dầu quế/năm. Cây Sơn tra: Tổng diện tích năm 2025 định hình ở mức 10.000 ha, sản lượng là 15.000 tấn quả/năm. Cây tre măng Bát độ: Tổng diện tích năm 2025 định hình ở mức 10.000 ha, sản lượng là 200.000 tấn/năm. Cây dược liệu: Tiếp tục trồng, khai thác có hiệu quả và bền vững các loại cây dược liệu dưới tán rừng tự nhiên như cây thảo quả...

1.12. Về thủy sản

Kế hoạch 2021 - 2025: Giá trị sản xuất thủy sản (*theo giá so sánh năm 2010*) đến năm 2025 đạt 500 tỷ đồng. Đến năm 2025, tỷ trọng thủy sản chiếm khoảng 4,85% trong tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản. Phân đầu giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha mặt nước nuôi trồng thủy sản đến năm 2025 đạt trên 250 triệu đồng/ha/năm. Tổng diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản đến năm 2025 định hình là 2.600 ha, bao gồm: (ao, hồ nhỏ 2.000 ha, nuôi cá ruộng 500 ha; nuôi cá eo ngách 100 ha) và trên 2.000 lồng cá. Tiếp tục chuyển đổi phương thức nuôi thâm canh cao, ứng dụng công nghệ cao và phát triển nuôi cá Tầm trên hồ Thác Bà. Tổng sản lượng thủy sản đến năm 2025 đạt 13.000 tấn.

2. Giải pháp công trình

2.1. Đầu tư, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai

Kết quả huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn

a) Tu bổ, nâng cấp và xây dựng hồ chứa nước

Trong giai đoạn 2012 - 2015 bằng các nguồn vốn đã nâng cấp sửa chữa 27 hồ chứa vừa và nhỏ/ tổng số hồ chứa của toàn tỉnh 186 hồ chứa nước, chiếm 15%. Năm 2019 tỉnh Yên Bái đã được trung ương hỗ trợ sửa chữa nâng cấp 5 hồ chứa bằng nguồn vốn sửa chữa khẩn cấp bão lũ; Chương trình nguồn vốn WB8 từ năm 2019 - 2020 và các năm tiếp theo đầu tư nâng cấp sửa chữa 16 hồ chứa, tỷ lệ hồ chứa nâng cấp sửa chữa đạt 48/133 hồ chứa (37%). Đối với các hồ chứa nước có dung tích từ 50.000 m³ hoặc có chiều cao đập từ 5m trở lên, trong giai đoạn 2012-2019 đã nâng cấp được 32 hồ chứa bị hư hỏng xuống cấp theo tiêu chuẩn thiết kế mới.

Kế hoạch từ năm 2021 - 2025 đầu tư sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn 96 hồ chứa, kinh phí 734,4 tỷ đồng. (*Chi tiết tại Phụ lục số 04: Chi tiết dự kiến kế hoạch đầu tư giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 thủy lợi, nước sạch*).

b) Thủy lợi: Giai đoạn 2016 - 2019 đã đầu tư xây mới và nâng cấp, sửa chữa 440 danh mục công trình thủy lợi với tổng mức đầu tư là 431,45 tỷ đồng. Hiện có 2.319 đầu mối công trình và cụm công trình thủy lợi; diện tích lúa được

tươi, tiêu bằng công trình thủy lợi là 17.596,49 ha vụ đông xuân, vụ mùa là 18.887,99 ha. Trên địa bàn tỉnh có 144 xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi (91,7% số xã). Năm 2020 đạt 145/150 xã chiếm 96%.

Nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn giai đoạn 2021 - 2025: Sửa chữa nâng cấp các công trình nước sạch nông thôn là 50 dự án với tổng kinh phí đầu tư: 80,859 tỷ đồng (vốn ngân sách trung ương là 69,4 tỷ đồng, vốn nước ngoài 11,459 tỷ đồng); trong đó: Sửa chữa nâng cấp các công trình nước sạch nông thôn là 49 công trình với tổng kinh phí đầu tư: 69,4 tỷ đồng; Dự án “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” vay vốn ngân hàng thế giới giai đoạn 2021-2025 với tổng kinh phí đầu tư: 11,459 tỷ đồng (*Chi tiết tại Phụ lục số 04: Chi tiết dự kiến kế hoạch đầu tư giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 thủy lợi, nước sạch*).

c) Lắp đặt, xây dựng hệ thống quan trắc chuyên dùng phục vụ phòng chống thiên tai: tự động quan trắc mưa, mực nước tại các hồ chứa nước giai đoạn 2021 - 2025 tại 41 hồ chứa, kinh phí 2.300 triệu đồng.

d) Nâng cấp, sửa chữa đê điều

Từ năm 2016 - 2020 đã tu bổ, nâng cấp 725 m đê bị thiệt hại do mưa lũ với kinh phí 3.000 triệu đồng, trong đó: sửa chữa, nâng cấp đê Cầu Đất, thị trấn Cổ Phúc 160 m, kinh phí 500 triệu đồng; sửa chữa nâng cấp đê Phú Thọ xã Việt Thành 565 m, kinh phí 2.000 triệu đồng; sửa chữa các cống dưới đê xã Việt Thành, kinh phí 500 triệu đồng.

Kế hoạch năm 2021 - 2025: Dự kiến đầu tư, xây dựng tổng số 13 dự án đê, kè kết hợp phòng chống thiên tai, với kinh phí thực hiện là 1.826,068 tỷ đồng (*Chi tiết tại Phụ lục số 05: Danh mục các chương trình, dự án đê, kè thực hiện giai đoạn 2021 - 2025*).

2.2. Đầu tư, nâng cấp công trình xây dựng kết hợp PCTT

a) Di dời, bố trí lại dân cư vùng thường xuyên bị thiên tai

Từ năm 2016 - 2020: Đã sắp xếp ổn định cuộc sống cho trên 2.246 hộ dân, hỗ trợ khắc phục, di dời an toàn trên 2.285 nhà bị ảnh hưởng (243 nhà sập đổ hoàn toàn; 2.042 nhà bị hư hỏng); khắc phục trên 110 công trình cơ sở hạ tầng bị hư hỏng. Tổng kinh phí đã huy động trên 945,767 tỷ đồng. Việc rà soát, kiểm tra các hộ dân tại các vùng có nguy cơ ảnh hưởng của thiên tai cũng được tiến hành thường xuyên và có phương án đảm bảo an toàn khi thiên tai xảy ra.

Kế hoạch 2021 - 2025: Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai các huyện Mù Cang Chải, Trạm Tấu, Văn Chấn, Văn Yên, Trấn Yên, Lục Yên, Yên Bình và thị xã Nghĩa Lộ với tổng kinh phí 304.900 triệu đồng.

b) Kiên cố hóa trường học

Từng bước xây dựng theo chuẩn và xã hội hóa. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn, đến nay, toàn tỉnh có 225 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 50,8% (so với năm 2010, tăng 142 trường đạt chuẩn quốc gia, tăng 36,4% số lượng trường đạt chuẩn quốc gia), toàn tỉnh

có 74 xã (chiếm 49% số xã) đạt Tiêu chí số 5 về Trường học. Năm 2020, phần đầu đạt 89/150 xã chiếm 59,3%.

Kế hoạch năm 2021- 2025 thực hiện 05 chương trình, dự án đầu tư, với tổng kinh phí: 988,378 tỷ đồng (*Chi tiết tại Phụ lục số 07: Danh mục các chương trình, dự án thực hiện giai đoạn 2021 - 2025*).

c) Nâng cấp bệnh viện, trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã

Năm 2016 - 2020 đã xây dựng hoàn thành các hạng mục thuộc các bệnh viện, trung tâm, trạm y tế: Sửa chữa, nâng cấp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; Trạm Y tế xã Sơn Lương huyện Văn Chấn; Trạm Y tế xã Châu Quế Hạ huyện Văn Yên; Trạm Y tế xã Bảo Ái huyện Yên Bình; Trạm Y tế xã Đại Đồng huyện Yên Bình; Trạm Y tế xã Yên Bình huyện Yên Bình; Trạm Y tế phường Cầu Thia thị xã Nghĩa Lộ; Trạm Y tế xã Mỹ Gia huyện Yên Bình; Dự án cải tạo nâng cấp tổng thể Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Yên Bái; Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế Trấn Yên; Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế thị xã Nghĩa Lộ; Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế Lục Yên; Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế Văn Chấn; Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế TP Yên Bái; Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế Mù Cang Chải.

Giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện đầu tư, sửa, chữa, nâng cấp, trang sắm thiết bị, với tổng kinh phí: 345,875 tỷ đồng.

Nâng cấp và hoàn chỉnh 06 Trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố (*Trung tâm Y tế thành phố; Trung tâm Y tế Văn Chấn; Trung tâm Y tế Văn Yên; Trung tâm Y tế huyện Yên Bình; Trung tâm Y tế huyện Trấn Yên; Trung tâm Y tế huyện Mù Cang Chải*).

Tuyến xã: Nâng cấp các trạm y tế trên địa bàn 09 huyện, thị xã, thành phố.

2.3. Đầu tư, nâng cấp công trình giao thông kết hợp PCTT

Trong giai đoạn 2016-2019, toàn tỉnh đã kiên cố hóa 1.106,97 km mặt đường bê tông xi măng; mở mới 196,07 km đường đất; xây dựng 1.483 công trình thoát nước với tổng kinh phí thực hiện: 1.545,60 tỷ đồng. Năm 2020, toàn tỉnh phần đầu hoàn thành bê tông hóa tối thiểu 306 km đường giao thông nông thôn, góp phần hoàn thành Đề án phát triển giao thông nông thôn của tỉnh. Kết quả thực hiện tiêu chí năm 2019 đạt 72/157 xã chiếm 45,8 %. Năm 2020, phần đầu đạt 83/150 xã chiếm 55,3%.

Giai đoạn 2021 - 2025: Mục tiêu phát triển hạ tầng giao thông của tỉnh trọng tâm tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp các tuyến đường tỉnh, ưu tiên các dự án kết nối quốc lộ với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, các dự án liên kết vùng và của tỉnh với các tỉnh thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc với tổng kinh phí 3.016 tỷ đồng (*Chi tiết tại Phụ lục số 9: Danh mục các công trình, dự án giao thông ưu tiên đầu tư giai đoạn 2021 - 2025*).

II. Biện pháp ứng phó

1. Trách nhiệm ứng phó với từng cấp độ rủi ro thiên tai

Ủy ban nhân dân cấp xã: Triển khai ứng phó với tất cả các cấp độ rủi ro thiên tai; có trách nhiệm báo cáo và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện hỗ trợ khi vượt quá năng lực chỉ huy và huy động nguồn lực tại địa phương.

Ủy ban nhân dân cấp huyện: Triển khai ứng phó với cấp độ rủi ro thiên tai cấp độ 1 xảy ra tại 2 xã trở lên và với tất cả các cấp độ rủi ro thiên tai vượt cấp độ 1; báo cáo và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hỗ trợ khi vượt quá năng lực chỉ huy và huy động nguồn lực tại địa phương.

Ủy ban nhân dân tỉnh: Hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp huyện ứng phó với cấp độ rủi ro thiên tai cấp độ 1 nếu có đề nghị. Triển khai ứng phó với tất cả các cấp độ rủi ro thiên tai vượt cấp độ 1. Cáo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ khi vượt quá năng lực chỉ huy và huy động nguồn lực tại địa phương.

2. Công tác sơ tán dân về nơi an toàn

Căn cứ vào dự báo, cảnh báo của Trung tâm Dự báo khí tượng Thủy văn quốc gia, Đài Khí tượng Thủy văn Yên Bái, công điện của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh chỉ đạo ứng phó với mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt, bão, áp thấp nhiệt đới Ủy ban nhân dân các cấp, các sở, ban, ngành, đơn vị triển khai thực hiện:

- Kịp thời huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ sơ tán người dân vùng ven sông, suối vùng sạt lở đến nơi an toàn.

- Tổ chức cung cấp lương thực, nhu yếu phẩm, nước sạch cho người dân nơi sơ tán và vùng ảnh hưởng.

- Huy động đội ngũ y sĩ, bác sĩ tại chỗ, phương tiện, thuốc men để sơ cấp cứu, chăm sóc sức khỏe cho người dân nơi sơ tán và vùng ảnh hưởng.

- Tổ chức các đoàn, đội tình nguyện cứu trợ dân sinh, vệ sinh môi trường và phòng chống dịch bệnh nơi sơ tán.

3. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc khẩn cấp

Các phương tiện thông tin, truyền thông tăng cường đưa tin về thiên tai cho chính quyền các cấp và nhân dân biết để chủ động phòng tránh, ứng phó.

Ưu tiên xử lý sự cố thông tin và duy trì thông tin liên lạc bằng tất cả các hệ thống tại Ủy ban nhân dân các cấp, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành liên quan; duy trì 24/24h nguồn điện ưu tiên và máy phát điện dự phòng của từng cơ quan, đơn vị.

Nếu các mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel không liên lạc được thì dùng các máy thông tin di động vô tuyến sóng ngắn Codan; hoặc sử dụng mạng thông tin chuyên dùng Inmarsat để phục vụ.

Phối hợp sử dụng hệ thống thông tin nội bộ của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh phục vụ chỉ huy ứng phó.

4. Triển khai công tác đảm bảo y tế

Thành lập và bố trí các đội y tế lưu động tại các địa phương để chăm sóc sức khỏe nhân dân. Các địa điểm ngập lũ, sạt lở đất cần bố trí các đội y tế:

- Các Bệnh viện Đa khoa, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm y tế huyện phải đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị y tế, thuốc, hóa chất phục vụ khám chữa bệnh, cấp cứu, điều trị bệnh nhân trong và sau bão, lũ.

- Các đội cấp cứu lưu động phải có y sĩ, bác sĩ, thuốc, hóa chất trang thiết bị và phương tiện cần thiết để sơ cấp cứu ban đầu bệnh nhân nơi sơ tán.

- Trung tâm y tế cấp huyện phối hợp với các đơn vị liên quan sơ cấp cứu người bệnh, chăm sóc sức khỏe người dân, phòng chống dịch bệnh bùng phát.

- Trạm y tế xã phối hợp các đội y tế lưu động kiểm tra sức khỏe, sơ cấp cứu người dân, phòng chống dịch bệnh trên địa bàn.

5. Bảo đảm thoát nước đô thị

Tổ chức thực hiện thoát nước, chống ngập úng thành phố, thị xã bao gồm:

- Nạo vét các tuyến cống, hố ga đảm bảo dòng chảy được thông suốt.

- Thu dọn cây cối, vật thải ở các tuyến mương để thông thoáng dòng chảy.

- Bố trí lực lượng, phương tiện, vật tư ở các tuyến mương, cống thoát nước để xử lý ngay sự cố.

- Lắp dựng biển báo, thanh chắn, đèn tín hiệu, bố trí người trực canh ở các vị trí ngập nước, sự cố đảm bảo an toàn cho người, phương tiện giao thông.

6. Cung cấp nước sạch cho dân cư

- Thực hiện phương án bảo vệ an toàn cho công trình cấp nước, các giếng khoan khai thác nước dưới đất, đường dẫn cấp nước đến khu dân cư.

- Kiểm tra, bảo vệ an toàn các tuyến ống dẫn nước và thiết bị đến tận nhà dân, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục. Đối với vùng ngập lụt, sạt lở đường ống cấp nước bị sự cố, tổ chức lực lượng khắc phục ngay để cấp nước liên tục.

- Tổ chức vận hành các công trình cấp nước theo quy trình, bảo đảm an toàn, tiết kiệm khi xảy ra mưa lũ.

- Có phương án xử lý khẩn cấp tu sửa đối với các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn bị ảnh hưởng bởi mưa lũ.

7. Triển khai phương án ứng phó với thiên tai

7.1. Các công tác ứng phó bão, lũ lụt:

- Sơ tán người ra khỏi vùng ngập lụt, ảnh hưởng mưa, lũ, nơi không đảm bảo an toàn; đặc biệt đối với người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật;

- Di chuyển phương tiện, vật nuôi thủy sản trên hồ, trên sông ra khỏi khu vực nguy hiểm;

- Chằng chống nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, kho tàng, công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng;

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ sản xuất: thu hoạch lúa xanh nhà hơn già đồng, hoa màu, vật nuôi thủy sản; chằng chống chuồng trại, bảo vệ thực phẩm cho gia súc, gia cầm; bảo vệ giống lúa, giống cây trồng, công cụ sản xuất;

- Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình đê điều, đập dâng, hồ đập, cống, tràn, kênh mương; công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội; công trình an ninh, quốc phòng bảo đảm an toàn;

- Cắm người, phương tiện đi lại khi ngập lụt, sạt lở đất. Tổ chức trạm bảo vệ, chốt kiểm soát ngăn chặn giao thông và hướng dẫn an toàn.

- Đảm bảo thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai của Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành trong mọi tình huống.

- Tìm kiếm cứu nạn, sơ cấp cứu người bị nạn trên sông, suối và đưa đến bệnh viện gần nhất. Các đội cấp cứu lưu động để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm tính mạng cho người bị thương.

- Hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm tại nơi bị chia cắt, ngập lụt sâu và nơi sơ tán;

- Đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội khu vực xảy ra mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất;

7.2. Các công tác ứng phó hạn hán:

- Tăng cường công tác dự báo về khô hạn, công tác truyền thông trên mọi phương tiện về tình hình khô hạn để nhân dân được biết, chủ động tham gia phòng chống khô hạn.

- Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo và diễn biến của hạn hán;

- Sử dụng các giống lúa mới, hoa màu ngắn ngày, chịu khô hạn, có năng suất. Trồng cây trồng cạn trên đất trồng lúa kém hiệu quả nơi thiếu nước tưới.

- Củng cố các tổ, đội thủy nông để quản lý, điều tiết nước tưới nội đồng.

- Theo dõi chặt chẽ tình hình khô hạn, sử dụng nguồn cấp bù thủy lợi phí, ngân sách dự phòng của địa phương để thực hiện các giải pháp phòng chống hạn hán.

- Vận hành hợp lý các hồ chứa nước trong tỉnh, công trình cấp nước, ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt; sử dụng nước tiết kiệm, tưới nước tự động, chống thất thoát nước.

- Ưu tiên cung cấp điện và nhiên liệu cho các trạm bơm chống khô hạn;

- Lập các bể trữ nước, đào sâu giếng nước, đào ao, khoan giếng nước ngầm để tăng nguồn nước.

7.3. Công tác ứng phó với mưa đá, giông lốc

- Xây dựng các công trình, nhà ở kiên cố, thường xuyên chằng chống nhà cửa để tăng độ vững chắc nhằm đề phòng giông gió, lốc xoáy. Nếu nhà ở lợp bằng lá, tôn tráng kẽm, fibroximăng, ngói có thể dẫn lên mái nhà các loại thanh nẹp bằng gỗ, sắt, dây kẽm cỡ lớn hoặc các bao chứa cát để hạn chế tốc mái khi có giông gió, lốc xoáy;

- Chặt tỉa cành, nhánh của các cây cao, dễ gãy đổ, cây nằm gần nhà ở, lưới điện...; kiểm tra mức độ an toàn, vững chắc của các biển quảng cáo, pa nô, áp phích; các khu vực nhà lá, nhà tạm và các giàn giáo của công trình cao tầng đang thi công;

- Khi có mưa đá kèm theo giông lốc, cần sơ tán người già và trẻ em ra khỏi những căn nhà tạm, đến những nơi an toàn, vững chắc hơn; tránh nấp dưới bóng cây, trú ẩn trong nhà tạm dễ bị đổ, gây gây tai nạn;

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền đến nhân dân những bản tin dự báo, cảnh báo mưa đá để chủ động phòng, tránh an toàn cho người, vật nuôi, cây trồng và các tài sản khác; hạn chế tác hại của mưa đá đối với các vật dụng, đồ dùng, máy móc...;

- Thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng để kịp thời có biện pháp phòng, tránh và ứng phó hiệu quả.

7.4. Công tác ứng phó với rét đậm, rét hại

- Thường xuyên cập nhật thông tin về diễn biến của rét đậm, rét hại. Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng tới người dân về diễn biến của thời tiết để chủ động phòng, tránh; hướng dẫn người dân các biện pháp phòng, tránh rét cho người, đặc biệt là người già, trẻ em, người thuộc đối tượng dễ bị tổn thương.

- Chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống rét cho cây trồng như: che, phủ diện tích cây trồng có nguy cơ bị ảnh hưởng do rét hại, băng giá.

- Chủ động dự trữ thức ăn cho vật nuôi và tăng cường khẩu phần ăn đủ dinh dưỡng, đảm bảo sức khỏe cho vật nuôi để chống rét và dịch bệnh.

- Gia cố, tu sửa, che chắn chuồng trại tránh gió lùa (có thể sử dụng những vật liệu sẵn có tại địa phương làm thành những tấm rèm che xung quanh chuồng); Dự trữ chất đốt để đốt sưởi cho vật nuôi trong những ngày rét đậm, rét hại, sương muối, băng giá.

- Không thả rông vật nuôi trong những ngày nhiệt độ dưới 15oC, đặc biệt khi có sương muối, băng giá thì phải để tan sương hoặc có ánh nắng mặt trời mới cho gia súc ra khỏi chuồng; Đối với những hộ gia đình không có chuồng trại đảm bảo thì cần chủ động di chuyển vật nuôi xuống vùng thấp để tránh rét.

- Xây dựng kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông triển khai phương án đối phó với mọi diễn biến của thời tiết, bảo đảm giao thông thông suốt trong mọi tình huống; ở những vị trí xung yếu, tắc đường, huy động tối đa nhân lực, vật tư, thiết bị máy móc để sớm khắc phục thông xe. Thực hiện phương châm 4 tại chỗ tập trung hót dọn băng, tuyết rơi trên các tuyến giao thông để bảo đảm giao thông, khẩn trương khi tan băng, tuyết đến đâu khắc phục sự cố hư hỏng đến đó.

- Các vị trí tắc đường lắp dựng rào chắn, biển báo, phối hợp với đơn vị Thanh tra đường bộ và Chính quyền địa phương tổ chức trực gác và phân luồng giao thông; đồng thời thông báo lên phương tiện thông tin đại chúng.

- Tăng cường công tác y tế dự phòng, chuẩn bị sẵn sàng cơ sở thuốc và ứng cứu kịp thời đối với các trường hợp suy giảm sức khỏe do rét. Hướng dẫn chăm sóc sức khỏe đặc biệt cho người già, trẻ em, hộ nghèo, người neo đơn. Đề phòng các bệnh về đường hô hấp, kiên quyết không để dịch bệnh xảy ra.

8. Huy động nguồn lực cho công tác ứng phó thiên tai

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định huy động nguồn lực trên địa bàn để ứng phó thiên tai. Nguồn lực ứng phó thuộc các tổ chức, cơ quan, đơn vị các cấp trực tiếp quản lý bao gồm: nhân lực; vật tư, vật liệu, trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ; nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất; hệ thống liên lạc; nước sạch, thuốc khử trùng nước; lương thực và nguồn kinh phí dự phòng.

III. Tổ chức khắc phục hậu quả, tái thiết sau thiên tai

1. Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu; khắc phục tạm thiệt hại

- Sau bão lũ, Ủy ban nhân dân các địa phương tổ chức thăm hỏi, động viên và hỗ trợ đối với các gia đình có người chết, người bị thương do thiên tai; phân phát gạo cứu trợ, nhu yếu phẩm, hàng hóa cho nhân dân bị thiệt hại, không để người dân bị đói, bị rét.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì phối hợp với Công an tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, tìm kiếm người bị nạn, sơ cấp cứu và đưa về cơ sở y tế điều trị; cùng thanh niên xung kích, dân quân tự vệ địa phương giúp nhân dân sửa chữa nhà cửa, làm nhà ở tạm, ổn định đời sống nhân dân.

- Sở Y tế triển khai sơ cấp cứu, chữa bệnh cho nhân dân bị nạn; cung cấp thuốc chữa bệnh, thuốc tiêu độc, khử trùng làm sạch nguồn nước, vệ sinh môi trường không để dịch bệnh bùng phát.

- Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn khắc phục tu sửa kênh mương, đê, kè, khôi phục trạm bơm để phục vụ sản xuất; công tác khử trùng chuồng trại không để phát sinh dịch bệnh trong gia súc, gia cầm.

- Sở Giao thông vận tải hướng dẫn khắc phục đoạn đường bị sạt lở, các cầu, cống bị hư hỏng, đảm bảo giao thông bước 1. Đối với đoạn đường sạt lở nguy hiểm, cấm biển cảnh báo để người dân chủ động phòng tránh.

- Điện lực Yên Bái tổ chức khắc phục sự cố đường dây tải điện, trạm biến thế; vận hành an toàn hệ thống điện phục vụ đời sống và sản xuất nhân dân.

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp chính quyền địa phương rà soát hộ gia đình có nhà sập, hư hỏng nặng để hỗ trợ; rà soát hộ thiếu đói để cấp phát lương thực cứu trợ.

- Sở Công thương phối hợp với chính quyền địa phương, các doanh nghiệp phân phối lớn đảm bảo cung ứng kịp thời cho nhân dân khu vực bị thiên

tai các mặt hàng thiết yếu: Mì tôm, dầu ăn, nước uống đóng chai cấp phát cho nhân dân, không để dân bị đói, bị rét.

- Sở Tài chính cân đối nguồn dự phòng ngân sách, các nguồn tài chính hợp pháp khác đề xuất nguồn chi hỗ trợ hộ gia đình có người chết, bị thương, nhà ở bị sập, hư hỏng nặng; khôi phục sản xuất nông nghiệp; kinh phí khắc phục nước sạch, bảo đảm giao thông bước 1 sớm ổn định đời sống và phục vụ sản xuất.

- Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh chi cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết cho người dân bị thiệt hại; hỗ trợ tu sửa trường học, nhà sơ tán phòng tránh thiên tai, xử lý vệ sinh môi trường; hỗ trợ tu sửa khẩn cấp đê, kè, công và công trình phòng chống thiên tai.

- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Phụ nữ tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức tiếp nhận, cấp phát hàng, tiền cứu trợ cho người dân bị thiệt hại đặc biệt ưu tiên hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, người tàn tật, cao tuổi, phụ nữ, trẻ em sớm ổn định cuộc sống.

2. Thống kê, đánh giá thiệt hại, lập nhu cầu hỗ trợ

Ủy ban nhân dân các cấp, các sở, ban, ngành, đơn vị thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn và các lĩnh vực phụ trách, cụ thể:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức đánh giá, xác định thiệt hại ở địa phương về con người, nhà cửa, về giáo dục, y tế, nông lâm nghiệp, thủy lợi, giao thông, thủy sản, thông tin liên lạc, công nghiệp, xây dựng, nước sạch, vệ sinh môi trường và các công trình khác trên địa bàn và báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Ban Chỉ huy PCTT - TKCN tỉnh.

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội kiểm tra, thống kê thiệt hại về người, nhà ở của nhân dân. Nắm rõ số người chết, người mất tích, người bị thương; số nhà sập đổ, nhà bị hư hỏng nặng. Trên cơ sở đánh giá thiệt hại về người và nhà ở, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cứu trợ khẩn cấp cho gia đình bị thiệt hại, chú ý ưu tiên gia đình chính sách và hộ nghèo.

- Sở Giao thông vận tải đánh giá thiệt hại các tuyến đường Quốc lộ, Tỉnh lộ, đường sắt, đường thủy, bến cảng; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và đơn vị có liên quan thành lập đoàn kiểm tra, xác định mức hỗ trợ, sửa chữa, khôi phục; lập báo cáo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT - TKCN tỉnh.

- Sở Xây dựng đánh giá thiệt hại các công trình y tế, văn hóa, giáo dục, trụ sở cơ quan và công trình hạ tầng công cộng, công trình xây dựng theo lĩnh vực quản lý; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thành lập đoàn kiểm tra, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh; xác định mức hỗ trợ, sửa chữa, khôi phục nâng cấp công trình; lập báo cáo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT - TKCN tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp tình hình thiệt hại về nông, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản. Thống kê diện tích lúa, hoa màu bị hư hỏng; diện tích cây công nghiệp, rừng bị ngã đổ; diện tích đất canh tác bị xói lở,

vùi lấp; gia súc, gia cầm bị chết; lúa giống bị hư hỏng. Đánh giá thiệt hại đê kè, kênh mương, hồ chứa nước, đập dâng, trạm bơm; diện tích nuôi trồng thủy sản. Lập báo cáo tổng hợp thiệt hại sau thiên tai phạm vi toàn tỉnh gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hỗ trợ.

Đối với các công trình phòng chống thiên tai, hồ chứa, đê, kè, công trình thủy lợi. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thành lập đoàn kiểm tra, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh; xác định mức hỗ trợ, sửa chữa, khôi phục, nâng cấp; lập báo cáo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

- Các sở, ngành, đơn vị theo lĩnh vực quản lý đánh giá, thống kê thiệt hại, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT - TKCN tỉnh và đề xuất hỗ trợ.

- Các chủ doanh nghiệp kiểm tra, đánh giá thiệt hại của doanh nghiệp báo cáo chính quyền địa phương.

- Cục Thống kê đánh giá, thống kê thiệt hại về các lĩnh vực, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT - TKCN tỉnh.

- Công tác tổng hợp: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổng hợp, có trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm tra của các ngành đối với các công trình giao thông; công trình y tế, văn hóa, giáo dục và công trình hạ tầng công cộng; công trình phòng chống thiên tai, hồ chứa, đê, kè, công trình thủy lợi. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương để khắc phục hậu quả thiên tai. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ sửa chữa, khôi phục kết hợp nâng cấp cơ sở hạ tầng đối với các trường hợp đặc biệt, bố trí ngân sách địa phương để thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công.

Chậm nhất 7 ngày sau khi kết thúc đợt thiên tai, các sở, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện phải báo cáo thiệt hại và đề xuất hỗ trợ về Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Ban Chỉ huy PCTT - TKCN tỉnh để tổng hợp.

3. Lập kế hoạch tái thiết sau thiên tai

a) Tái thiết khẩn cấp: Tổng hợp đánh giá thiệt hại từ các sở, ngành, địa phương lựa chọn được danh mục khắc phục khẩn cấp sau thiên tai. Trên cơ sở kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai được phân bổ; các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng theo thứ tự ưu tiên. Các danh mục lựa chọn thường là hồ chứa, đập dâng, đê, kè, kênh mương, cống, tràn; cầu, đường giao thông, công trình cấp nước sạch. Thời gian khắc phục khẩn cấp từ 3 đến 8 tháng trước mùa mưa lũ, bão tiếp theo.

b) Tái thiết trung hạn: Để đáp ứng yêu cầu lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội, các sở, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các cấp lập kế hoạch trung hạn khôi phục, phát triển sản xuất; nâng cấp công trình, cơ sở hạ tầng kết hợp mục tiêu phòng

chống thiên tai, trình cấp thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện. Nội dung chính kế hoạch trung hạn gồm:

Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước đảm bảo an toàn hồ chứa và nguồn nước cho vùng hạ lưu. Nâng cấp, tu bổ hệ thống đê, kè bảo vệ an toàn dân cư, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Kiên cố hóa kênh mương, nâng cấp trạm bơm nhằm tưới tiêu chủ động và tiết kiệm nước. Xây dựng nhà phòng tránh thiên tai, lũ quét, sạt lở đất kết hợp sinh hoạt cộng đồng. Di dời người dân ra khỏi vùng nguy hiểm của thiên tai và tái định cư. Nâng cao nhận thức của cán bộ, người dân về phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát triển nông nghiệp xanh xem xét đến yếu tố thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

Sở Xây dựng quản lý quy hoạch khu dân cư, phát triển đô thị phải đảm bảo an toàn phòng chống thiên tai. Có kế hoạch xây dựng nhà ở an toàn, hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh lũ, bão theo chính sách của Chính phủ. Nâng cấp công trình cấp, thoát nước đô thị đảm bảo nhu cầu cấp, thoát nước.

Sở Giao thông vận tải lập kế hoạch nâng cấp hệ thống quốc lộ, tỉnh lộ. Kế hoạch xây dựng mới hệ thống cầu, cống đảm bảo kết nối giao thông và tiêu thoát lũ. Đề xuất nâng cấp, mở rộng bến xe, ga tàu đảm bảo nhu cầu phát triển giao thông kết hợp phòng chống thiên tai.

Sở Thông tin và Truyền thông lập kế hoạch nâng cấp hệ thống, trang thiết bị bưu chính, viễn thông đảm bảo thông tin liên lạc. Trang bị, bảo dưỡng mạng thông tin chuyên dùng để phục vụ thông tin chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai. Có kế hoạch phối hợp sử dụng hệ thống thông tin nội bộ của lực lượng vũ trang trong tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng kế hoạch quản lý môi trường: đất đai, nước mặt, nước ngầm. Có kế hoạch đào tạo, tập huấn về quản lý đất đai, nguồn nước cho cán bộ các huyện, thị xã, thành phố. Có kế hoạch phát triển hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn; sử dụng đất cho công trình phòng chống thiên tai. Thực hiện quản lý về khoảng cách an toàn, phòng chống sạt lở, bảo vệ môi trường trong khai thác cát, đất, đá làm vật liệu xây dựng.

Sở Giáo dục và Đào tạo có kế hoạch nâng cấp, kiên cố hóa trường học. Ưu tiên nâng cấp trường học mầm non, tiểu học và phổ thông đối với vùng trũng, vùng sâu, vùng xa. Tăng cường tập huấn, rèn luyện chống đuối nước cho học sinh các cấp.

Sở Công thương có kế hoạch nâng cấp hệ thống điện, thiết bị bảo đảm cung cấp điện an toàn. Đối với nhà máy thủy điện, lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp hạng mục công trình đầu mối, bảo trì các thiết bị bảo đảm vận hành an toàn công trình. Có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp nhà xưởng, kho tàng đảm bảo an toàn cho người và hàng hóa. Sử dụng các dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn để giảm chi phí kinh doanh, giảm thiệt hại do thiên tai.

Sở Y tế có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp bệnh viện, trung tâm kiểm soát bệnh tật, trung tâm y tế, trạm y tế bảo đảm khám và điều trị bệnh. Ưu tiên nâng cấp trung tâm y tế tuyến huyện, trạm y tế xã miền núi để chăm sóc sức khỏe cho

nhân dân. Có kế hoạch dự trữ vật tư thiết bị y tế, thuốc phòng bệnh, xử lý môi trường ô nhiễm trong phòng chống thiên tai.

Đài khí tượng thủy văn Yên Bái có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, mở rộng mạng lưới khí tượng thủy văn; sử dụng thiết bị, công nghệ mới đáp ứng yêu cầu dự báo, cảnh báo chính xác diễn biến thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

Ủy ban nhân dân các cấp lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai trên địa bàn: đê, kè, thủy lợi, giao thông, trạm y tế, trường học kết hợp nơi trú tránh thiên tai lũ quét, sạt lở đất, mưa đá, lốc xoáy... Ưu tiên đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng các xã miền núi, ven sông, ven suối thường xuyên bị thiên tai. Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án trọng tâm trên địa bàn.

Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp cơ sở huấn luyện, kho tàng, mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ an ninh quốc phòng kết hợp phòng tránh thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Có kế hoạch đào tạo, tập huấn, diễn tập cho cán bộ, chiến sĩ nhằm tăng cường khả năng tự vệ và ứng cứu trong thiên tai.

Các sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các cấp lập kế hoạch trung hạn tái thiết sau thiên tai (giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025) gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT - TKCN tỉnh để rà soát, điều chỉnh Kế hoạch Phòng chống thiên tai tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 cho phù hợp với thực tiễn.

CHƯƠNG VII

LỒNG GHÉP NỘI DUNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác phòng chống thiên tai và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

I. Quy trình thực hiện lồng ghép

1. Rà soát, đánh giá việc thực hiện nội dung phòng, chống thiên tai trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch của giai đoạn trước.

+ Rà soát, nghiên cứu các văn bản pháp lý, chương trình kế hoạch có liên quan đến phòng, chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu; các nghiên cứu, báo cáo, dự báo về xu thế thiên tai và biến đổi khí hậu có thể tác động đến sự phát triển ngành, kinh tế-xã hội.

+ Đánh giá tình hình thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra đối với kinh tế, xã hội và môi trường trong kỳ kế hoạch, quy hoạch.

2. Phân tích tình trạng và khả năng chống chịu thiên tai của các đối tượng dễ bị tổn thương trong tương lai về kinh tế, xã hội và môi trường:

+ Sự khác nhau về tình trạng dễ bị tổn thương theo giới tính; theo mức thu nhập; theo độ tuổi; theo trình độ, nhận thức và mật độ dân số.

+ Các nhóm dễ bị tổn thương (người nghèo, trẻ em, người già cô đơn, nữ chủ hộ, người khuyết tật, dân tộc thiểu số).

+ Các nhóm cư trú tại khu vực dễ bị tổn thương do thiên tai (vùng cao, vùng thấp, trũng, sạt lở đất dọc theo các bờ sông, suối hoặc nhóm nghề nghiệp dễ bị tổn thương do thiên tai (đánh bắt, nuôi trồng thủy; nghề vận tải đường thủy, các địa điểm du lịch, các hộ không có nghề nghiệp ổn định).

3. Xác định các nguyên nhân, bao gồm cả nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan dẫn đến thiệt hại của từng lĩnh vực (kinh tế, xã hội và môi trường).

4. Xác định các giải pháp phòng, chống thiên tai theo thứ tự ưu tiên phù hợp với các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra.

5. Giám sát, đánh giá việc thực hiện lồng ghép

+ Nội dung đánh giá kết quả lồng ghép (mức độ, nguồn lực, hiệu quả,...)

+ Thời gian thực hiện đánh giá kết quả lồng ghép (đối với quy hoạch, kế hoạch).

II. Những nội dung được lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

1. Ngành nông nghiệp

1.1. Nông nghiệp:

Thường xuyên theo dõi diễn biến của thời tiết, xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp cho mùa mưa bão.

Tập trung chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với điều kiện thời tiết và biến đổi khí hậu.

Xây dựng phương án chống hạn đối với các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi.

Đẩy nhanh việc xây dựng các công trình do địa phương làm chủ đầu tư, nhất là giao thông, thủy lợi, hệ thống tiêu thoát nước, đảm bảo hạn chế những tác động bất lợi do thiên tai gây ra.

Xây dựng Kế hoạch phát triển chăn nuôi của tỉnh đến năm 2025.

Phát triển năng lực nhân giống, bảo vệ và duy trì các giống gia súc, gia cầm có khả năng chống chịu với dịch bệnh và thời tiết khắc nghiệt.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát phòng, chống dịch bệnh trong chăn nuôi; tăng cường dự báo và giám sát dịch bệnh.

Phát triển chăn nuôi ưu tiên với các giống vật nuôi có tính thích ứng cao với môi trường sống rộng. Gắn chăn nuôi với phát triển công nghiệp chế biến thức ăn gia súc, đồng thời xử lý phân thải súc vật (dạng khí sinh học).

Nghiên cứu, phát triển và áp dụng công nghệ sinh học vào trong chăn nuôi.

Đánh giá hiện trạng và xác định khả năng ứng phó với thiên tai của các hệ thống công trình thủy lợi.

Lập Kế hoạch nâng cấp các tuyến đê sông để bảo vệ sản xuất vùng nội địa.

Nâng cao năng lực và trình độ khoa học công nghệ về quy hoạch, thiết kế, xây dựng công trình thủy lợi. Áp dụng các công nghệ mới vào lĩnh vực thủy lợi.

Xây dựng Kế hoạch quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; ứng dụng khoa học công nghệ vào lĩnh vực thủy lợi nhằm sử dụng, điều tiết các nguồn nước có hiệu quả phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh.

1.2. Lâm nghiệp:

Tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng trong công tác bảo vệ rừng.

Thường xuyên theo dõi diễn biến của thời tiết, xây dựng phương án phòng cháy rừng chủ động (nhân lực, vật lực, phương tiện,...).

Xây dựng Kế hoạch trồng rừng, trồng cây phân tán; đa dạng hóa cây rừng, bảo vệ và chăm sóc rừng trồng.

Xây dựng triển khai kế hoạch quản lý chống phá rừng, sâu bệnh hại rừng.

Rà soát, đề xuất, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng.

Nghiên cứu các giải pháp lâm sinh, quản lý rừng, chống cháy rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.

1.3. Thủy sản:

a) Nuôi trồng thủy sản

Tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân tự bảo vệ mình và cùng cộng đồng phòng tránh, khắc phục thiên tai.

Nghiên cứu sản xuất các giống thủy sản chịu được điều kiện khí hậu khắc nghiệt, khả năng kháng bệnh cao; tổ chức lại sản xuất theo hướng hình thành vùng nuôi quy mô lớn có sự tham gia quản lý của cộng đồng và sản xuất theo chuỗi giá trị (xây dựng một số mô hình thí điểm theo yêu cầu của thị trường).

Tăng cường công tác cảnh báo, xử lý ô nhiễm, chất thải trong nuôi trồng thủy sản.

Nâng cao năng lực quan trắc, cảnh báo môi trường, dịch bệnh phục vụ nuôi trồng thủy sản an toàn.

Xây dựng kế hoạch phòng, trị bệnh cho thủy sản nuôi trong mùa mưa lũ, do những biến đổi bất thường về nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa.

Tăng cường công tác quản lý ao, đầm, bảo vệ tài sản, có kế hoạch sản xuất để tiến hành thu hoạch trước, tránh thất thoát sản phẩm khi mưa, lũ xảy ra.

b) Khai thác thủy sản

Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng người dân về thiên tai và biến đổi khí hậu (BĐKH).

Tăng cường các biện pháp quản lý hành chính đối với các hoạt động khai thác thủy sản gây tác động xấu đến môi trường; bảo vệ nguồn lợi và môi trường thủy sản.

2. Ngành công nghiệp

Xây dựng các phương án đảm bảo an toàn về cơ sở hạ tầng công nghiệp chịu được tác động của mưa, bão, thiên tai, đồng thời đảm bảo chất lượng sản phẩm ngành công nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp tập trung có tính đến tác động của mưa lũ, thực hiện tốt việc xử lý môi trường.

Xây dựng phương án cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp vì trong điều kiện thời tiết diễn biến ngày càng phức tạp như hiện nay có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất gây thiếu hụt nguồn cung tác động tiêu cực đến các hoạt động sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp.

Xây dựng phương án vận hành hiệu quả đối với hệ thống truyền tải và phân phối điện, các phương án dự phòng khi có tình huống xấu xảy ra.

Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn nhằm thu hút, sắp xếp các dự án công nghiệp, tạo điều kiện phát triển nhanh công nghiệp.

Đẩy mạnh xuất khẩu đi đôi với việc khai thác đúng mức thị trường trong nước để tiêu thụ hàng hóa của tỉnh, bố trí vốn đầu tư xây dựng hệ thống giao thông các vùng sản xuất nguyên liệu, cơ sở hạ tầng kinh tế kỹ thuật các khu công nghiệp, cụm công nghiệp để thu hút đầu tư.

Áp dụng các biện pháp cải tiến kỹ thuật, công nghệ và quản lý để hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

Tăng cường công tác khuyến công, xây dựng chương trình phát triển công nghiệp phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu ngành nghề.

Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực, kết hợp với các nhà đầu tư, các doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động.

3. Các ngành dịch vụ

Xây dựng phương án đảm bảo cơ sở hạ tầng du lịch; phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và an ninh quốc phòng.

Đổi mới cơ chế cung ứng dịch vụ phù hợp với tất cả các ngành nghề sản xuất, nhất là dịch vụ hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin.

Đầu tư phát triển các ngành dịch vụ mà tỉnh có tiềm năng, lợi thế.

Phát triển các sản phẩm dịch vụ bảo hiểm mới, nhất là các sản phẩm bảo hiểm sản xuất thủy sản, nông nghiệp, vận tải,... Nâng cao năng lực các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng để huy động vốn, điều phối vốn và mở rộng các hình thức, đối tượng cho vay. Tạo điều kiện thuận lợi cho các ngân hàng thương mại, công ty bảo hiểm mở chi nhánh hoạt động.

Phát triển dịch vụ phải kết hợp chặt chẽ với bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, giữ vững an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội.

Phát triển đồng bộ các dịch vụ vận tải đường bộ, đường thủy đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa, hành khách với chất lượng cao và an toàn.

Xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông vững chắc; phát triển mạng lưới bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin rộng khắp theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của các loại dịch vụ.

Thực hiện tốt quy chế quản lý đầu tư và quy trình kỹ thuật trong xây dựng công trình, đảm bảo chất lượng công trình.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật kết hợp với các nội dung phòng chống thiên tai; phát triển các loại hình dịch vụ pháp lý như: luật sư, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho người dân.

4. Khoa học và công nghệ

Nghiên cứu khoa học, giải pháp công nghệ trong tất cả các lĩnh vực, đặc biệt chú trọng đến giải pháp công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của các hiện tượng thiên tai.

Nghiên cứu cơ sở khoa học để nhận dạng các tác động của biến đổi khí hậu và sự thay đổi của các hiện tượng khí hậu thông thường phục vụ công tác đánh giá thực trạng thiên tai tại Yên Bái.

Nghiên cứu đề xuất các giải pháp chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp với từng ngành, lĩnh vực và từng khu vực địa lý, nhất là các địa phương vùng cao, vùng dễ bị tổn thương.

Nghiên cứu đề xuất giải pháp chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng các bon thấp, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững phù hợp với thực tiễn của Việt Nam; thí điểm phát triển mô hình kinh tế

xanh, công nghiệp xanh, đô thị xanh, nông thôn xanh, nông nghiệp thông minh, đô thị thông minh với biến đổi khí hậu; đề xuất giải pháp tận dụng cơ hội, chuyển hóa các thách thức từ biến đổi khí hậu để phát triển kinh tế - xã hội.

Nghiên cứu xây dựng mô hình và ứng dụng công nghệ hiện đại trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đánh giá, giám sát quản lý và sử dụng đất, đất ngập nước phục vụ công tác quản lý, sử dụng đất bền vững.

Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đảm bảo an ninh nguồn nước nội địa.

Nghiên cứu cơ chế quản lý về bảo vệ môi trường theo từng loại hình và khu vực; đề xuất cơ chế chính sách bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong mối tương quan với biến đổi khí hậu.

Nghiên cứu cơ sở khoa học và mối liên hệ tác động giữa biến đổi khí hậu, tài nguyên và môi trường theo đặc trưng vùng; xác lập quan hệ và lượng giá biến đổi khí hậu - tài nguyên - môi trường và đề xuất các giải pháp phát triển bền vững, quản lý tổng hợp một số vùng trọng điểm (lưu vực sông chính); xác lập cơ sở khoa học và thực tiễn hạch toán tài nguyên và môi trường trong hệ thống hạch toán mới quốc gia phục vụ công tác hoạch định chính sách, điều hành và quản lý.

Nghiên cứu và phân vùng chức năng dựa trên đặc tính sinh thái, tiềm năng tài nguyên và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu làm căn cứ để lập quy hoạch phát triển và phân phối sử dụng hợp lý, bền vững tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Nghiên cứu, chuyển giao và áp dụng công nghệ mới, thiết bị, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho công tác chủ động ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và môi trường.

5. Giáo dục và đào tạo

Các đơn vị, trường học xây dựng phương án bảo vệ các khối công trình, đặc biệt là các trường, điểm trường nằm trong vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai cao (vì trường học được sử dụng làm nơi sơ tán, trú ẩn cho cán bộ, giáo viên, học sinh và cộng đồng khi có thiên tai xảy ra, nơi tập trung nhiều đối tượng dễ bị tổn thương).

Dạy học lồng ghép/tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai vào các môn học và các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Đưa nội dung phòng chống thiên tai vào kế hoạch, quy hoạch quan trọng của ngành, xây dựng kế hoạch phối hợp liên ngành trong công tác phòng, chống thiên tai.

Tổ chức bồi dưỡng phương pháp, kỹ năng tuyên truyền về phòng chống, giảm nhẹ thiên tai cho cán bộ quản lý, giáo viên thuộc các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Tuyên truyền, hướng dẫn cho học sinh trong việc phòng chống thiên tai, phòng chống dịch bệnh trong mùa mưa bão và huấn luyện kỹ năng ứng phó thiên tai phù hợp thông qua các buổi tập thể dục, hội thao, học ngoại khóa,...

9. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH

Quản lý khai thác sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên có tính đến ảnh hưởng của thiên tai, BĐKH, đảm bảo sự phát triển bền vững.

Cập nhật kịch bản BĐKH của tỉnh; tiếp tục đánh giá tác động của BĐKH đến phát triển kinh tế-xã hội và triển khai kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về BĐKH trên địa bàn tỉnh;

Nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế tác động của sự cố môi trường, ứng cứu kịp thời các sự cố môi trường;

10. Phát triển kết cấu hạ tầng

Chú trọng đầu tư hạ tầng đối với những lĩnh vực thiết yếu như: giao thông, thủy lợi, hệ thống cấp thoát nước, hạ tầng khu công nghiệp, hạ tầng đô thị, các thiết chế văn hoá, giáo dục, y tế,... trong đó lấy xây dựng hạ tầng giao thông làm khâu đột phá để phát triển kinh tế xã hội và phát triển đô thị.

Quy hoạch các tuyến giao thông phải đảm bảo ổn định lâu dài, có điều kiện phát triển mở rộng. Ưu tiên đầu tư xây dựng các tuyến đường đầu nối đến trung tâm xã, cụm dân cư, các chợ nông thôn.

Phát triển hoàn thiện hệ thống lưới điện nông thôn.

Phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa thông tin, cấp thoát, hệ thống xử lý rác thải,...).

11. Quốc phòng - an ninh

Tổ chức huấn luyện, thực hành sử dụng các phương tiện, trang thiết bị cho công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Phối hợp tốt việc tổ chức diễn tập, luyện tập các phương án đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn không để kẻ địch, tội phạm và các phần tử xấu lợi dụng thiên tai để hoạt động phá hoại, chiếm đoạt tài sản của Nhà nước và nhân dân; điều tra, xử lý nghiêm các vụ, việc có dấu hiệu lợi dụng thiên tai để hoạt động phá hoại, vụ lợi, xâm hại an sinh xã hội.

CHƯƠNG VIII XÁC ĐỊNH NGUỒN LỰC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

I. Nguồn lực thực hiện

- a) Ngân sách Trung ương đầu tư công tác phòng chống thiên tai;
- b) Ngân sách tỉnh;
- c) Nguồn tài trợ từ các dự án phòng, chống giảm nhẹ thiên tai của nước ngoài.
- d) Nguồn kinh phí của các sở, ngành, đơn vị, địa phương mua sắm vật tư, vật liệu, phương tiện, trang thiết bị theo phương châm “4 tại chỗ”.
- e) Nguồn kinh phí từ Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh. Quỹ tiến hành công tác thu, nộp từ năm 2018. Đến nay thu được 17,211 tỷ đồng (*năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý cho sử dụng kinh phí Quỹ phòng chống thiên tai để nâng cấp sửa chữa 07 công trình phòng chống thiên tai với tổng kinh phí 7.700 triệu đồng*). Dự kiến kế hoạch thu mỗi năm được 7 tỷ đồng, kế hoạch chi mỗi năm 5 tỷ đồng.

g) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Các nhiệm vụ, chương trình, dự án được lựa chọn cho kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 dựa vào nguồn vốn đầu tư chủ yếu:

Ngân sách Trung ương, vốn vay ODA: Đầu tư các dự án tiêu thoát lũ, đê điều, đập dâng, xây dựng, nâng cấp hồ chứa, di dời và tái định cư, các dự án giao thông, giáo dục, y tế có quy mô và kinh phí đầu tư lớn.

Ngân sách địa phương: Tập trung đầu tư nâng cấp hệ thống đê kết hợp giao thông nông thôn, công trình phòng chống sạt lở, dự án di dời dân, mua sắm vật tư, phương tiện, trang thiết bị, hệ thống thông tin liên lạc phục vụ phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

Ngân sách dự phòng của địa phương: Xử lý các yêu cầu ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, phục vụ cho phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trong trường hợp cần thiết, cấp bách.

Quỹ Phòng, chống thiên tai tập trung cho hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu: Phổ biến tuyên truyền kiến thức pháp luật, lập kế hoạch phòng, chống thiên tai; tập huấn, diễn tập phòng, chống thiên tai; duy trì hoạt động lực lượng quản lý quản lý đề nhân dân, lực lượng xung kích PCTT cấp xã. Hỗ trợ một phần hoạt động ứng phó: Sơ tán dân, chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho dân sơ tán; tuần tra, kiểm tra phát hiện vùng xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình. Hỗ trợ một phần khắc phục hậu quả: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho người dân bị thiệt hại; hỗ trợ tu sửa trường học, nhà sơ tán phòng tránh thiên tai, xử lý vệ sinh môi trường; tu sửa khẩn cấp đê, kè, cống và công trình phòng chống thiên tai.

Nguồn kinh phí các tổ chức, cá nhân đóng góp do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt nam tỉnh huy động: Hỗ trợ gia đình có người chết, bị thương để mai táng, điều trị; nhà sập, nhà bị hư hỏng nặng để xây cất lại; cứu trợ lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu, hỗ trợ sinh kế nhằm sớm ổn định cuộc sống người dân.

Vốn đầu tư từ khối tư nhân và khuyến khích người dân đầu tư nâng cấp nhà ở đảm bảo an toàn với thiên tai: Theo cơ chế chính sách trong hỗ trợ đầu tư, vay vốn của chương trình, dự án.

II. Tiến độ thực hiện

Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên như sau:

STT	Nhiệm vụ, chương trình, dự án ưu tiên	Vốn (triệu đồng)
I	Nguồn vốn Quỹ Phòng, chống thiên tai	24.790
1	Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	300
2	Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp huyện giai đoạn 2021 - 2025, kinh phí 250 triệu đồng/huyện	2.250
3	Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp xã giai đoạn 2021 - 2025	5.190
4	Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai cấp tỉnh	50
5	Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai cấp huyện, kinh phí 30 triệu đồng/huyện	270
6	Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai cấp xã, kinh phí 10 triệu đồng/xã	1.730
7	Nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác phòng, chống thiên tai cấp huyện, cấp xã, 10 lớp đào tạo/năm, kinh phí 500 triệu đồng	2.500
8	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng chống thiên tai	1.000
9	Các khu vực thường xuyên bị ngập sâu ngầm tràn đường giao thông, vùng trũng thấp ven sông, suối được lắp đặt thiết bị cảnh báo, bảng cảnh báo, 100 triệu đồng/năm;	500
10	Tổ chức diễn tập phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh, cấp huyện 2 năm/1 lần. Kinh phí diễn tập cấp tỉnh 1.000 triệu đồng.	2.000
11	Diễn tập phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã 1 năm/10 lần, kinh phí 180 triệu đồng/lần x 10 lần = 1.800 triệu đồng.	9.000
II	Nguồn ngân sách Trung ương và địa phương	7.287.279
1	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn 96 hồ chứa	734.400
2	Sửa chữa nâng cấp các công trình nước sạch nông thôn là 49 công trình	69.400
3	Đầu tư, xây dựng tổng số 14 dự án đê, kè kết hợp phòng chống thiên tai	1.826.068
4	Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai các huyện Mù Cang Chải, Trạm Tấu, Văn Chấn, Văn Yên, Trấn Yên, Lục Yên, Yên Bình, thị xã Nghĩa Lộ	304.858
5	Kiên cố hóa trường học, thực hiện 05 chương trình, dự án đầu tư	988.378
6	Nâng cấp bệnh viện, trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã	345.875
7	Phát triển hạ tầng giao thông của tỉnh trọng tâm tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp các tuyến đường tỉnh	3.016.000
8	Lắp đặt, xây dựng hệ thống quan trắc chuyên dùng phục vụ phòng chống thiên tai: tự động quan trắc mưa, mực nước tại các hồ chứa nước giai đoạn 2021-2025 tại 41 hồ chứa	2.300

CHƯƠNG IX

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

I. Xây dựng kế hoạch tài chính

Các sở, ban, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng dự toán kinh phí cho các hoạt động phi công trình, công trình theo nhiệm vụ, chương trình, dự án được giao tại Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp thẩm phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Dự toán kinh phí vật tư, vật liệu, nguyên liệu, mua sắm trang thiết bị và các khoản chi tiêu theo phương án PCTT - TKCN hàng năm của cơ quan, đơn vị trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án được phê duyệt.

Sở Tài chính cân đối nguồn vốn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phân bổ kế hoạch vốn hàng năm thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án trên.

II. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực phòng chống thiên tai, chủ trì phối hợp với các sở, ngành thực hiện kế hoạch.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Tham mưu UBND tỉnh, làm đầu mối liên hệ với các tổ chức trong và ngoài nước để huy động nguồn lực thực hiện kế hoạch.

- Tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hàng năm.

Quá trình thực hiện cần đảm bảo các nhiệm vụ, chương trình, dự án trong Kế hoạch PCTT giai đoạn 2021 - 2025 được lồng ghép trong quy hoạch, kế hoạch của các sở, ban, ngành, đơn vị; lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để ưu tiên thực hiện.

Các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương đóng vai trò là chủ trì hoặc phối hợp thực hiện như đã xác định trong Phụ lục.

III. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch

1. Báo cáo đột xuất

Các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân cấp huyện khi triển khai các hoạt động phi công trình, công trình theo kế hoạch gặp khó khăn về nhân lực, tài chính hoặc gặp sự cố ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản phải báo cáo đột xuất về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT - TKCN tỉnh để kịp thời xử lý. Trong báo cáo đột xuất nêu tóm tắt sự việc, những khó khăn trở ngại cần giải quyết.

2. Báo cáo định kỳ

Ba tháng một lần các sở, ban, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện báo cáo định kỳ các hoạt động phi công trình, công trình theo

kế hoạch về Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT - TKCN tỉnh. Trong báo cáo định kỳ nêu rõ kết quả đạt được, những khó khăn và tồn tại cần giải quyết.

Cuối năm các sở, ban, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch PCTT về Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT - TKCN tỉnh. Trong báo cáo cuối năm nêu rõ tình hình thiên tai ở địa phương, ảnh hưởng thiên tai đến lĩnh vực quản lý của các sở, ban, ngành; công tác triển khai các hoạt động PCTT theo kế hoạch; những thuận lợi, khó khăn, bài học kinh nghiệm và những kiến nghị cần quan tâm, giải quyết.

Trên cơ sở báo cáo của các sở, ban, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chi cục Thủy lợi tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện Kế hoạch hàng năm cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

IV. Rà soát, đánh giá, cập nhật kế hoạch

Để triển khai thực hiện Kế hoạch có hiệu quả, việc theo dõi, giám sát và đánh giá trong quá trình thực hiện là rất cần thiết. Ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở, ban ngành, đơn vị phân công cán bộ chuyên trách giám sát, đánh giá và báo cáo việc thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án trong kế hoạch được giao định kỳ 3 tháng/lần và cuối năm. Báo cáo gửi về Chi cục Thủy lợi để tổng hợp.

Trên cơ sở báo cáo đánh giá của Ủy ban nhân dân cấp huyện; các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan, Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát nội dung, tiến độ thực hiện kế hoạch PCTT giai đoạn 2021 - 2025, tiến hành điều chỉnh, cập nhật kế hoạch hàng năm phù hợp với tình hình thực tiễn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức đánh giá định kỳ hàng năm việc thực hiện Kế hoạch PCTT cấp tỉnh. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện, bài học kinh nghiệm và kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh nội dung, giải pháp thực hiện. Trong điều kiện thiên tai xảy ra đặc biệt lớn, thiệt hại nặng nề, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức đánh giá thiệt hại, nhu cầu tái thiết sau thiên tai và rà soát, cập nhật kế hoạch PCTT giai đoạn 2021 - 2025, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

V. Tổ chức thực hiện

Căn cứ Kế hoạch Phòng chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh, các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã khẩn trương tiến hành rà soát, bổ sung phương án Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của cơ quan, địa phương mình; lồng ghép các nhiệm vụ, chương trình, dự án được giao vào kế hoạch phát triển của sở, ngành, đơn vị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương để tổ chức thực hiện đạt hiệu quả.

Các cơ quan, doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn cần chủ động xây dựng kế hoạch PCTT - TKCN theo chu kỳ 5 năm theo lĩnh vực quản lý, phù hợp với đặc điểm, tình hình thiên tai của tỉnh; phối hợp tích cực với các sở, ban, ngành của tỉnh trong công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ là cơ quan thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh, điều phối các hoạt động PCTT-TKCN trên địa bàn toàn tỉnh.

- Chỉ đạo cho Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tham mưu cho Ban Chỉ huy PCTT-TKCN thực hiện và triển khai các Văn bản chỉ đạo về công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, đồng thời hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Văn phòng.

- Tiếp tục triển khai thực hiện, đồng thời kiểm tra các dự án, công trình gắn với mục tiêu phòng, chống giảm nhẹ thiên tai. Có biện pháp bảo vệ và khắc phục nhanh, hệ thống đê, kè và các công trình thủy lợi bị hư hỏng do thiên tai. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt.

- Thường xuyên kiểm tra và tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, nhằm phát huy tác dụng phòng, chống, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Theo dõi sát diễn biến thời tiết, điều chỉnh lịch thời vụ trồng lúa từng vùng, tiểu vùng. Xây dựng, triển khai kế hoạch kiên toàn phương án bảo vệ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại khi có thiên tai xảy ra.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền về phòng chống, giảm nhẹ thiên tai trong lực lượng vũ trang và nhân dân; góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các tình huống thiên tai xảy ra.

- Chủ trì, phối hợp với các lực lượng chức năng có liên quan và các địa phương xảy ra thiên tai tổ chức chỉ huy, điều hành hoạt động tìm kiếm cứu nạn.

- Chuẩn bị tốt về lực lượng, phương tiện, trang bị PCTT-TKCN, sẵn sàng cơ động ứng cứu khi cần thiết. Khi có tình huống thiên tai, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền phối hợp với các ngành, các lực lượng có liên quan xây dựng phương án và triển khai lực lượng, phương tiện sơ tán, di dời người, tài sản ra khỏi khu vực xảy ra thiên tai, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Hằng năm, phối hợp với các địa phương có liên quan tổ chức diễn tập ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện; chỉ đạo diễn tập ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã theo kế hoạch, bảo đảm thiết thực, chất lượng, hiệu quả.

- Chỉ đạo các đơn vị tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức khắc phục hậu quả, giúp đỡ nhân dân ổn định cuộc sống sau thiên tai.

3. Công an tỉnh

- Chủ động xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong lực lượng Công an; xây dựng phương án và đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn khi có thiên tai xảy ra; không để các thế lực

thù địch, tội phạm và các đối tượng lợi dụng thiên tai tiến hành các hoạt động gây mất ổn định về chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Tổ chức lực lượng, phối hợp với các lực lượng quân đội và địa phương thực hiện việc sơ tán, di dời khẩn cấp các hộ dân ra khỏi khu vực nguy hiểm; tham gia cứu hộ, cứu nạn và khắc phục hậu quả, sẵn sàng cơ động lực lượng ứng cứu khi cần thiết.

- Phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành có liên quan bảo vệ an ninh trật tự trên từng địa bàn, đặc biệt là các khu vực vùng cao, các cụm dân cư tập trung, các khu vực sơ tán dân; tăng cường lực lượng hướng dẫn, giải quyết, xử lý ách tắc giao thông trên các trục giao thông chính trong thời gian xảy ra thiên tai.

4. Đài Khí tượng Thủy văn Yên Bái

- Phụ trách công tác dự báo khí tượng thủy văn. Tổ chức theo dõi thường xuyên diễn biến thời tiết trong tỉnh, quan hệ chặt chẽ với cơ quan Khí tượng Thủy văn Trung ương để kịp thời phát các bản tin Cảnh báo thời tiết và các loại thiên tai nguy hiểm như áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, lũ quét, sạt lở đất,... phục vụ cho công tác chỉ đạo, chỉ huy của các cơ quan chức năng và nhân dân chủ động kịp thời trong phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai, thiệt hại.

- Thực hiện chức năng và nhiệm vụ của ngành trong công tác khai thác, thu thập tài liệu khí tượng thủy văn, từ đó dự báo về tình hình khí tượng thủy văn hàng ngày, hàng tuần theo chế độ định kỳ và bất thường khi có thiên tai.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo các đơn vị, trường học kiểm tra, sửa chữa cơ sở vật chất trước mùa mưa bão để đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên và học sinh. Thường xuyên theo dõi thông tin, thống báo về lốc, sét, lũ quét, sạt lở đất, áp thấp nhiệt đới có thể ảnh hưởng tới địa bàn để có kế hoạch thông báo cho cán bộ, giáo viên và học sinh biết, từ đó có ý thức tự phòng tránh.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở các kiến thức, biện pháp phòng tránh, ứng phó thiên tai;

- Bố trí thời gian, chương trình, đưa nội dung tuyên truyền kiến thức, kỹ năng phòng chống thiên tai vào các giờ học ngoại khóa cho học sinh, sinh viên.

- Chỉ đạo rà soát, bổ sung quy hoạch xây dựng mới, nâng cấp, kiên cố hóa trường, lớp đối với các trường nằm trong vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai cao. Phối hợp với chính quyền địa phương khảo sát, bố trí các cơ sở trường học có đủ điều kiện, tiêu chuẩn để làm điểm sơ tán, di dời dân đến khi cần thiết.

6. Sở Y tế

- Có kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện cần thiết (thuốc chữa bệnh, vật tư y tế...) và tổ chức các đội cấp cứu lưu động, chủ động triển khai cứu chữa cho nhân dân bị nạn do thiên tai gây ra.

- Phụ trách chỉ đạo hệ thống Y tế trong công tác cấp cứu thương vong, Y tế dự phòng, phòng trừ dịch bệnh trong các vùng bị thiên tai; kiểm tra việc dự

trữ vật tư, cơ sở thuốc phục vụ Y tế của các huyện, thị xã, thành phố để đảm bảo công tác cứu thương, điều trị, phòng dịch trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra.

7. Sở Tài chính

Hàng năm phụ trách việc cân đối bố trí vốn cho các chương trình, dự án phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Bố trí dự phòng ngân sách để hỗ trợ các ngành, địa phương nhanh chóng khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

8. Sở Giao thông vận tải

- Xây dựng kế hoạch bảo đảm an toàn giao thông trong mọi tình huống khi có thiên tai xảy ra. Kịp thời xử lý, khắc phục các chướng ngại vật cản trở giao thông do thiên tai gây ra.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, dự phòng huy động phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy, phù hợp với địa bàn tỉnh khi xảy ra thiên tai, để kịp thời đáp ứng yêu cầu di chuyển, sơ tán dân cư đến nơi an toàn.

- Bố trí lực lượng, phương tiện, sẵn sàng tham gia công tác tìm kiếm cứu nạn, di dân... theo phương án chung của tỉnh.

9. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương kiểm tra chất lượng các công trình, các công trường đang thi công; kiểm tra, rà soát tiến độ thực hiện của các dự án; chỉ đạo các chủ đầu tư, đơn vị đẩy nhanh tiến độ thi công và có phương án ứng phó kịp thời với tình huống bất lợi khi thiên tai xảy ra, đảm bảo an toàn cho công trình xây dựng; phổ biến hướng dẫn nhân dân thực hiện các biện pháp chống, chống nhà cửa để hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Phối hợp với các ngành chức năng và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để quy hoạch, di dời những khu vực đông dân cư vùng nguy cơ lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn.

10. Sở Công thương

- Chủ trì chỉ đạo Công ty Điện lực Yên Bái kiểm tra hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp, hành lang an toàn lưới điện theo đúng quy định. Xây dựng kế hoạch trang bị, dự phòng bảo đảm nguồn điện cho các cơ quan chủ chốt của tỉnh khi xảy ra tình huống lưới điện tạm ngưng hoặc ngưng hoạt động do bị sự cố, ảnh hưởng của thiên tai.

- Xây dựng kế hoạch dự trữ hàng hóa, nhu yếu phẩm cần thiết, nhất là lương thực để sẵn sàng cung cấp cho vùng bị thiên tai khi có yêu cầu.

- Phối hợp với các ngành chức năng và địa phương thực hiện công tác cứu trợ, khắc phục hậu quả khi thiên tai xảy ra.

- Chỉ đạo, kiểm tra các chủ hồ chứa thủy điện, các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn hồ đập, phương án bảo đảm an toàn hầm lò, khai trường, các bãi thải khai thác khoáng sản; công tác vận hành, điều tiết các hồ chứa thủy điện bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du trong mùa mưa lũ.

11. Sở Thông tin và Truyền thông

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền Luật Phòng, chống thiên tai và các quy định của nhà nước về công tác PCTT-TKCN, nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng chống thiên tai;

- Chỉ đạo đơn đốc và kiểm tra các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn triển khai các phương án PCTT-TKCN phù hợp với điều kiện, đặc điểm của địa phương nhằm đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, PCTT-TKCN; chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn điều động sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc, đặc biệt là các thiết bị thuộc mạng thông tin chuyên dùng phòng chống thiên tai, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan các cấp trong tình trạng khẩn cấp về thiên tai;

- Nghiên cứu, đề xuất việc tuyên truyền, gửi thông tin cảnh báo thiên tai khẩn cấp tới người dân thông qua mạng xã hội, đây là những kênh truyền thông hiệu quả, khi người dân có thể không ở nhà, không xem tivi nhưng truy cập qua mạng Internet.

12. Đài Phát thanh - Truyền hình Yên Bái

- Thực hiện chế độ phát tin cảnh báo, thông báo, truyền tin khi xảy ra thiên tai theo quy định; Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh, Đài KTTV Yên Bái trong việc đưa thông tin chính xác, kịp thời về tình hình diễn biến của thiên tai và các Văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh đến các ngành, địa phương và nhân dân để triển khai các biện pháp phòng, chống kịp thời, có hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch phối hợp với thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh để thực hiện các chương trình chuyên đề về phòng, chống, ứng phó, giảm nhẹ thiên tai, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các kiến thức, kinh nghiệm phòng chống, đối phó với thiên tai trong cộng đồng để ứng phó kịp thời, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

13. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Sở Tài chính và các ngành chức năng cân đối, bố trí danh mục đầu tư các dự án, công trình liên quan đến PCTT-TKCN trong kế hoạch đầu tư xây dựng hàng năm, lâu dài của tỉnh.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên, cân đối, bố trí vốn để khắc phục các công trình thủy lợi, đê điều, công trình liên quan đến phòng chống thiên tai và các công trình phúc lợi xã hội khác bị hư hỏng, thiệt hại do thiên tai gây ra.

14. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Tham gia phối hợp với Sở Tài chính trong việc tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách và các nguồn lực hợp pháp khác để hỗ trợ cho các địa phương thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với các cá nhân, hộ gia đình bị thiệt hại bởi thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các ngành, các cấp có liên quan tổ chức thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội kịp

thời cho các cá nhân, hộ gia đình bị thiệt hại bởi thiên tai theo đúng quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bị thiệt hại bởi thiên tai; tham gia vận động, phối hợp tiếp nhận, phân phối các nguồn lực ủng hộ theo chỉ đạo của tỉnh hoặc đề nghị của các tổ chức, đơn vị, cá nhân hảo tâm tham gia ủng hộ.

- Bố trí thời gian, chương trình, đưa nội dung tuyên truyền kiến thức, kỹ năng phòng chống thiên tai vào các giờ học ngoại khóa cho học viên các Trung tâm, cơ sở hướng nghiệp, dạy nghề.

15. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì thẩm định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các quỹ đất do Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã đề xuất để bố trí xây dựng các khu tái định cư cho nhân dân trong những vùng thường xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất...trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan tổ chức ứng phó, khắc phục, xử lý kịp thời các sự cố ô nhiễm môi trường trong vùng xảy ra thiên tai lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt... nhất là hướng dẫn xử lý đảm bảo vệ sinh nguồn nước sinh hoạt cho nhân dân.

- Tuyên truyền phổ biến nhận thức, hiểu biết, kiến thức về biến đổi khí hậu, thích nghi, sống chung với biến đổi khí hậu trong nhân dân, với trọng tâm là nhân dân sống trong các khu vực nhạy cảm, vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, vùng thường xuyên bị tác động của lũ ống, lũ quét và sạt lở đất.

16. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

- Xây dựng kế hoạch lưu giữ, bảo quản chặt chẽ, không để mất mát, hư hỏng các hiện vật, tài liệu, hình ảnh... được lưu giữ ở Bảo tàng tỉnh; các di tích lịch sử - Văn hóa. Kiểm tra, sửa chữa kho chứa hiện vật, nhất là hiện vật dễ hư hỏng do mưa lũ.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, khuyến cáo yêu cầu các doanh nghiệp quảng cáo thực hiện chằng, chống, gia cố các pa nô, biển quảng cáo đúng kỹ thuật, đề phòng gãy đổ, gây tai nạn khi có thiên tai; rà soát và có biện pháp bảo vệ tốt các bia, di tích... trên địa bàn tỉnh.

- Tham gia tuyên truyền lưu động các bản tin cảnh báo khi có dự báo xảy ra tình huống thiên tai lớn, phức tạp tại các vùng nguy cơ cao, cần di dời, sơ tán khẩn cấp; tham gia tuyên truyền, lồng ghép tuyên truyền về kiến thức, kỹ năng phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu vào các Hội thi tuyên truyền viên, các hoạt động văn hóa, văn nghệ...

- Tăng cường Quản lý chặt chẽ các hoạt động văn hóa, du lịch trong mùa mưa bão để đảm bảo an toàn cho du khách.

17. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh

- Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp thành lập kiên toàn, chỉ đạo các đội thanh niên tình nguyện ứng trực, thanh niên xung kích sẵn sàng tham gia công tác phòng, chống thiên tai và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

- Tham gia vận động, tiếp nhận vật chất cứu trợ của các tổ chức, cá nhân và phân phối kịp thời, đúng đối tượng.

- Tổ chức tuyên truyền, tập huấn phương pháp, kỹ năng cứu hộ, cứu nạn cho các lực lượng đoàn viên, thanh niên xung kích cơ sở, đặc biệt là đoàn viên thanh niên các huyện vùng cao để hỗ trợ địa phương trong công tác PCTT-TKCN.

18. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Yên Bái, Hội chữ thập đỏ và các đoàn thể chính trị xã hội

- Phối hợp, chỉ đạo hướng dẫn thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, tiếp nhận tiền, hàng cứu trợ. Tổ chức, động viên các đơn vị, cá nhân tham gia công tác khắc phục hậu quả, thăm hỏi, giúp đỡ các hộ dân bị thiệt hại do thiên tai để sớm khắc phục, ổn định cuộc sống.

- Tập hợp các tổ chức đoàn viên, hội viên tích cực tham gia vận động, thuyết phục gia đình, nhân dân tích cực chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai. Khi có tình huống xảy ra khẩn trương khắc phục hậu quả theo phương châm “4 tại chỗ”, giúp đỡ nhau sớm ổn định cuộc sống.

19. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể khác

Tùy theo chức năng nhiệm vụ của từng ngành, đơn vị, trước mùa mưa bão cần xây dựng và triển khai kế hoạch PCTT-TKCN cụ thể, để có phương hướng chỉ đạo và điều hành trong công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai cho phù hợp với tình hình thực tế; phối hợp với các đơn vị liên quan đảm bảo phục vụ tốt công tác PCTT-TKCN trên địa bàn tỉnh.

20. Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh

- Tổ chức trực ban Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT-TKCN theo quy định.

- Tiếp nhận các ý kiến chỉ đạo của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai - Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn, tổng hợp các thông tin về Khí tượng Thủy văn, thiên tai, tai nạn để tham mưu Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh chỉ đạo phòng tránh, ứng phó, khắc phục hậu quả.

- Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh giải quyết các công việc của Ban Chỉ huy như: Theo dõi dự báo, diễn biến khí tượng thủy văn; ban hành các Công điện, Chỉ thị, Công văn về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; Kiểm tra việc chuẩn bị và kết quả triển khai công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn tại các ngành, địa phương; tổng hợp, xác minh tình hình thiệt hại tại các địa phương và tham mưu đề xuất các biện pháp để khắc phục hậu quả.

- Phối hợp với các ngành chức năng thực hiện công tác, tập huấn, huấn luyện thực hành PCTT-TKCN trên địa bàn; tổ chức tuyên truyền phổ biến kinh nghiệm giải pháp kỹ thuật trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Trong mùa mưa bão, thường xuyên liên hệ với Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo TW về PCTT và các Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn các cấp để nắm chắc diễn biến tình hình thời tiết, khí hậu có ảnh hưởng đến địa bàn tỉnh, tham mưu cho Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh có biện pháp chỉ đạo kịp thời, có hiệu quả.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành liên quan, các huyện, thị xã, thành phố Yên Bái tổ chức điều tra, báo cáo, đề xuất kịp thời các biện pháp khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra đến thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh xem xét hỗ trợ khắc phục thiệt hại.

- Thường xuyên kiểm tra và tham mưu đề xuất các biện pháp khắc phục đối với các khu vực thường xuyên bị sạt lở và có nguy cơ xảy ra sạt lở cao; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, địa phương trong thu thập, xử lý thông tin, thống kê thiệt hại do thiên tai gây ra, để có báo cáo kịp thời theo quy định.

- Hàng năm xây dựng các kế hoạch, phương án kiểm tra về công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn; lập dự toán kinh phí hoạt động cho Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

21. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT-TKCN của địa phương, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Ban Chỉ huy phụ trách địa bàn, để thực hiện công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã, phường, thị trấn chủ động xây dựng và triển khai phương án PCTT-TKCN trên địa bàn, quản lý theo phương châm “4 tại chỗ”.

- Tổ chức triển khai và thực hiện tốt các văn bản liên quan đến công tác PCTT-TKCN của Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai - Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn và của UBND tỉnh.

- Cập nhật, bổ sung hoàn chỉnh các kế hoạch, phương án PCTT-TKCN tại địa phương mình. Chuẩn bị lực lượng, phương tiện, trang thiết bị sẵn sàng để huy động ứng cứu kịp thời khi xảy ra thiên tai, nhằm giảm thiểu thiệt hại đến mức thấp nhất; tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, diễn tập PCTT-TKCN; tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong PCTT-TKCN trên địa bàn.

- Thường xuyên kiểm tra các vị trí xung yếu trên địa bàn để đề xuất giải pháp ứng phó, nhằm đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản cho nhà nước và nhân dân.

- Lập kế hoạch đầu tư các công trình nâng cấp phòng, chống sạt lở bờ sông, suối đảm bảo phục vụ sản xuất và an toàn đời sống nhân dân.

- Chủ động xây dựng các phương án di dời, sơ tán dân cư trong trường hợp khẩn cấp (lũ quét, sạt lở đất...) ra khỏi khu vực nguy hiểm. Chủ động rà soát, đề xuất quy hoạch các quỹ đất để bố trí xây dựng các khu tái định cư cho nhân dân trong những vùng thường xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất...

- Hướng dẫn nhân dân các biện pháp chằng, chống nhà cửa, trường học trạm xá để đối phó với thiên tai như: dông, lốc xoáy. Đối với các hộ dân ở địa bàn có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai lũ quét, sạt lở đất phải kiên quyết chỉ đạo và tổ chức di dời, sơ tán dân đến nơi an toàn.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng trong cộng đồng các biện pháp ứng phó, khắc phục thiên tai, nhằm hạn chế tư tưởng chủ quan, bị động của một số ít cán bộ và nhân dân trong phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.

- Trên cơ sở Kế hoạch của tỉnh, các huyện và thành phố Yên Bái xây dựng kế hoạch của đơn vị mình sao cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương để triển khai thực hiện.

- Chủ động sử dụng ngân sách địa phương và nguồn kinh phí theo quy định để thực hiện công tác phòng, chống thiên tai và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

- Thực hiện tốt chế độ báo cáo nhanh về thiệt hại do thiên tai gây ra về Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh, đề tổng hợp báo cáo Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh xem xét chỉ đạo.

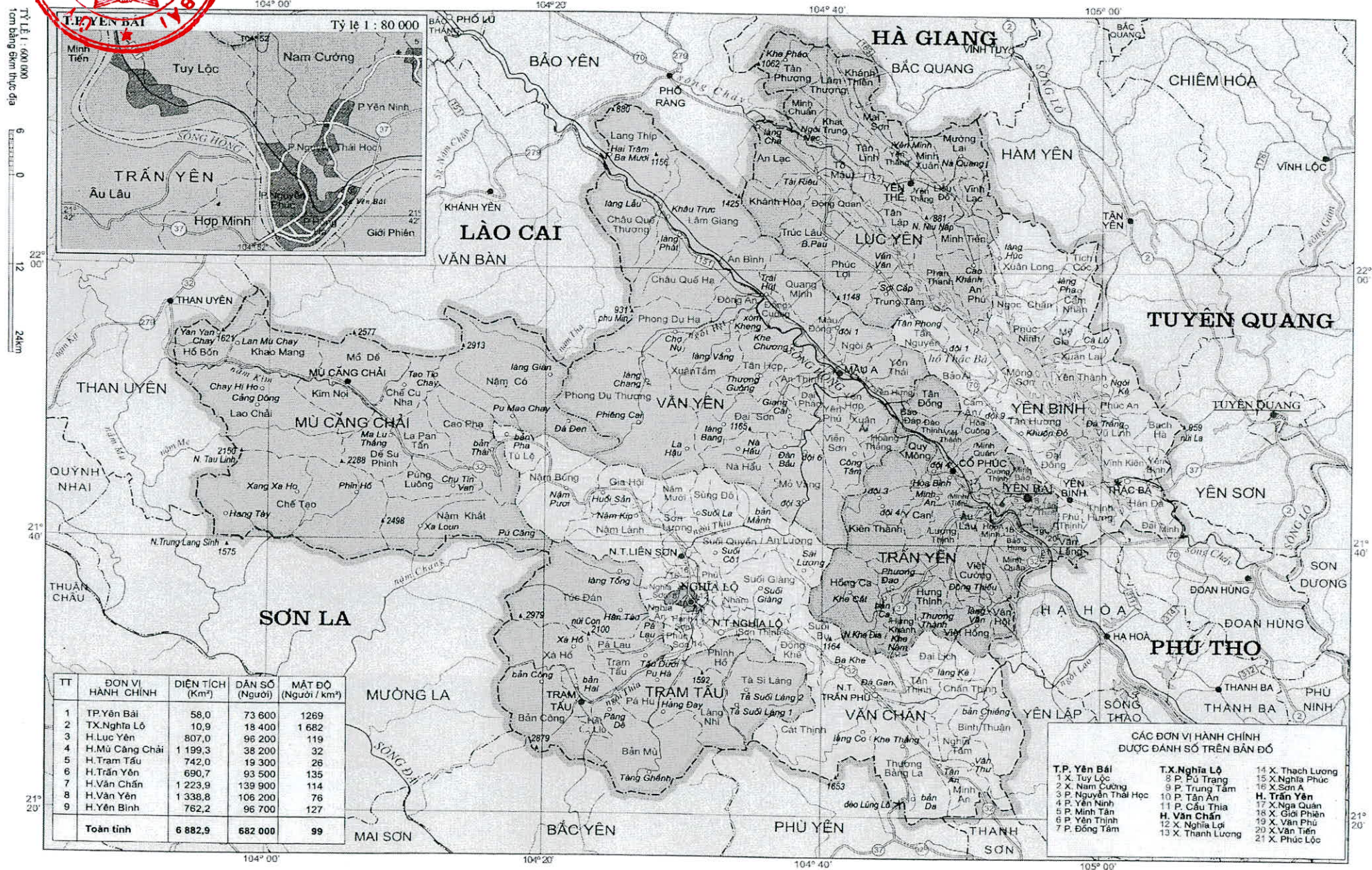
Các Sở, Ban ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã phân công cán bộ chuyên trách theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch PCTT - TKCN hàng năm để làm căn cứ điều chỉnh Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp tỉnh.

Trên cơ sở thông tin thu thập được từ báo cáo đánh giá của các Sở, ngành, và địa phương, Ban chỉ huy PCTT - TKCN tỉnh sẽ rà soát nội dung, tiến độ thực hiện Kế hoạch PCTT giai đoạn 2021 - 2025, tiến hành điều chỉnh, bổ sung hàng năm phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực về phòng chống thiên tai tổ chức kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đoàn thể, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch này và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định./.



BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH YÊN BÁI





Phụ lục 01: LỰC LƯỢNG DỰ KIẾN HUY ĐỘNG

(Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Yên Bái)

STT	Lực lượng	Huyện	Xã, phường, thị trấn	Tổng cộng
	TỔNG CÁC LỰC LƯỢNG	5.942	54.838	60.780
I	THÀNH PHỐ YÊN BÁI	885	2.978	3.863
1	Quân đội	500		500
2	Công an	235	38	273
3	Cơ động	150		150
4	Dự bị động viên			0
5	Dân quân tự vệ		1.200	1.200
6	Đội xung kích PCTT		819	819
7	Phụ nữ		25	25
8	Đoàn thanh niên		186	186
9	Y tế		57	57
10	Hội chữ thập đỏ		20	20
11	Mặt trận tổ quốc		32	32
12	Các doanh nghiệp trên địa bàn		325	325
13	Các trường học		276	276
14	Lực lượng khác (nếu có)			0
II	HUYỆN TRẦN YÊN	316	3.554	3.870
1	Quân đội	50	1	51
2	Công an	158	190	348
3	Cơ động	30		30
4	Dự bị động viên	12		12
5	Dân quân tự vệ		1.200	1.200
6	Đội xung kích PCTT		1.806	1.806
7	Phụ nữ	2	42	44
8	Đoàn thanh niên	2	210	212
9	Y tế	5	42	47
10	Hội chữ thập đỏ		21	21
11	Mặt trận tổ quốc	2	42	44
12	Các doanh nghiệp trên địa bàn	5		5
13	Các trường học	50		50
14	Lực lượng khác (nếu có)			0
III	HUYỆN TRẠM TẤU	641	5.380	6.021
1	Quân đội	20	12	32
2	Công an	95	57	152
3	Cơ động	5	372	377
4	Dự bị động viên	110	500	610
5	Dân quân tự vệ	50	750	800
6	Đội xung kích PCTT		884	884
7	Phụ nữ	2	200	202
8	Đoàn thanh niên	100	1.404	1.504
9	Y tế	5	36	41
10	Hội chữ thập đỏ	1	12	13
11	Mặt trận tổ quốc	3	793	796
12	Các doanh nghiệp trên địa bàn	150		150
13	Các trường học	100	300	400
14	Lực lượng khác (nếu có)		60	60
IV	HUYỆN MÙ CANG CHẢI	234	5.126	5.360
1	Quân đội	20		20



	Lực lượng	Huyện	Xã, phường, thị trấn	Tổng cộng
2	Công an	112	98	210
3★	Cơ động			
4	Dự bị động viên	1c		
5	Dân quân tự vệ	92	1.034	1.126
6	Đội xung kích PCTT		786	786
7	Phụ nữ		224	224
8	Đoàn thanh niên		956	956
9	Y tế	6	56	62
10	Hội chữ thập đỏ	1	14	15
11	Mặt trận tổ quốc	3	28	31
12	Các doanh nghiệp trên địa bàn		30	30
13	Các trường học			
14	Lực lượng khác (nếu có)		1.900	1.900
V	THỊ XÃ NGHĨA LỘ	925	15.124	16.049
1	Quân đội	110	1.596	1.706
2	Công an	126	87	213
3	Cơ động			0
4	Dự bị động viên			0
5	Dân quân tự vệ	689	1.064	1.753
6	Đội xung kích PCTT		1.322	1.322
7	Phụ nữ		6.640	6.640
8	Đoàn thanh niên		1.499	1.499
9	Y tế		285	285
10	Hội chữ thập đỏ		2.041	2.041
11	Mặt trận tổ quốc			0
12	Các doanh nghiệp trên địa bàn		80	80
13	Các trường học			0
14	Lực lượng khác (nếu có)		510	510
VI	HUYỆN YÊN BÌNH	1.015	5.111	6.126
1	Quân đội	300		300
2	Công an	175	176	351
3	Cơ động	62		62
4	Dự bị động viên	110		110
5	Dân quân tự vệ		1.200	1.200
6	Đội xung kích PCTT		2.019	2.019
7	Phụ nữ	2	48	50
8	Đoàn thanh niên	2	48	50
9	Y tế	10	48	58
10	Hội chữ thập đỏ	1	24	25
11	Mặt trận tổ quốc	3	48	51
12	Các doanh nghiệp trên địa bàn			0
13	Các trường học		1.500	1.500
14	Lực lượng khác (nếu có)	350		350
VII	HUYỆN LỤC YÊN	805	7.363	8.168
1	Quân đội	240	803	1.043
2	Công an	169	195	364
3	Cơ động			0
4	Dự bị động viên			0
5	Dân quân tự vệ	19	1.840	1.859
6	Đội xung kích PCTT		2.710	2.710
7	Phụ nữ	3	278	281

STT	Lực lượng	Huyện	Xã, phường, thị trấn	Tổng cộng
8	Đoàn thanh niên	3	285	288
9	Y tế	15	80	95
10	Hội chữ thập đỏ	1	24	25
11	Mặt trận tổ quốc	5	48	53
12	Các doanh nghiệp trên địa bàn	250	600	850
13	Các trường học	100	500	600
14	Lực lượng khác (nếu có)			0
VIII	HUYỆN VĂN YÊN	274	6.011	6.285
1	Quân đội	40	770	810
2	Công an	178	172	350
3	Cơ động			0
4	Dự bị động viên			0
5	Dân quân tự vệ	15	1.680	1.695
6	Đội xung kích PCTT		2.150	2.150
7	Phụ nữ	2	250	252
8	Đoàn thanh niên	2	250	252
9	Y tế	15	100	115
10	Hội chữ thập đỏ	1	25	26
11	Mặt trận tổ quốc	3	50	53
12	Các doanh nghiệp trên địa bàn	18	500	518
13	Các trường học		64	64
14	Lực lượng khác (nếu có)			0
IX	HUYỆN VĂN CHẤN	847	4.191	5.038
1	Quân đội	20	90	110
2	Công an	170	211	381
3	Cơ động			0
4	Dự bị động viên			0
5	Dân quân tự vệ		1.200	1.200
6	Đội xung kích PCTT		1.729	1.729
7	Phụ nữ			0
8	Đoàn thanh niên	100	200	300
9	Y tế	5	80	85
10	Hội chữ thập đỏ	2	31	33
11	Mặt trận tổ quốc			0
12	Các doanh nghiệp trên địa bàn	150		150
13	Các trường học			0
14	Lực lượng khác (nếu có)	400	650	1.050



Phụ lục 02: Phương tiện, trang thiết bị dự kiến huy động
(Kèm theo Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Yên Bái)

Loại phương tiện, thiết bị		STT	Tổng cộng	Đơn vị									
				Cơ quan Bộ chỉ huy QS	TP Yên Bái	Trần Yên	Trạm Tầu	Văn Yên	Lục Yên	Yên Bình	Mù Cang Chải	Văn Chấn	TX Nghĩa Lộ
Xe	Ô tô các loại	1	1.204	6	4	160	42	70	224	390	62	232	14
	Xe cứu thương	2	21	1	3	3	2	3	2	1	2	1	3
	Máy xúc, ủi	3	275			52	28	30	35	51	38	31	10
Tàu, xuồng các loại (chiếc)	VSN-1500	4	1	1									
	Xuồng E15. AMH-15 CV	5	3					3					
	ST-750	6	1	1									
	ST-660	7	8	4						4			
	ST-450	8	18	11	4				3				
	Thuyền máy	9	132		6	16		15	44	51			
	Thuyền tôn	10	161		12	72			77				
	Bè phao cứu sinh'	11	15	5				10					
	Loại khác	12	247		12	144		91					
Trang bị khác (chiếc)	Nhà bạt các loại	13	296	67	11	61	60	26	21	6	4	18	22
	Máy phát điện	14	145	3	17	90		25	1	1		1	7
	Máy bơm các loại	15	81	5	2	52			10	2		3	7
	Máy bộ đàm	16	13	1		5			4	1	1	1	
	Cửa máy các loại	17	374		3	267		30	1	73			
	Phao tròn cứu sinh	18	4.315	489	1.350	764		219	88	995	30	190	190
	Áo phao	19	3.010	289	877	527	90	325	112	470		180	140
	Đèn chiếu sáng HT88	20	84			1			82	1			
	Loa cầm tay	21	471		30	170	14	75	2	27	100	25	28



Luật pháp, tiện, thiết bị		STT	Tổng cộng	Đơn vị									
				Cơ quan Bộ chỉ huy QS	TP Yên Bái	Trần Yên	Trạm Tàu	Văn Yên	Lục Yên	Yên Bình	Mù Cang Chải	Văn Chấn	TX Nghĩa Lộ
Trang bị khác (chiếc)	Cuốc, xẻng, xà beng	22	15.436	46	700	2.050	1.050	520	4.000	530	2.240	2.300	2.000
	Ky, cáng, bao tải	23	47.056		426	13.000	1.500		4.000	12.350		12.500	3.280
	Dụng cụ đo mưa	24	87		3	12	13	4	0		24	21	10
	Trạm đo mưa tự động	25	22		1	3	5		2	3	3	3	2
	Bản đồ theo dõi áp thấp	26	12	1	1	7				1		2	
	Hệ thống máy Ecom	27										10	



PHỤ LỤC 03: CÁC YẾU TỐ DỄ BỊ TỔN THƯƠNG

(Kèm theo Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Yên Bái)

STT	Tên mục	Đơn vị	Tổng toàn tỉnh	Phân chia theo đơn vị hành chính								
				Tp. Yên Bái	Huyện Trấn Yên	Huyện Văn Yên	Huyện Yên Bình	Huyện Văn Chấn	Huyện Trạm Tấu	Huyện Mù Cang Chải	Huyện Lục Yên	Thị xã Nghĩa Lộ
I	Con người		198.729	18.483	26.530	30.848	34.302	8.457	9.622	24.078	44.974	1.435
1	Trẻ em	Người	127.669	11.750	21.795	15.751	28.883	34	5.020	15.666	28.540	230
2	Người già	Người	19.347	1.890	1.263	8.317	1.471	1.698	1.427	2.029	1.192	60
3	Người khuyết tật	Người	9.825	938	1.403	720	1.535	1.329	216	319	3.365	
4	Phụ nữ mang thai, nuôi con dưới 12 tháng tuổi	Người	2.830	1.005	48		168		20	976	603	10
5	Phụ nữ đơn thân	Người	2.398	34	876	190		175	29	129	960	5
6	Người bị bệnh hiểm nghèo	Người	750	347					21	44	33	305
7	Số hộ nghèo	Hộ	26.050	504	1.145	5.870	2.245	5.221	2.889	4.915	3.236	25
8	Số người bị sơn tẩn, di dời trước thiên tai	Người	9.860	2.015							7.045	800
II	Cơ sở hạ tầng		7.690		1.265	2.659	-		151	314	2.206	1.095
1	Nhà tạm, dễ sập	Cái	3.524	25	-	1.375		300	151	136	1.387	150
2	Nhà ven sông, ven suối	Cái	1.830	14	230	479		68		44	155	840
3	Nhà ven núi, sườn đồi, mái dốc	Cái	3.539	395	1.035	805		401		134	664	105
III	Sản xuất		4.433		1.207	1.460	20		-	6	915	825
1	Vùng dễ bị ngập lụt	Ha	2.882	727	857	410	20	23		7,5	345	500
2	Vùng dễ bị hạn hán	Ha	2.562	261	350	1.050				6	570	325



PHỤ LỤC 4: CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THỦY LỢI + NƯỚC SẠCH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng		Mục tiêu đầu tư (hiệu quả đầu tư)	Nội dung, quy mô đầu tư	Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	20
1	HỒ CHỨA THỦY LỢI			Hiệu quả tưới (ha)				
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			1.325		734.400		
1	Dự án Ngòi Lợ	Yên Phú	Văn Yên	80	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	12.000	2021-2025	
2	Dự án Khe Nhâm	Mậu A	Văn Yên	22	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	8.000	2021-2025	
3	Dự án Hồ Đầm Hậu	Minh Quân	Trần Yên	38,6	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	15.000	2021-2025	
4	Dự án Đập Ngòi Thủ	Quy Mông	Trần Yên	79	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	16.000	2021-2025	
5	Dự án Đập Thôn 9	Báo Đáp	Trần Yên	21,79	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	10.000	2021-2025	
6	Dự án Đập Khe Bến	Kiên Thành	Trần Yên	27,72	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	10.000	2021-2025	
7	Dự án Đông Ké	Tân Nguyên	Yên Bình	8	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	9.000	2021-2025	
8	Dự án Đồi 300	Cầm Nhân	Yên Bình	5	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	12.000	2021-2025	
9	Dự án Khe Quý	Yên Hợp	Văn Yên	6,5	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	11.000	2021-2025	
10	Dự án Đập Đá Mài	Minh Quân	Trần Yên	33,69	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	12.000	2021-2025	
11	Dự án Đập Đất Đỏ	Bảo Hưng	Trần Yên	2,40	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	8.000	2021-2025	
12	Dự án Đập Hồ Hầm 1 + 2	Phúc Lộc	TP Y Bái	11,55	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	10.500	2021-2025	



Danh mục dự án		Địa điểm xây dựng		Mục tiêu đầu tư (hiệu quả đầu tư)	Nội dung, quy mô đầu tư	Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Thời gian thực hiện	Ghi chú
14	Dự án Khe Cỏ	An Thịnh	Văn Yên	10,35	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	12.000	2021-2025	
15	Dự án Thôn Lý	Yên Hợp	Văn Yên	14,3	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	8.000	2021-2025	
15	Dự án Ba Luồng	Đại Phác	Văn Yên	32,56	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	19.000	2021-2025	
16	Dự án Ông Luận	Đại Phác	Văn Yên	1,35	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	10.000	2021-2025	
17	Dự án Hồ Làng Xóa	An Phú	Lục Yên	19,8	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	7.500	2021-2025	
18	Dự án Hồ Suối Bé	Tô Mậu	Lục Yên	5,8	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	6.500	2021-2025	
19	Dự án Hồ Ngòi Năn	Phan Thanh	Lục Yên	5	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	4.000	2021-2025	
20	Dự án Hồ Khe Thảm	Thượng .B. La	Văn Chấn	25	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	15.000	2021-2025	
21	Dự án Đập Đồng Thiều	Việt Cường	Trần Yên	18,00	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	6.600	2021-2025	
22	Dự án Đập Khe Trò	Hòa Cuông	Trần Yên	12,17	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	6.200	2021-2025	
23	Dự án Đập Đoàn Kết	Quy Mông	Trần Yên	16,8	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	6.400	2021-2025	
24	Dự án Gò Cao	T.T Thác Bà	Yên Bình	23,6	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	13.000	2021-2025	
25	Dự án Thống Nhất	Tích Cốc	Yên Bình	20	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	12.000	2021-2025	
26	Dự án Độc Quý	Cầm Ân	Yên Bình	20	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	12.000	2021-2025	
27	Dự án Đập Đàm Sen	Âu Lâu	TP Y Bái	10,00	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	8.000	2021-2025	
28	Dự án Thứ 8	Yên Hưng	Văn Yên	6,94	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	4.000	2021-2025	
29	Dự án Cát Nội	Hoàng Thắng	Văn Yên	4,4	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	9.300	2021-2025	



STT

</



Danh mục dự án		Địa điểm xây dựng		Mục tiêu đầu tư (hiệu quả đầu tư)	Nội dung, quy mô đầu tư	Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Thời gian thực hiện	Ghi chú
47	Dự án Ong Tiếp	Châu Quế Hạ	Văn Yên	14,2	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	12.000	2021-2025	
48	Dự án Hồ Roong nụ	Tân Lĩnh	Lục Yên	83,3	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	7.000	2021-2025	
49	Dự án Hồ Gốc Hồng	Yên Thắng	Lục Yên	8	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	8.000	2021-2025	
50	Dự án Hồ Chăn Nuôi 1	Yên Thắng	Lục Yên	2	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	12.000	2021-2025	
51	Dự án Hồ Khe Nghe	Phúc Lợi	Lục Yên	3,3	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	9.000	2021-2025	
52	Dự án Đập Pù Quất	Vĩnh Lạc	Lục Yên	6	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	6.500	2021-2025	
53	Dự án Hồ Chăn Nuôi 2	Yên Thắng	Lục Yên	1	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	5.500	2021-2025	
54	Dự án Hồ Phú Yên	TT Yên Thế	Lục Yên	11	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	8.500	2021-2025	
55	Dự án Hồ Phụ	Minh Xuân	Lục Yên	39,5	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	9.500	2021-2025	
56	Dự án Hồ Gò Chè	Minh Xuân	Lục Yên	39,5	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	6.600	2021-2025	
57	Dự án Hồ Cộng Lực	TT Yên Thế	Lục Yên	3,1	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	4.000	2021-2025	
58	Dự án Hồ thanh niên 2	Tân Lĩnh	Lục Yên	5	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	4.500	2021-2025	
59	Dự án Đập Quyết Tiến	Việt Cường	Trần Yên	10,00	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	5.300	2021-2025	
60	Dự án Hồ Lan Đình	Việt Thành	Trần Yên	22,88	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	8.000	2021-2025	
61	Dự án Đập Ngòi Thót	Việt Cường	Trần Yên	21,36	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	6.000	2021-2025	
62	Dự án Đập Ngòi Linh	Minh Tiến	Trần Yên	33,6	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	9.500	2021-2025	
63	Dự án Núi Chuông	Việt Cường	Trần Yên	10,97	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	4.000	2021-2025	



STT và Tên dự án		Địa điểm xây dựng		Mục tiêu đầu tư (hiệu quả đầu tư)	Nội dung, quy mô đầu tư	Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Thời gian thực hiện	Ghi chú
64	Dự án Đập Ngòi Ac	Việt Cường	Trấn Yên	19,48	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	6.500	2021-2025	
65	Dự án Đập Cây Sừa	Y Can	Trấn Yên	4,1	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	7.500	2021-2025	
66	Dự án Đập Khe Chuôm	Hung Khánh	Trấn Yên	21,32	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	12.000	2021-2025	
67	Dự án Đập Khe Xá	Việt Cường	Trấn Yên	9,2	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	10.000	2021-2025	
68	Dự án Đập Bà Mậu	Đào Thịnh	Trấn Yên	13,54	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	7.500	2021-2025	
69	Dự án Đập Khe Sắt	Y Can	Trấn Yên	8	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	7.400	2021-2025	
70	Dự án Đập Khe Đình	Quy Mông	Trấn Yên	15	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	9.200	2021-2025	
71	Dự án Đập Cuối Bến	Quy Mông	Trấn Yên	13	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	6.400	2021-2025	
72	Dự án Đập Trùm Tư	Nga Quán	Trấn Yên	13	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	6.000	2021-2025	
73	Dự án Đập Khe Mường	Việt Cường	Trấn Yên	14,32	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	7.000	2021-2025	
74	Dự án Đập Khe Giã	Lương Thịnh	Trấn Yên	9,04	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	5.200	2021-2025	
75	Dự án Đập Khe Chanh	Kiên Thành	Trấn Yên	5,96	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	4.800	2021-2025	
76	Dự án Đập Khe Xẻ	Quy Mông	Trấn Yên	11	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	6.000	2021-2025	
77	Dự án Đập thôn 6	Báo Đáp	Trấn Yên	7,76	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	6.400	2021-2025	
78	Dự án Đập Linh Động	Báo Đáp	Trấn Yên	11,62	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	5.500	2021-2025	
79	Dự án Đập Dộc Sùng	Đào Thịnh	Trấn Yên	9,40	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	7.500	2021-2025	
80	Dự án Đập Dầm Sen	Đào Thịnh	Trấn Yên	9,39	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	7.000	2021-2025	



Tên dự án		Địa điểm xây dựng		Mục tiêu đầu tư (hiệu quả đầu tư)	Nội dung, quy mô đầu tư	Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Thời gian thực hiện	Ghi chú
81	Dự án Đập Đá Cối	Bảo Hưng	Trần Yên	6,70	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	6.000	2021-2025	
82	Dự án Đập Khe Sắt	Y Can	Trần Yên	4,5	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	7.000	2021-2025	
83	Dự án Đồng Khoái	Lương Thịnh	Trần Yên	5,00	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	5.000	2021-2025	
84	Dự án Đồng Hào	Lương Thịnh	Trần Yên	9,5	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	7.200	2021-2025	
85	Dự án Khe Lành	Lương Thịnh	Trần Yên	8,67	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	7.300	2021-2025	
86	Dự án Đập Bà Sáng	Minh Quán	Trần Yên	4,44	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	3.500	2021-2025	
87	Dự án Đập Khe Nụ	Lương Thịnh	Trần Yên	9,05	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	6.000	2021-2025	
88	Dự án Đập Khe Nụ	Tân Đồng	Trần Yên	9,05	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	6.000	2021-2025	
89	Dự án Đập Ông Sinh	Minh Quán	Trần Yên	4	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	5.000	2021-2025	
90	Dự án Đập Thôn 2	Bảo Đáp	Trần Yên	9,00	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	10.000	2021-2025	
91	Dự án Đập Thôn 5	Bảo Đáp	Trần Yên	6,75	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	6.700	2021-2025	
92	Dự án Đập Yên Ngựa	Bảo Hưng	Trần Yên	3,43	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	3.500	2021-2025	
93	Dự án Đập Trại Khế	Đào Thịnh	Trần Yên	2,05	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	4.500	2021-2025	
94	Dự án Đập Cánh Tiên	Bảo Hưng	Trần Yên	3,77	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	5.600	2021-2025	
95	Dự án Ba Nai	Vĩnh Kiên	Yên Bình	26	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	5.300	2021-2025	
96	Dự án Trại Lăn	Mông Sơn	Yên Bình	7,5	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối, tràn xả lũ, cống lấy nước đầu mối, kênh dẫn	12.000	2021-2025	
II NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN								



STT		Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng		Mục tiêu đầu tư (hiệu quả đầu tư)	Nội dung, quy mô đầu tư	Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025					69.400		
1		Công trình Loong Co Cại	Minh Xuân	Lục Yên	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 135 hộ dân	Đầu tư xây dựng khu đầu mối, tuyến ống, trụ vòi	3.400	2021-2025	
2		Công trình Hua Tông	Khánh Thiện	Lục Yên	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 60 hộ dân	nt	1.500	2021-2025	
3		CT cấp nước sinh hoạt tập trung bản Ngải Thầu	Cao Phạ	Mù C.Chải	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 100 hộ dân	nt	2.500	2021-2025	
4		CT cấp nước sinh hoạt tập trung Nà Tả	Hồ Bốn	Mù C.Chải	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 25 hộ dân	nt	500	2021-2025	
5		CT cấp nước sinh hoạt tập trung Trống Gầu Bua	Hồ Bốn	Mù C.Chải	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 45 hộ dân	nt	1.000	2021-2025	
6		CT cấp nước sinh hoạt tập trung Háng Đàng Dê	Kim Nội	Mù C.Chải	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 35 hộ dân	nt	700	2021-2025	
7		CT cấp nước sinh hoạt tập trung Hủ Trủ Linh	Lao Chải	Mù C.Chải	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 80 hộ dân	nt	2.000	2021-2025	
8		CT cấp nước sinh hoạt tập trung Nà Háng B	Mồ Dề	Mù C.Chải	Đảm bảo cấp nước an toàn cho hộ dân	nt	800	2021-2025	
9		CT cấp nước sinh hoạt tập trung Háng Sung	Mồ Dề	Mù C.Chải	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 30 hộ dân	nt	700	2021-2025	
10		CTCNSSH tập trung Trống Màng Mù A-B	Mồ Dề	Mù C.Chải	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 25 hộ dân	nt	600	2021-2025	
11		CTNSSH tập trung Có Thái (Lùng Cúng)	Nậm Có	Mù C.Chải	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 60 hộ dân	nt	1.500	2021-2025	
12		CT cấp nước sinh hoạt tập trung Đá Đen	Nậm Có	Mù C.Chải	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 80 hộ dân	nt	2.000	2021-2025	
13		CT cấp nước sinh hoạt tập trung Tà Ghênh	Nậm Có	Mù C.Chải	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 60 hộ dân	nt	1.500	2021-2025	



Dự án		Địa điểm xây dựng		Mục tiêu đầu tư (hiệu quả đầu tư)	Nội dung, quy mô đầu tư	Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Thời gian thực hiện	Ghi chú
14	Công trình cấp nước Tàng Ghênh	Bản Mù	Trạm Tầu	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 80 hộ dân	nt	2.000	2021-2025	
15	Công trình cn Giàng La Pán	Bản Mù	Trạm Tầu	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 60 hộ dân	nt	1.500	2021-2025	
16	Công trình cấp nước Làng Tổng	Túc Đán	Trạm Tầu	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 50 hộ dân	nt	1.200	2021-2025	
17	Công trình cấp nước Làng Linh	Túc Đán	Trạm Tầu	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 35 hộ dân	nt	800	2021-2025	
18	Công trình cấp nước Tổng Ngoài	Túc Đán	Trạm Tầu	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 70 hộ dân	nt	1.700	2021-2025	
19	Công trình cấp nước Chổng Khua	Xà Hồ	Trạm Tầu	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 60 hộ dân	nt	1.400	2021-2025	
20	Công trình cấp nước Suối Giao	Xà Hồ	Trạm Tầu	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 80 hộ dân	nt	2.000	2021-2025	
21	Công trình cấp nước Háng Thồ	Xà Hồ	Trạm Tầu	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 60 hộ dân	nt	1.500	2021-2025	
22	Công trình cấp nước Tầu Trên	Trạm Tầu	Trạm Tầu	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 70 hộ dân	nt	1.700	2021-2025	
23	CT cấp nước Km + Mo Nhang	Trạm Tầu	Trạm Tầu	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 25 hộ dân	nt	500	2021-2025	
24	Công trình cấp nước thôn 1	Hòa Cuông	Trần Yên	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 80 hộ dân	nt	2.000	2021-2025	
25	Công trình cấp nước Nam Thái	Hồng Ca	Trần Yên	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 100 hộ dân	nt	2.500	2021-2025	
26	Công trình cấp nước Khe Ron	Hồng Ca	Trần Yên	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 160 hộ dân	nt	4.000	2021-2025	



STT Dự án		Địa điểm xây dựng		Mục tiêu đầu tư (hiệu quả đầu tư)	Nội dung, quy mô đầu tư	Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	CT cấp nước thôn Lương Tâm	Lương Thịnh	Trần Yên	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 25 hộ dân	nt	500	2021-2025	
28	Công trình cấp nước Bản Bến	Việt Hồng	Trần Yên	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 120 hộ dân	nt	3.000	2021-2025	
29	Công trình cấp nước Bản Chao	Việt Hồng	Trần Yên	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 185 hộ dân	nt	4.600	2021-2025	
30	Công trình cấp nước Bản Tun	Tú Lệ	Văn Chấn	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 800 hộ dân	nt	800	2021-2025	
31	CT cấp nước bản Nước Nóng	Tú Lệ	Văn Chấn	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 25 hộ dân	nt	500	2021-2025	
32	Công trình cấp nước Bản Côm	Tú Lệ	Văn Chấn	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 20 hộ dân	nt	400	2021-2025	
33	CT cấp nước Chiềng Păn 1	Gia Hội	Văn Chấn	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 80 hộ dân	nt	2.000	2021-2025	
34	CT cấp nước Bản Mười	Sơn Lương	Văn Chấn	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 25 hộ dân	nt	500	2021-2025	
35	CT cấp nước Lương Hà	Thạch Lương	Văn Chấn	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 100 hộ dân	nt	2.000	2021-2025	
36	CT cấp nước Suối Mùa	Phù Nham	Văn Chấn	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 50 hộ dân	nt	1.000	2021-2025	
37	CT cấp nước Thác Vác	Đồng Khê	Văn Chấn	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 50 hộ dân	nt	1.000	2021-2025	
38	Công trình cấp nước thôn Hán	Thượng B. La	Văn Chấn	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 50 hộ dân	nt	1.000	2021-2025	
39	Công trình cấp nước Nậm tộc(Nghĩa Sơn)	Nghĩa Sơn	Văn Chấn	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 40 hộ dân	nt	900	2021-2025	



Tên mục dự án		Địa điểm xây dựng		Mục tiêu đầu tư (hiệu quả đầu tư)	Nội dung, quy mô đầu tư	Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Thời gian thực hiện	Ghi chú
40	CT cấp nước Bàn Pang Kang	Suối Giàng	Văn Chấn	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 25 hộ dân	nt	500	2021-2025	
41	CT cấp nước thôn Suối Bắc	Suối Quyền	Văn Chấn	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 35 hộ dân	nt	800	2021-2025	
42	Công trình cấp nước Khe Đĩa	Lang Thíp	Văn Yên	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 20 hộ dân	nt	400	2021-2025	
43	CT cấp nước trung tâm(Tiến Đạt)	Lang Thíp	Văn Yên	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 50 hộ dân	nt	1.000	2021-2025	
44	Công trình cấp nước thôn Bo	Lang Thíp	Văn Yên	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 45 hộ dân	nt	900	2021-2025	
45	Công trình cấp nước thôn 5	Nà Hấu	Văn Yên	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 40 hộ dân	nt	800	2021-2025	
46	CT cấp nước Bàn Tát, thôn 1	Nà Hấu	Văn Yên	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 50 hộ dân	nt	1.000	2021-2025	
47	Công trình cấp nước thôn 9	Lâm Giang	Văn Yên	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 70 hộ dân	nt	1.500	2021-2025	
48	Công trình cấp nước thôn 14	Lâm Giang	Văn Yên	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 65 hộ dân	nt	1.300	2021-2025	
49	CT cấp nước Làng Lớn (thôn 13)	Tân Hợp	Văn Yên	Đảm bảo cấp nước an toàn cho 70 hộ dân	nt	1.500	2021-2025	



Phụ lục 5

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÊ, KÈ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Tên các chương trình, dự án		Địa điểm xây dựng	Mục tiêu đầu tư	Nội dung, quy mô đầu tư	Kinh phí thực hiện (Tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ				1.826,068	
1	Đê chống ngập sông Hồng khu vực xã Giới Phiên, thành phố Yên Bái (giai đoạn 2)	Thành phố Yên Bái	Bảo vệ sự ổn định bền vững của bờ sông, chống ngập úng cho trên 600 ha đất lúa, hoa màu của gần 4.100 hộ dân	Đê kết hợp đường giao thông (bao gồm rãnh thoát nước mặt đê và các công trình phụ trợ); kè bảo vệ mái đê phía sông (bao gồm kè chân đê); công trình tiêu nước (bao gồm cống, kênh dẫn, trạm bơm); hệ thống chiếu sáng, có chiều dài = 4,03 km (từ lý trình km0+000m đến lý trình km4+030m)	178,068	2021-2025
2	Đê Liên Hiệp, xã Minh Quân, huyện Trấn Yên	Huyện Trấn Yên	Bảo vệ sự ổn định bền vững của bờ sông, chống ngập úng cho trên 1.000 ha đất lúa, hoa màu của gần 9,000 hộ dân	Đắp áp trúc mở rộng đỉnh và thân đê về 2 phía mái đê; xử lý mối và thấm thân đê; gia cố đỉnh đê bằng bê tông	22	2021-2025
3	Đê Lan Đình, xã Việt Thành, huyện Trấn Yên	Huyện Trấn Yên	Bảo vệ sự ổn định bền vững của bờ sông, chống ngập úng cho trên 1.800 ha đất lúa, hoa màu của gần 11.000 hộ dân	Đắp áp trúc mở rộng đỉnh và thân đê về 2 phía mái đê; xử lý mối và thấm thân đê; gia cố đỉnh đê bằng bê tông	20	2021-2025
4	Kè chống sạt lở bờ sông Hồng khu vực thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên	Huyện Trấn Yên	Xây dựng hệ thống kè bê tông cốt thép, chiều dài khoảng 2 km	Xây dựng hệ thống kè bê tông cốt thép	400	2021-2025
5	Dự án chỉnh trị tổng thể khu vực ngòi Thia (giai đoạn 2) và suối Ngòi Hút	Tỉnh Yên Bái	Chỉnh trị, bảo vệ bờ suối. Bảo vệ đất canh tác và các cơ sở hạ tầng của nhân dân; ổn định đời sống nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	Xây dựng hệ thống kè kết hợp đê, tổng chiều dài khoảng 6km	300	2021-2025

STT

BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

10

Tên các chương trình, dự án

Địa điểm xây dựng

Mục tiêu đầu tư

Nội dung, quy mô đầu tư

Kinh phí thực hiện (Tỷ đồng)

Thời gian thực hiện

2

3

4

5

6

7

7

Kè chống sạt lở bờ sông Hồng (khu vực phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái và khu vực thượng lưu cầu Móc Tôm, xã Bảo Đáp, huyện Trấn Yên)

Thành phố Yên Bái, huyện Trấn Yên

Xây dựng hệ thống kè bê tông cốt thép, chiều dài khoảng 3,5 km

Xây dựng hệ thống kè bê tông cốt thép

300

2021-2025

8

Kè chống sạt lở bờ sông Chảy khu vực xã Đại Minh, huyện Yên Bình

Huyện Yên Bình

Xây dựng hệ thống kè bê tông cốt thép, chiều dài khoảng 1,5 km

Xây dựng hệ thống kè bê tông cốt thép

300

2021-2025

9

Kè chống sạt lở bờ sông Hồng (đoạn qua tổ dân phố Phúc Tân, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái)

Thành phố Yên Bái

Bảo vệ cho 13 hộ dân, 52 nhân khẩu sinh sống ven sông và chống sạt lở nhà văn hóa phố Phúc Tân (phường Nguyễn Phúc); chống sạt lở tuyến đường Yên Bái - Khe Sang đoạn qua phố Phúc Tân, phường Nguyễn Phúc

Xây dựng hệ thống kè bê tông cốt thép

100

2021-2025

10

Kè chống sạt lở sông Hồng và suối Nhược

Huyện Văn Yên

Xây dựng hệ thống kè bê tông cốt thép, chiều dài khoảng 1,2 km

Xây dựng hệ thống kè bê tông cốt thép

80

2021-2025

11

Kè chống sạt lở khu di tích lịch sử đền Đông Cuông, huyện Văn Yên

Huyện Văn Yên

Xây dựng hệ thống kè bê tông cốt thép, chiều dài khoảng 1 km

Xây dựng hệ thống kè bê tông cốt thép

50

2021-2025

12

Kè chống sạt lở thôn Trung Tâm 1, xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên

Huyện Văn Yên

Xây dựng hệ thống kè bê tông cốt thép, chiều dài khoảng 3 km

Xây dựng hệ thống kè bê tông cốt thép

50

2021-2025

13

Xây dựng kè chống sạt lở Trung đội thông tin 18

Thành phố Yên Bái

Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất cho các chiến sỹ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Yên Bái

Xây dựng hệ thống kè, tường rào, cổng và các hạng mục phụ trợ khác

10

2021-2025

14

Kè chống sạt lở cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Yên Bái

Thành phố Yên Bái

Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất cho các chiến sỹ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Yên Bái

Kè bê tông cốt thép, hàng rào và các hạng mục phụ trợ

10

2021-2025

15

Kè chống sạt lở Trường TH&THCS Lao Chải, xã Lao Chải

Huyện Mù Cang Chải

Đảm bảo an toàn trong quá trình giảng dạy và học tập của nhà trường

Kè đá chống sạt lở để đảm bảo an toàn cho các công trình mới được đầu tư xây dựng

6

2021-2023

Phụ lục 6

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN BỐ TRÍ DÂN CƯ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025



STT	Nội dung các chương trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Mục tiêu đầu tư	Nội dung, quy mô đầu tư	Kinh phí thực hiện (Tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ				304,9	
1	Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai huyện Mù Cang Chải	Huyện Mù Cang Chải	Đáp ứng nhu cầu về chỗ ở đảm bảo an toàn cho nhân dân trong vùng thiên tai nhằm nâng cao đời sống góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	01 điểm dân cư tập trung cho 60 hộ	61,2	2021-2022
2	Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai huyện Trạm Tấu	Huyện Trạm Tấu	Đáp ứng nhu cầu về chỗ ở đảm bảo an toàn cho nhân dân trong vùng thiên tai nhằm nâng cao đời sống góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	01 điểm dân cư tập trung cho 22 hộ	10,0	2021
3	Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai huyện Văn Chấn	Huyện Văn Chấn	Đáp ứng nhu cầu về chỗ ở đảm bảo an toàn cho nhân dân trong vùng thiên tai nhằm nâng cao đời sống góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	01 điểm dân cư tập trung cho 28 hộ	7	2021
4	Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai huyện Văn Yên	Huyện Văn Yên	Đáp ứng nhu cầu về chỗ ở đảm bảo an toàn cho nhân dân trong vùng thiên tai nhằm nâng cao đời sống góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	06 điểm dân cư tập trung cho 282 hộ	139	2022-2025
5	Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai huyện Trấn Yên	Huyện Trấn Yên	Đáp ứng nhu cầu về chỗ ở đảm bảo an toàn cho nhân dân trong vùng thiên tai nhằm nâng cao đời sống góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	01 điểm dân cư tập trung cho 38 hộ	17,7	2021
6	Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai huyện Lục Yên	Huyện Lục Yên	Đáp ứng nhu cầu về chỗ ở đảm bảo an toàn cho nhân dân trong vùng thiên tai nhằm nâng cao đời sống góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	02 điểm dân cư tập trung cho 56 hộ	26,6	2023-2025



STT	Tên các chương trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Mục tiêu đầu tư	Nội dung, quy mô đầu tư	Kinh phí thực hiện (Tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
2	3	4	5	6	7	
	Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai huyện Yên Bình	Huyện Yên Bình	Đáp ứng nhu cầu về chỗ ở đảm bảo an toàn cho nhân dân trong vùng thiên tai nhằm nâng cao đời sống góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	02 điểm dân cư tập trung cho 91 hộ	36,4	2023-2024
8	Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai tại thị xã Nghĩa Lộ	Thị xã Nghĩa Lộ	Đáp ứng nhu cầu về chỗ ở đảm bảo an toàn cho nhân dân trong vùng thiên tai nhằm nâng cao đời sống góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	02 điểm dân cư tập trung cho 41 hộ	7	2022



PHỤ LỤC 7

Danh mục các chương trình, dự án thực hiện giai đoạn 2021-2025

STT	Tên các chương trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Mục tiêu (hiệu quả đầu tư)	Tóm tắt nội dung, quy mô đầu tư	Kinh phí thực hiện (tỉ đồng)	Thời gian thực hiện
1	Đề án xây dựng trường THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành giai đoạn 2021-2025	Trường THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành	Phát triển quy mô từ 25 lớp hiện nay thành 35 lớp, 1.225 học sinh; Trong đó: Cấp trung học phổ thông: 27 lớp, 945 học sinh; Cấp trung học cơ sở: 8 lớp, 280 học sinh.	Xây dựng hội trường và phòng hội thảo quốc tế; Xây dựng các hạng mục khu hoạt động trải nghiệm; Xây dựng bổ sung phòng học	Xây dựng: 58.656 triệu đồng	
2	Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025	Các trường TH, THCS, TH&THCS, THCS&THPT, THPT	Đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp đối với cấp tiểu học để 100% học sinh được học 2 buổi/ngày theo lộ trình như trên; đủ phòng học bộ môn cho các cấp học; các lớp có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo danh mục quy định.	Tiểu học: Phòng học: 229; Phòng Tin – Ngoại ngữ: 73; Cải tạo sửa chữa: 28; THCS: Phòng Tin Ngoại ngữ: 63; Phòng Lý – CN: 52; Phòng Hóa-Sinh: 55; Cải tạo sửa chữa: 60; THPT: Phòng Lý- CN: 01; Phòng Hóa-Sinh: 01; Cải tạo sửa chữa 04;	Xây dựng cơ sở vật chất: 284.700 triệu đồng;	2021-2025
3	Đề án xây dựng trường chuẩn quốc gia tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025	52 trường trong đề án	Đến năm 2025, công nhận thêm 52 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia lên 297/443 trường	- Nhu cầu mở rộng quỹ đất: 11.160 m ² ; - Nhu cầu xây dựng cơ bản: + Phòng học: Xây dựng mới 46 phòng; + Phòng phục vụ học tập: Xây dựng mới 102 phòng; + Khối phòng hành chính quản trị: Xây dựng mới 98 phòng; + Nhà vệ sinh, nhà để xe, phòng công	Đầu tư xây dựng cơ bản: 293.672 triệu đồng	2021-2025



			vụ: Xây dựng mới 21 công trình;			
4	Đề án phát triển giáo dục mầm non tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025	Các trường MN	Đầu tư cơ sở vật chất để bảo đảm tỷ lệ 01 phòng học/nhóm, lớp; tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 70%, không còn phòng học tạm, nhờ;	Trong giai đoạn 2021-2025, tiến hành đầu tư xây mới 328 phòng học kiên cố	Đầu tư CSVC: 229.600 triệu đồng	2021-2025
5	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025	Trường THPT Hoàng Quốc Việt; THPT Mai Sơn; THCS&THPT Nậm Búng; THPT Nguyễn Trãi; THPT Sơn Thịnh; THPT Thác Bà; THPT Cẩm Nhân; THPT Hồng Quang; THPT Lê Quý Đôn, THPT Văn Chấn; THPT Trần Nhật Duật; THPT Nghĩa Lộ; THPT Trần Phú; THPT Hoàng Văn Thụ	Tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học để đảm bảo cho việc phục vụ chương trình giáo dục phổ thông 2018	Phòng học bộ môn: 39; Phòng học BM: 21; Thư viện: 7; Phòng thiết bị giáo dục: 11; Phòng hoạt động Đoàn: 6; Phòng Truyền thống: 9; Phòng Y tế: 7; Nhà đa năng: 12; Phòng họp: 01; Phòng SH TCM: 02;	Đầu tư CSVC: 121.750 triệu đồng	2021-2025



Phụ lục 8

Kế hoạch đầu tư, xây dựng các chương trình, dự án ngành Y tế giai đoạn 2021-2025

	Nội dung	Phân loại vùng	Loại đầu tư (Xây mới, cải tạo)	Kinh phí (triệu đồng)
A. Nguồn dự án Y tế cơ sở				127.775
I	Huyện Trảng Yên			
1	Xã Minh Quân	2	Sửa chữa	1.320
2	Xã Tân Đồng	3	Sửa chữa	1.719
II	H. Mù Cang Chải			
1	Xã Cao Phạ	3	Sửa chữa	1.555
2	Xã Hồ Bốn	3	Sửa chữa	1.850
3	Xã Kim Nội	3	Sửa chữa	2.132
4	Xã Khao Mang	2	Sửa chữa	4.215
5	Xã Nậm Có	3	Sửa chữa	2.112
6	Xã Nậm Khắt	3	Sửa chữa	1.233
III	Huyện Lục Yên			
1	Xã An Lạc	3	Sửa chữa	1.486
2	Xã Minh Chuẩn	3	Sửa chữa	1.453
3	Xã Tân Phụng	3	Sửa chữa	1.065
4	Xã Khánh Thiện	3	Sửa chữa	1.771
IV	Huyện Trạm Tấu			
1	Xã Bản Công	2	Sửa chữa	3.270
2	Xã Bản Mù	3	Sửa chữa	2.566
3	Xã Làng Nhì	3	Xây mới	4.094
4	Xã Tà Xi Láng	3	Xây mới	4.458
5	Xã Túc Đán	3	Sửa chữa	1.816
6	Thị trấn Trạm Tấu	1	Sửa chữa	2.240
7	Xã Xà Hồ	3	Sửa chữa	2.094
8	Xã Trạm Tấu	2	Sửa chữa	2.306
V	Thị xã Nghĩa Lộ			
1	Xã Nghĩa Phúc	2	Xây mới	2.074
2	Phường Pú Trạng	1	Sửa chữa	1.122
3	Phường Trung Tâm	1	Sửa chữa	804
VI	Huyện Văn Chấn			
1	Xã Bình Thuận	3	Sửa chữa	2.735
2	Xã Nậm Lành	3	Sửa chữa	1.398
3	Xã Nậm Mười	3	Sửa chữa	2.015



	Xã Nghĩa Tâm	3	Sửa chữa	1.470
	TT NT Liên Sơn	2	Sửa chữa	2.088
	Xã Sùng Đô	3	Sửa chữa	2.260
	Xã Suối Giàng	3	Sửa chữa	1.836
	Xã Minh an	3	Sửa chữa	2.199
VII	Huyện Yên Bình			
1	Xã Mông Sơn	3	Sửa chữa	2.251
2	Xã Ngọc Chấn	3	Sửa chữa	2.708
3	Xã Phúc Ninh	3	Sửa chữa	3.052
4	Xã Tân Nguyên	3	Sửa chữa	1.319
5	Xã Vĩnh Kiên	3	Sửa chữa	2.533
6	Xã Yên Thành	3	Sửa chữa	2.623
7	Xã Đại Minh	3	Sửa chữa	1.257
8	Xã Xuân Lai	3	Sửa chữa	2.133
VIII	Huyện Văn Yên			
1	Xã Lang Thíp	3	Sửa chữa	1.865
2	Thị trấn Mậu A	1	Xây mới	1.749
3	Xã Phong Dụ Thượng	3	Sửa chữa	2.764
4	Xã Nà Hẩu	3	Sửa chữa	1.479
5	Xã Ngòi A	2	Xây mới	3.162
6	Xã Quang Minh	3	Sửa chữa	2.115
7	Xã Tân Hợp	3	Xây mới	2.551
8	Xã Xuân Tầm	3	Sửa chữa	1.654
9	TTYT Văn Yên (Nhà khám đa khoa; Khoa HS-CC-CD, XN; Khu QLĐH)		Xây mới	27.810
B. Nguồn ngân sách Trung ương				218.100
I	Trung tâm Y tế thành phố			45.000
1	Dự án xây mới Khoa Khám bệnh		Xây mới	15.000
2	Dự án Đầu tư hệ thống xử lý nước thải		Xây mới	5.000
3	Dự án đầu tư mua sắm TTB phục vụ hoạt động chuyên môn		Mua sắm	25.000
II	Trung tâm Y tế Văn Chấn			40.000
	Dự án mua sắm bổ sung trang thiết bị phục vụ công tác khám chữa bệnh đơn vị		Mua sắm	40.000
III	Trung tâm Y tế Văn Yên			89.600
1	Xây nhà tưởng niệm người bệnh tử vong và Hệ thống bảo quản lạnh		Xây mới	3.500
2	Hệ thống xử lý nước thải bệnh viện		Xây mới	5.000
3	Làm mặt bằng và xây hệ thống kho		Xây mới	6.000



	30 phòng			
4	Cải tạo sửa chữa Trung tâm Y tế		Cải tạo, nâng cấp	8.000
	Xây khoa truyền nhiễm, khu Kiểm soát nhiễm khuẩn, khoa Y học cổ truyền		Xây mới	11.200
6	Xe ô tô cứu thương		Mua sắm	1.100
7	Đầu tư trang thiết bị y tế phục vụ hoạt động chuyên môn		Mua sắm	54.800
IV	Trung tâm Y tế huyện Yên Bình			13.500
1	Dự án xây dựng Khoa YHCT - PHCN		Xây mới	5.000
2	Dự án xây dựng Khối nhà dự phòng		Xây mới	5.000
3	Dự án xây dựng Khoa Dinh dưỡng tiết chế		Xây mới	3.500
V	Trung tâm Y tế huyện Trấn Yên			20.000
1	Dự án mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn		Mua sắm	5.000
2	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế Trấn Yên (Cải tạo, nâng cấp khoa khoa hồi sức cấp cứu, nhà mổ và xây dựng mới bổ sung khu điều trị nội trú)			15.000
VI	Trung tâm Y tế huyện Mù Cang Chải			10.000
1	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế Mù Cang Chải (Cải tạo, nâng cấp và mở rộng khoa truyền nhiễm, mua sắm trang thiết bị chuyên môn)			10.000



PHỤ LỤC 9: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN GIAO THÔNG ƯU TIÊN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025

STT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Mục tiêu xây dựng	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
1	2	3	4	5	6	10
I	Giai đoạn 2021 - 2025				3.016	
1	Dự án đường nối Tỉnh lộ 170 với Quốc lộ 70 và đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Huyện Lục Yên, Yên Bình và Văn Yên	Đầu tư tuyến đường ngang kết nối khu vực phía Đông và phía Tây của tỉnh (các huyện Văn Yên, Lục Yên, Yên Bình) và các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang với đường cao tốc Nội Bài Lào Cai	Đường cấp IV miền núi với Bn = 7,5m, Bm = 6,5m (gồm 1m giai cổ lè). Tổng chiều dài tuyến L = 47Km.	1.238	2021-2025
2	Đường nối QL32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (đoạn Đông An - Gia Hội)	Huyện Văn Yên và Văn Chấn	Đầu tư tuyến đường ngang kết nối các huyện phía Tây của tỉnh và các huyện của tỉnh Lai Châu, Sơn La với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Đoạn từ Đông An - Phong Dụ Hạ với chiều dài 14,5Km: Trên cơ sở nền, mặt đường hiện có xử lý những vị trí mặt đường bị cao su, trôi lún, bù vênh những vị trí mặt đường lún võng rồi rải tăng cường lên một lớp móng ĐDTC dày 15cm, mặt đường láng nhựa 4,5Kg/m ² . Đoạn Phong Dụ Hạ - Gia Hội được xây dựng theo quy mô đường cấp V miền núi với Bn = 6,5m; Bm = 3,5m; tổng chiều dài tuyến L = 26,5Km	180	2021-2025
3	Đường Trạm Tấu - Bắc Yên	huyện Trạm Tấu	Kết nối huyện Trạm Tấu (Yên Bái) với huyện Bắc Yên (Sơn La) phá thế độc đạo cho huyện Trạm Tấu tránh bị cô lập khi có sự cố mưa bão, sạt lở đất; thúc đẩy phát triển KT-XH của địa phương	Dự án được đầu tư theo quy mô đường cấp V miền núi với bề rộng nền đường Bn = 6,5m, bề rộng mặt đường Bm = 5,5m (bao gồm gia cổ lè); kết cấu áo đường cứng bằng BTXM. Tổng chiều dài tuyến đường khoảng 16Km	260	2021-2025
4	Dự án đường nối Quốc lộ 32 (khu vực dốc Thảm Lẻ, thị trấn Nông trường Nghĩa Lộ) với xã Làng Nhi - xã Bản Mù - thị trấn Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái	TX. Nghĩa Lộ, huyện Văn Chấn và huyện Trạm Tấu	Đề hệ thống giao thông trên địa bàn huyện được thông suốt, bảo đảm kết nối giữa các xã, đi lại được 4 mùa và phá thế độc đạo cho huyện Trạm Tấu, tăng cường năng lực cứu hộ, cứu nạn trong trường hợp thiên tai bão lũ xảy ra góp phần vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói, giảm nghèo, đảm bảo quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị	Dự án đầu tư theo quy mô đường cấp VI miền núi với bề rộng nền đường Bn = 6,0m, bề rộng mặt đường Bm = 3,5m; kết cấu áo đường cứng bằng BTXM. Tổng chiều dài khoảng 44,37Km	300	2021-2025
5	Dự án đường nối Quốc lộ 32C với Quốc lộ 37 và đường Yên Ninh	TP. Yên Bái	Hình thành tuyến đường kết nối tuyến Quốc lộ 32C với Quốc lộ 37 và thành phố Yên Bái đảm bảo kết nối thành phố Yên Bái với các xã bên phía hữu ngạn sông Hồng; là tiền đề để phát triển không gian đô thị của thành phố Yên Bái, tạo nền tảng để thành phố Yên Bái trở thành đô thị loại II trong những năm tới. Đồng thời góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của địa phương.	dự án được thiết kế theo quy mô đường đô thị cấp khu vực với bề rộng nền đường Bn = 15 + 2x5m = 25m (trong đó bề rộng mặt đường Bm = 15m, bề rộng vỉa hè Bvh = 2 x 5m = 10m); kết cấu áo đường mềm. Tổng chiều dài tuyến đường khoảng 1,8Km	380	2021-2029
6	Đường Sơn Thịnh - Sơn Lương	huyện Văn Chấn	Dự án được đầu tư sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác cứu hộ, cứu nạn khi có thiên tai xảy ra trên địa bàn huyện Văn Chấn (nhất là khi xảy ra tình trạng ách tắc giao thông trên tuyến đường Quốc lộ 32 do ảnh hưởng của nước lũ Ngòi Thia, Ngòi Nhi). Mặt khác, khi tuyến đường được đầu tư xây dựng sẽ đáp ứng nhu cầu giao thông và nâng cao năng lực vận chuyển phục vụ cho phát triển cụm công nghiệp Sơn Thịnh.	Đoạn từ Km0 - Km3 được thiết kế theo quy mô đường phố với bề rộng nền đường Bn = 10,5m + 2 x 5m = 20,5m, trong đó bề rộng mặt đường Bm = 10,5m; bề rộng vỉa hè Bvh = 2 x 5m = 10m; Đoạn từ Km3 - Km16+69,03m được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp V miền núi với bề rộng nền đường Bn = 6,5m, bề rộng mặt đường Bm = 5,5m (bao gồm cả gia cổ lè)	300	2021-2025



	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Mục tiêu xây dựng	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
7	Cải tạo, nâng cấp đường Âu Lâu - Đông An đoạn Km0 - Km10 (Âu Lâu đến nút giao cầu Cổ Phúc)	TP. Yên Bái và huyện Trấn Yên	Kết nối các xã phía tả ngạn sông Hồng của huyện Trấn Yên và thành phố Yên Bái với nút giao IC13 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Theo quy mô đường đô thị với bề rộng nền đường $B_n = 10,5 + 2 \times 5m = 20,5m$. Tổng chiều dài khoảng 10Km	250	2021-2025
8	Dự án cầu Tô Mậu	Huyện Lục Yên	Thay thế cầu cũ để đảm bảo giao thông trên tuyến đường Khánh Hòa - Minh Xuân (ĐT.171)	Cầu vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DƯL với mặt cắt ngang $B_c = 9,0m$	108	2021-2025